

Phật Lịch 2542

BỐN KINH
CỦA
PHẬT TỔ



Thích Huyền-Vi

Phật Lịch 2542

BỐN KINH
CỦA
PHẬT TỔ

Thích Huyền Vi

MỤC LỤC

Lời đầu

Lược giải Kinh Bát Đại Nhân Giác

Phần đầu

Phần hai

Phần cuối

Giảng giải Kinh Bốn Mười Hai Chương

Giảng giải Kinh Di Giáo

I. Phần Tựa

II. Phần Chánh Tôn

III. Phần Lưu Thông

Đức Phật nói Kinh Nghiệp Báo Sai Khác

Ý nghĩa rộng lớn của Nghiệp

Phàm lệ

Phụ trang

Lời đầu

Bốn Kinh của Phật Tổ thuyết ra cho nhân loại nói chung, cho hàng bảy chúng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di) đệ tử của Phật nói riêng, khai ngộ con đường siêu

thoát và thống thiết chỉ bày, phương pháp thật hành. Những ai muốn trở thành bậc đại nhơn, muốn trở thành Đại Bồ Tát, cứu độ chúng sanh, muốn trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác để độ tận muôn loài hàm linh. Bước đầu không thể không đọc học Bốn Kinh này mà thành tựu được.

Kinh Bát Đại Nhơn Giác là tập kinh chỉ tám điều giác ngộ của bậc đại nhơn: nhận rõ thế cuộc là vô thường, nhơn sinh thống khổ, muốn giải tỏa sự vô thường và thống khổ, tâm hồn phải nhận đúng mức cuộc đời, rồi phát tâm xuất gia học đạo, sống đời an nhiên tự tại, tự độ độ tha. Ở trong mỗi niệm, mỗi chánh niệm, dứt tội vô lượng, mau đến giác ngộ, thành Phật, độ hết chúng sanh.

Kinh Bốn Mươi Hai Chương: Mỗi chương Phật dạy rất là rõ ràng và thật tế, sống đời

sống giữ hạnh thanh tịnh, tâm hồn nhẹ nhàng cao thượng... Thân, miệng, ý lúc nào cũng cẩn thận “Ba nghiệp hằng thanh tịnh đồng Phật về phương Tây.” Tổng quát mà nói phải hiểu biết sự sai biệt chứng quả Sa Môn khen ngợi thắng hạnh đầu đà; biết rõ vô tánh của lành dữ; theo ý phải ngăn ác làm lành, vui theo công đức, mình và người đều lợi, so sánh ruộng phước hơn thua không đồng; biết rõ hai mươi (20) việc khó rồi chuyên cố gắng tu hành, không có thiện nào bằng chơn tu thành đạo!

Chỉ rõ sức nhân nhục vĩ đại, tâm mỗi người hằng trong, phải giữ đúng để đến chỗ lời nói việc làm siêu việt; Phật chỉ dạy chỉ có tâm thức quán, chỉ cho người dùng bốn đại quán thân; chỉ rõ những người háo danh, sắc dục là bình nặng của chúng sanh; người học đạo

phải xa lìa các chướng ngại; tâm viên ý mã khó điều phục; chỉ rõ phải xa lìa các dục vọng; người làm đạo phải giữ đủ giới, định, huệ, mạng người vô thường, không thể không biết; dùng Phật nhãn quan sát tất cả sự vật. Tóm lại, kinh này đốn giáo, tiệm giáo gồm thâu, biết tâm thông gốc, hiểu pháp vô vi...

Kinh Di Giáo: Đức Phật phú chúc lại những lời ân cần, hết sức thống thiết. Gương sáng để lại là đức Phật độ năm vị tỳ kheo, để cho cõi đời có đủ ngôi Tam Bảo:

- Đức Phật là Phật Bảo.
- Bốn chơn đế là Pháp Bảo.
- Năm vị tỳ khưu là Tăng Bảo.

Sau cùng độ cho ông Tu Bạt Đà La được thành A La Hớn.

Kinh này, đức Phật dạy: Người Phật tử phải giữ giới luật làm thầy, đối trị căn dục buông lung, đối trị khổ ăn uống nhiều; đối trị khổ biếng nhác ngủ nghỉ, đối trị chướng ngại tức giận phiền não, đối trị tâm lý cống cao; đối trị chướng ngại phiền não dua nịnh... Về pháp cốt yếu không chung thế gian Phật dạy: công đức không cầu, công đức tri túc; công đức xa lìa, công đức không quên chánh niệm; công đức thiên định; công đức trí huệ, và công đức rốt ráo. Cuối cùng, Phật ân cần dạy: Mỗi người thường phải phát tâm siêng cầu thành Phật quả để trên đền đáp bốn ơn sâu, dưới cứu giúp ba đường khổ.

Kinh Nghiệp Báo Sai Khác: Mặc dù giáo lý cõi người, cõi trời, nghĩa lý phổ thông, hiểu biết không khó; nhưng Phật pháp quý trọng ở chỗ thật hành mới được lợi ích.

Kinh Nghiệp Báo Sai Khác, phần chính yếu quan niệm như sinh hết sức chính xác, mỗi việc trong ngoài đều do sức nghiệp của mỗi người tuyệt đối nên, hư, thành, bại đều do chính mình quyết định, không có sự an bài nào của Phạm Thiên hay Thần Ngã, không ai chi phối ngoài chính mình. Tạo thiện nghiệp có quả báo của thiện nghiệp, mình làm ác nghiệp sẽ có quả báo của ác nghiệp. Tập Kinh này, trước nêu đề mục, sau đó giải nghĩa, văn lý rõ ràng, làm cho người đọc dễ hiểu từ đầu đến cuối, có chú giải các danh từ, pháp số... yếu điểm nào khó hiểu, liền mang giải thích tỉ mỉ, hy vọng người đọc, học tham khảo không khó...

Bốn kinh này, chúng tôi giảng dạy cho Tăng, Ni, tại Phật Học Viện Linh-Sơn và ở Tùng Lâm Linh-Sơn – Pháp quốc nhiều

khóa học. Có khóa trực tiếp giảng dạy với bản Hán Văn, có khóa chúng tôi dịch ra thành Việt văn để dạy. Thường chúng tôi theo bản văn giải thích của Đại Sư Ngẫu Ích, đời nhà Minh Trung Hoa... Bản văn này giảng giải rất rõ ràng nhưng súc tích, nghĩa lý sâu xa. Về phần thêm Phạn ngữ và chú thích từ ngữ, chúng tôi biên soạn để cho người đọc học dễ dàng tìm hiểu và tra cứu tường tận.

Muốn được lợi lạc cho hàng Phật tử Việt đọc học, chúng tôi cho xuất bản. Tập sách này được hoàn thành, đến tận tay quý vị phần lớn là do công đức của Tỳ Kheo Thích Trí Hải, Linh Sơn Tự Hạ Uy Di (Mỹ quốc), sau là công tác đánh máy, trang trí của hai Phật tử Tịnh Hảo và Phúc Tâm cùng sự chung góp tịnh tài của chư Phật tử bốn xứ.

Xin hồi hướng công đức này đến tất cả chư vị ấy được phước huệ trang nghiêm, tùy tâm mãn nguyện.

Vì công việc hoằng pháp và Phật sự quá nhiều, nên khi soạn dịch cũng như xuất bản, không sao tránh khỏi lỗi lầm, xin quý vị cao minh thấy chỗ nào còn khuyết điểm, hoan hỷ cho biết để kỳ sau chúng tôi tái bản được thập phần hoàn hảo. Rất mong!

Thích Huyền-Vi

LƯỢC GIẢI

KINH BÁT ĐẠI NHƠN GIÁC

Tổng quát chia làm ba:

1. Giải chung.

2. Giải riêng.
3. Khen phần cuối.

ĐÂY LÀ PHẦN ĐẦU:

Là đệ tử Phật, thường phải ngày đêm, hết lòng tụng niệm, tám điều giác ngộ của bậc Đại nhơn.

Không luận là Phật tử¹ tại gia hay xuất gia, những ai trở về nương tựa với Phật, tức là đệ tử của Phật. Đã là đệ tử Phật, phải nên thường đọc tụng và thật hành tám điều giác ngộ này. Nói thường phải ngày đêm là thế nào? Là chỉ rõ công tu không gián đoạn. Nói hết lòng là sao? Là chỉ rõ, tự mình tha thiết chơn thành đọc tụng và thật hành. Nói tụng niệm là thế nào? Tức là đọc tụng suy nghĩ văn nghĩa thuần thực, ghi nhớ không quên.

¹ **Phật tử**: Fils, Disciple de Bouddha, Bouddhiste. Con của Phật, đệ tử của Phật, tín đồ Phật giáo. Trong kinh thường nói: Từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được phân Phật pháp, gọi là Phật tử.

Tám điều giác ngộ của bậc Đại nhơn sẽ giải trong đoạn văn khen phần cuối...

THỨ HAI CHIA RIÊNG TÁM ĐIỀU: GIÁC NGỘ ĐẦU TIÊN, VÔ THƯỜNG VÔ NGÃ

Giác ngộ thứ nhất, thế gian vô thường, cõi nước nguy khốn, bốn đại khổ không, năm ấm² vô ngã, sanh diệt đổi thay, hư dối không chủ, tâm là nguồn ác, thân hình là rừng tội, quán sát như thế, tạm lìa sự sanh tử.

Đây là cửa mới vào đạo, trước hết phải phá trừ ngã chấp³ pháp chấp⁴, quán xét cảnh thế gian là vô thường, cõi nước nguy khốn, cũng

² **Năm ấm:** Skandasa – Cing aggregates: Nghĩa là tích tập, nhiều yếu tố kết hợp lại nhau. Cũng gọi là năm uẩn. Năm thứ tích tập lại hiệp thành người, thành chúng sanh. Ấy là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

³ **Ngã chấp:** Lòng, chấp nệ có ta, có thân mình, cứ khư khư mắc vào nhận thức ấy cũng gọi là nhơn chấp. Chấp có người.

⁴ **Pháp chấp:** Chấp có các sự vật. Có chấp các sự vật trong thế gian. Có chấp như vậy là do lòng nghi sái, do ý kiến sai lạc, hễ có chấp thì chằng thông; người tu thường vướng hai lối chấp: ngã chấp và pháp chấp.

như bờ cao thành hang hóc, hang sâu thành vực thăm v.v... thì đối với y báo⁵, không nên tham lam đắm trước, kế đó dùng bốn đại⁶ quán sát thân thể, đất, nước, gió, lửa, tàn hại lẫn nhau, nên có khổ bốn trăm bốn bệnh, mỗi mỗi không có thật tánh, rốt ráo đều không, sau dùng bốn âm quán tâm. Ấy là thọ, tướng, hành, thức và sắc thân này, chung gọi là năm âm. Ở trong đó thật không có ngã và ngã sở, chỉ là các pháp sanh diệt, trong giây phút, tích tắc biến chuyển đổi dời, không thật nên gọi là giả dối, không thật nên gọi là hư ngụy; thay nhau gá nương, nên gọi là không chủ thể. Trong chánh báo⁷ cũng không nên tham lam đắm trước.

⁵ **Y báo:** Quả báo nương theo quả báo chánh, cũng gọi là y quả. Mỗi mạng chúng sanh đều chịu hai thứ quả báo: Chánh báo và y báo. Y báo là quả báo tùy theo quả báo chánh, tức là các vật nương theo thân mạng của mình, như nhà cửa, của cải, làng xóm, v.v...

⁶ **Bốn đại:** Quatre elements. Mahabhutas: Bốn chất lớn hiệp lại thành thân người và vạn vật: Đất, nước, gió, lửa.

⁷ **Chánh báo:** Quả báo chánh. Con người sanh ra đều do nơi nghiệp nhơn đời trước của mình, nó cảm ứng mà sanh ra quả báo. Có hai quả báo: Chánh báo là cái thân thể ngũ uẩn của mình tốt hay xấu, yếu hay thọ, thông minh hay ngu dốt... Hai là y báo (Xem lại số 3 phía trên)

Lại nữa, chánh báo thân tâm này không những không thương tiếc, nhiều sự vô ích mà là mê muội trong sáu trần⁸ vin ảnh làm tâm tướng của mình, thì tâm lại là nguồn các ác nghiệp, rồi mê bốn đại là thân tướng của mình, thì thân hình lại là rùng các tội lỗi. Nếu không trực tiếp đả phá thì hại vô cùng. Người nào để tâm quan sát như thế thì thân và tâm hai chấp dần dần nhẹ. Tức là phương tiện thứ nhứt dần dần xa lìa sự sanh tử luân hồi vậy.

GIÁC NGỘ THỨ HAI

THƯỜNG THẬT HÀNH THIỂU DỤC

Giác ngộ hiểu biết thứ hai, nhiều sự ham muốn là khổ, sanh tử quá mỗi mạt, từ

⁸ Sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

**tham dục phát khởi, ít ham muốn vô vi⁹,
thân tâm tự tại.**

Trên đã đem giác ngộ thứ nhất hàng phục kiến hoặc¹⁰. Đây giác ngộ thứ hai hàng phục tư hoặc¹¹. Tư hoặc tuy nhiều, lòng ham muốn đứng đầu, hay thật hành ít ham muốn, thì được giác ngộ vô vi mà chắc chắn tự tại.

GIÁC NGỘ THỨ BA BIẾT ĐỦ VÀ GIỮ ĐẠO

**Giác ngộ hiểu biết thứ ba, tâm không
nhàm đủ, duy dặng cầu nhiều, tăng
trưởng tội ác. Bồ Tát không như thế,
thường nghĩ biết đủ, an nghèo giữ đạo,
chỉ lấy trí tuệ làm sự nghiệp.**

⁹ **Vô vi:** Asamskrta. Non agir. Không tạo tác, không có nhơn duyên tạo tác. Vô vi tức là chơn lý, chơn tâm, niết bàn, vô tướng, thật tướng...

¹⁰ **Kiến hoặc:** Sai lầm của ý kiến. Ý kiến tham trước, mê chấp, lầm lạc. Ý là căn thứ sáu trong sáu căn. Các ý ấy tính lường trái lẽ, khởi ra các ý kiến tà...

¹¹ **Tư hoặc:** Tức là sự sai lầm của lòng nghĩ, của tư tưởng. Tư hoặc là cái mối lầm của năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Đối với năm trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm căn khởi ra lòng tham ái, nhiễm trước, mê mà không tỉnh...

Đây đã thật hành thiếu dục, lại thật hành tri túc, chuyên tâm ở nơi huệ nghiệp¹². Người nhiều ham muốn không biết đủ, thường hay ngăn che huệ nghiệp. Nay ở trong ít muốn lại còn biết đủ, thì huệ nghiệp tự nhiên tăng tiến.

GIÁC NGỘ THỨ TƯ

THƯỜNG THẬT HÀNH TINH TẤN

Giác ngộ hiểu biết thứ tư, biếng nhác trụy lạc, thường thật hành tinh tấn, phá ác phiền não, trừ phục bốn thứ ma, ra khỏi ngục ám giới.

Luận về ít muốn biết đủ, chính muốn xét sự tinh tiến kia dùng biện tài ra khỏi chỗ thiết yếu; thản như gá nương sự biết đủ, mà lại ngồi ở trong hầm biếng nhác thì trụy lạc

¹² **Huệ nghiệp:** Huệ nghiệp có hai nghĩa quan thiệp với nhau: 1. Những việc tốt lành có tánh cách giải thoát, minh mẫn. Như bậc thông đạt lý **Không** thì chuyên làm những huệ nghiệp. 2. Do các việc lành, những nết tu hành về trí huệ, trong các đời trước, đời này mình được một sức mạnh, nó làm cho mình hưởng trí huệ và tu thêm trí huệ.

không cạn. Thế nên phải thường thật hành tinh tấn, để phá kiến tư phiền não. Con ma phiền não đả phá thì âm ma, thiên ma, tử ma¹³ thấy đều trừ phục, rồi mới có thể ra khỏi ngục năm âm, mười tám giới¹⁴.

GIÁC NGỘ THỨ NĂM TRÍ HUỆ NGHE NHIỀU

Giác ngộ hiểu biết thứ năm, ngu si sanh tử. Bồ Tát thường nghĩ học rộng nghe nhiều trí huệ thêm lớn, thành tựu biện tài, giáo hóa tất cả, lấy đó trọn vui rộng lớn.

Tuy nói tinh tiến, nếu không học rộng nghe nhiều, thêm lớn trí huệ, thì trở thành lỗi ám chướng; lại nữa, có nghe mà không huệ, như cầm lửa tự đốt; có huệ mà không nghe, như

¹³ **Tử ma:** Ma chết, sự chết tức là ma. Ma là loài có thể phá hoại người ta. Vì cái chết, có thể hại mạng căn của người ta, ngăn trở việc tiến tu, nên gọi nó là tử ma.

¹⁴ **Mười tám giới:** Dix huit localités: Mười tám ranh giới: Sáu căn ở trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn ở ngoài: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu thức ở giữa: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức.

cầm dao tự cắt, nghe và huệ đầy đủ, mới có thể lợi mình, lợi người.

GIÁC NGỘ THỨ SÁU

BỒ THÍ BÌNH ĐẲNG

Giác ngộ hiểu biết thứ sáu, nghèo cùng có nhiều oán hận, ngang trái kết duyên ác. Bồ Tát bồ thí, bình đẳng nghĩ đến kẻ oán người thân, không nghĩ đến ác cũ, không ghét kẻ làm ác.

Tuy có trí huệ, nhưng không phước đức, cũng không thể lợi mình lợi người được, nên phải đủ thật hành ba cách bồ thí¹⁵. Biết nhiều oán nghèo khổ mà làm sự bồ thí, tức là tài thí. Biết sự bình đẳng của kẻ oán người thân mà không nghĩ không ghét, tức là úy

¹⁵ Ba cách bồ thí: Bồ thí tiền của, bồ thí giáo pháp và bồ thí không sợ sệt...

thí. Pháp thí đã nói rõ ở trên. Nay đem tài thí và vô úy thí, để viên mãn ba cách thí vậy.

GIÁC NGỘ THỨ BẢY

XUẤT GIA VÀ HẠNH TỐT

Giác ngộ hiểu biết thứ bảy, lỗi lầm lo sợ của năm thứ ham muốn, tuy làm người thế tục, không nhiễm cảnh vui trong thế gian, thường nghĩ ba pháp y¹⁶, bình bát¹⁷, pháp bảo, chí nguyện xuất gia, thanh bạch gìn giữ mỗi đạo, hạnh tốt cao thượng, từ bi với tất cả mọi người.

Mặc dù thật hành trí tuệ phước đức nếu không xa lìa năm thứ ham muốn trong cuộc sống, thì không thể nào nối thành ngôi Tam Bảo, trú trì Phật pháp. Phải biết các đức Phật

¹⁶ **Ba pháp y:** Ba y của tỳ kheo: hạ y: y năm điều. Trung y: y bảy điều và thượng y là y chín điều...

¹⁷ **Bình bát:** Gọi tắt là Bát: Patra = Boi à aumône. Vật dụng để đựng thức ăn của nhà sư khát thực. Khi Phật còn tại thế, thường bữa, mặc áo, ôm bát đi vào thành phố hay làng xóm mà khát thực.

trong ba đời, không có một vị nào không xuất gia mà được thành đạo. Ba pháp y là y An Đà Hội, năm điều; Uất Đa La Tăng, y bảy điều và Tăng Già Lê, y chín điều. Song, thân tuy xuất gia, nhưng không thể giữ gìn đạo hạnh thanh bạch, giới đức cao xa, từ bi đối với tất cả thì trở thành dôi trộm hình nghi của Phật, tội càng thêm nhiều, không thể không biết.

GIÁC NGỘ THỨ TÁM

TÂM RỘNG LỚN, GIÚP ĐỠ CÙNG KHẮP

Giác ngộ hiểu biết thứ tám, sanh tử hừng thạnh, khổ não vô lượng, phát tâm đại thừa¹⁸, khắp giúp chúng sanh; nguyện thay thế chúng sanh, chịu khổ vô lượng, khiến cho chúng sanh, an vui rất ráo.

¹⁸ Phát tâm đại thừa: Pháp tâm rộng lớn, độ hết chúng sanh. Tâm đại thừa là tâm đại đạo. Là tâm Phật, rộng lớn bao la.

Tuy là xuất gia, nhưng không phát tâm đại thừa khắp giúp, thì tâm từ không chu biến; không phát tâm thay thế khổ cho chúng sanh thì tâm bi không tha thiết. Từ bi chu biến tha thiết, mới là chơn Phật tử, nối thành gia nghiệp Phật tổ.

THỨ BA LÀ KHEN PHẦN CUỐI

Tám việc giác ngộ như thế, chính là chỗ giác ngộ của các đức Phật, Bồ Tát Đại Nhon, tinh tấn hành đạo, tử bi tu huệ, ngồi trên con thuyền pháp thân, đến bờ niết bàn. Lại trở về con đường sanh tử, độ thoát tất cả chúng sanh. Dem tám việc giác ngộ trên khai đạo cho tất cả, khiến các chúng sanh, giác ngộ khổ sanh tử, bỏ lìa năm dục lạc¹⁹, tu tâm theo con đường Thánh. Nếu đệ tử Phật, tụng tám điều

¹⁹ Năm dục lạc: Năm thứ ham muốn là: Tài, sắc, danh, thực, thù (ngủ).

giác ngộ này, ở trong mỗi niệm, dứt vô lượng tội lỗi, tiến đến con đường giác ngộ, chóng lên bậc Chánh Giác²⁰, hằng dứt sự sanh tử, thường trú trong sự an lạc.

Tám sự giác ngộ như thế trở xuống dưới hai mươi chữ, kết thành danh nghĩa, tinh tấn hành đạo, dưới hai mươi chữ, kết thành công đức tự giác, chiếc thuyền pháp thân, chỉ tánh đức sở ngộ. Bờ niết bàn, chỉ tu đức hiển lộ. Rồi trở lại con đường sanh tử xuống dưới bốn mươi bốn chữ, kết thành công đức giác tha. Duy có tự giác, mới hay giác tha. Nếu đệ tử Phật trở xuống bốn mươi ba chữ, kết thành công đức tụng niệm, thường tụng văn kia, quyết hay chuyên ròng nghĩ nhớ nghĩa kia, phải dùng tự giác, giác tha này, cho nên hay

²⁰ **Bậc Chánh Giác:** Sambudha: Qui a la connaissance de tout. Bực Phật, Bực giác ngộ hoàn toàn hiểu biết tất cả, tức là Phật Thế Tôn, Phật Như Lai.

diệt tội mà đoạn khổ sinh tử, đến chỗ giác ngộ mà chúng an vui thường trú vậy.

LƯỢC GIẢI
KINH BÁT ĐẠI NHƠN GIÁC
HẾT
GIẢNG GIẢI
PHẬT NÓI KINH
BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG
PHẬT NÓI KINH
BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

Đề mục kinh có bảy chữ, chung riêng hiệp cả hai, nhơn pháp đều rõ ràng. Một chữ **kinh** là tên chung. Tất cả tạng kinh của nguyên thủy và đại thừa, đồng gọi là kinh. Sáu chữ **Phật Nói Bốn Mười Hai Chương** là tên riêng. Các kinh khác, trong tên riêng, đức Phật là vị

hay nói kinh, còn bốn mươi hai chương là pháp được đức Phật nói ra.

Chữ Phật, tiếng Phật gọi đủ là Phật Đà, dịch là Giác Giả. Có ba nghĩa là tự mình giác ngộ, giác ngộ cho người khác, sự giác ngộ được viên mãn. Tự mình giác ngộ không đồng với phàm phu. Giác ngộ cho người khác, không đồng với hàng Thinh Văn, Duyên Giác. Giác ngộ viên mãn không đồng với các vị Bồ Tát. Tức là đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, muôn đức Từ Tôn, giáo chủ thế giới Ta Bà.

Chữ nói là vui theo bản hoài. Đức Phật dùng sự độ chúng sanh làm bản hoài. Cơ duyên chưa đến, yên lặng đợi thời, cơ duyên đã thuận thực, thì Ngài theo bệnh cho thuốc. Bốn mươi hai chương, là nêu danh của số mục. Bởi vì từ trong một đời giáo hóa của

đức Phật, Ngài lựa ra những điểm rất thiết yếu, rất rõ ràng, và rất đơn giản, biên tập thành một quyển sách thích hợp căn cơ ở quốc độ này. Do đó tuy văn lược nhưng nghĩa rộng, thông suốt bốn giáo: Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo.

Đời Hậu Hán, Ngài Ca Diếp Ma Đằng và Ngài Trúc Pháp Lan đồng dịch

Hậu Hớn tức là Đông Hớn, đối với Tiền Hớn mà nói. Hoàng Đế Hiếu Minh, niên hiệu Vĩnh Bình, năm thứ ba, là năm Canh Thân. Hoàng đế năm chiêm bao thấy người vàng, nơi cổ có yện sáng như mặt trời, bay đến trước đèn Vua. Hoàng Đế đem điềm chiêm bao hỏi quần thần. Quan thứ sử Phó Nghị tâu rằng: “Thần nghe bên Tây Vực có vị thần linh, gọi đó là Phật. Điềm chiêm bao của Bệ Hạ, chắc là thấy Phật giáng.” Bác sĩ

Vương Tuân cũng tâu rằng: “Xét trong sách nhà Châu cũng có ghi: Phật giáng sanh, triều nhà Châu, Vua Chiêu Vương năm thứ 26 là năm Giáp Dần. Lúc bấy giờ nước ở sông suối đầy tràn, quả đất rung động, hào quang năm sắc chiếu sáng khắp hư không, quan thái sử To Do bói trúng quẻ càn rồng bay trên trời là Đại Thánh Nhơn ở phương Tây xuất hiện. Sau một ngàn năm, giáo pháp lưu bố khắp cõi này. Vua ra lệnh khắc bia ghi lại, dựng tại Nam Giao. Sau đến đời Châu Mục, trời đất chấn động, có 12 đường hào quang trắng đỏ, chiếu khắp bầu trời. Quan thái sử Ấp Đa nhìn thấy cho là ảnh tượng nhập diệt của Đại Thánh Nhơn phương Tây. Vua Minh Đế đến năm thứ bảy là năm Giáp Tý, sắc chỉ quan lang trung Thái Am, quan lang Trưởng Trần Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân

v.v... mười tám vị đến phương Tây tìm giáo pháp của Phật. Các sứ giả đến nước Ấn Độ thỉnh ngài Ca Diếp Ma Đằng và Ngài Trúc Pháp Lan, dùng ngựa trắng chở kinh, thỉnh xá lợi Phật và các tượng Phật họa trên tranh mang về. Đến niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10 là năm Đinh Mão. Đến đất Lạc Dương, Hoàng đế hoan hỷ kiến tạo chùa Bạch Mã, dịch kinh Bốn Mươi Hai Chương.

Đến năm thứ 14, ngày mùng một tháng giêng, Ngã Nhạc đạo sĩ cùng các thiện nam tín nữ v.v... trong tâm họ không vui, dâng tờ biểu lên Vua, xin duyệt lại kinh sách làm thí nghiệm, cho tới ngày rằm, họ tụ lại chùa Bạch Mã, về cửa phía nam, các vị ấy đem các kinh quý báu để trên đàn về phía đông. Vua dùng kinh tượng, xá lợi để trên điện bảy báu về phía Tây. Thiện tín nhiều đàn khóc

lóc, kính thỉnh Thiên Tôn, hết lòng cầu khẩn, dùng củi chiên đàn thiêu đốt kinh sách, cầu cho kinh sách không bị tổn hại. Lúc trước dùng chú thuật lên trời, vào lửa, đi trên nước, ấn hình v.v... đều không hiệu nghiệm, nhưng chỉ có xá lợi Phật, có hào quang chiếu sáng năm sắc, chiếu thẳng lên hư không xoay tròn như bảo cái, che khắp đại chúng, chói che vàng mặt trời.

Ngài Ma Đằng dùng thần túc thông, bay lên giữa hư không, đi, đứng, ngồi, nằm, thần hóa tự tại, trời mưa hoa quý báu và tấu các bản nhạc. Lúc bấy giờ trong đại chúng đều hoan hỷ, khen chưa từng có.

Đây là lúc Phật Pháp mới vào cõi Chấn Đán²¹. Xét kỹ thì Ngài Ca Diếp Ma Đằng và Ngài Trúc Pháp Lan đều là người Trung Ấn

²¹ Chấn Đán: Tức là nước Trung Hoa từ xưa đến nay.

Độ. Chẳng thấy cả hai danh hiệu được dịch nghĩa ra, mà được gọi là người dịch, ấy là dùng tiếng Hoa phát âm theo tiếng Phạn kia để khiến người phương này hiểu rõ vậy.

Sau khi đức Thế Tôn thành đạo²², Ngài suy nghĩ ly dục an tịnh, đó là tối thắng, trụ đại thiên định, hàng phục các ma chướng. Ngài đến vườn Lộc Giả²³ chuyển bánh xe tứ diệu đế²⁴ độ nhóm Kiều Trần Như v.v... năm người chứng được đạo quả. Lại có tỳ kheo hỏi các điều nghi, cầu Phật giải đáp. Thế Tôn dạy truyền ý chỉ, mỗi mỗi khai ngộ, chấp tay cung kính, thuận theo lời Thế Tôn chỉ dạy.

²² **Thành đạo:** Hoàn thành đạt được chơn lý. Thành Phật, thành quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trở về yên sáng giác ngộ...

²³ **Vườn Lộc Giả:** Mrgadava. Parc aux gazelles. Vườn Lộc Giả ở gần thành Ba La Nại, trong vườn ấy có rất nhiều con lộc, nơi đây Đức Thích Ca thuyết pháp lần đầu, chuyển pháp luân, độ cho năm vị tỳ kheo.

²⁴ **Tứ diệu đế:** Aryasatyani. Quatre vérités excellentes. Bốn chơn lý nhiệm mầu, cũng gọi là Tứ Thánh Đế: Khô đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Tựa chung các kinh đều có sáu thứ chứng tín:

- Một là pháp thể.
- Hai là hay nghe.
- Ba là cơ cảm.
- Bốn là giáo chủ.
- Năm là xứ sở.
- Sáu là đồng nghe.

Ấy là Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, đức Phật ngự tại v.v... Nay theo văn thứ lớp cũng dường chung chỉ hơi khác cách trình bày. Bởi vì giáo pháp của Phật mới truyền đến, và lại thuận theo thể văn tự phương đây, quý ở chỗ giản lược. Song xét kỹ sáu nghĩa đều đủ. Hai chữ Thế Tôn tức là nêu ra vị giáo chủ; bốn chữ sau khi thành đạo, tức

là nêu ra cơ cảm. Trong vườn Lộc Giả, tức là nêu ra xứ sở. Kiều Trần Như v.v... và lại có tỳ kheo tức là nêu hay nghe và đồng nghe khác. Bánh xe pháp giáo chỉ, tức là nêu ra pháp thể. Bản văn trên vẫn chia ra bốn tiết. Một câu, sau khi đức Thế Tôn thành đạo là lời nói chung. Kế đến từ Ngài suy nghĩ cho đến hàng phục các ma chướng là truy niệm pháp thành đạo. Ba, từ câu tới trong vườn Lộc Giả đến chứng được đạo quả, ba câu là riêng trình bày lúc đầu chuyển bánh xe chánh pháp. Bốn là từ câu, lại có tỳ kheo cho đến câu thuận theo lời Thế Tôn chỉ dạy là trình bày sự phát khởi của kinh này.

Văn đầu nói hai chữ Thế Tôn, tức là đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai là trời trong bậc trời là Thánh trong quả Thánh, đối với tất cả sự vật trong thế gian, tất cả chúng sanh trong

thế gian, tất cả chánh giác trong thế gian, độc xưng là Tôn.

Thành đạo là thế nào? Nếu luận đức Thế Tôn từ khi thành Phật tới nay, đã trải qua số kiếp vi trần không thể nói. Như trong phẩm **THỌ LƯỢNG KINH PHÁP HOA** đã nói rõ. Nay vì cõi này chúng sanh có duyên với Phật, nên trong thời quá khứ, người sống lâu hai muôn tuổi, thời của Phật Ca Diếp, Ngài còn ở trong ngôi vị bồ xứ, thiên nhân thanh tịnh quán sát căn cơ giáo hóa, cho đến khi người sống lâu trăm tuổi, có duyên mới thuần thực. Ngài thị hiện giáng trần tại thành Ca tỳ La Vệ, miền Bắc Ấn Độ ngày nay. Phụ Hoàng tên là Tịnh Phạn, mẫu hậu tên là Ma gia Đề Vi, ở trong thai mười tháng, từ hông bên hữu sinh ra, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, mắt nhìn bốn hướng, mỗi

phương bảy bước du hành tự nói: Trên trời dưới đất chỉ có TA là độc tôn. Sau đó lại thị hiện làm đồng tử, học khắp các nghề, không một nghề nào mà chẳng vượt bậc. Đến năm 29 tuổi, đi dạo bốn cửa thành, nhìn thấy các tướng già, bệnh, chết và vị Sa Môn. Sau đó Ngài quyết chí xuất gia, nửa đêm giờ tý vượt thành, dùng dao vàng cạo tóc, bỏ hết y phục thế gian, mặc áo ca sa do vị thọ thần dâng cúng; Ngài đi tìm học khắp nơi. Trước hết Ngài theo đạo sĩ A Lam Ca Lam học tập định “Vô Sở Hữu Xứ²⁵,” không bao lâu chứng đặng. Tuy nhiên Ngài chưa biết rõ ráo, nên bỏ ra đi; sau đó theo Ngài Huất Đầu Lam Phát tập định “Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ²⁶,” cũng không bao lâu chứng

²⁵ **Định vô sở hữu xứ:** Akincanyayatanasamadhi. Pháp nhập định đạt tới cảnh trời vô sở hữu xứ. Nhà tu hành nhập định thấu đến cõi Vô Sắc Giới, liền vào cảnh không vô biên xứ...

²⁶ **Định Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ:** Tức là phép thần 9ịnh để sanh lên cảnh trời Hữu Đỉnh, là nơi cao nhất trong Vô Sắc Giới. Phép thiền định này rất tịch tĩnh, tâm tưởng tuy có nhớ nhưng là không, cho nên gọi là phi tướng, phi phi tướng (chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng.)

đặng nhưng Ngài biết là chưa rốt ráo, lại bỏ ra đi, thấy các ngoại đạo, đua nhau tu khổ hạnh, hy vọng cầu đắc đạo.

Mỗi kỳ là ba năm, trọn không kết quả tốt đẹp, toan muốn độ họ, Ngài bèn đến núi Tuyết, thị hiện tu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một ít mè, một ít bắp, còn da bọc lấy xương, cuối cùng không thành đạo được. Ngài mới bỏ tu khổ hạnh, thọ lãnh bát sữa bột của chị em bà Sugata, dần dần sức khỏe trở lại đầy đủ.

Kế đến Ngài đến sông Ni Liên Thiên, tắm gội sạch sẽ, nhận lãnh tám cỏ kiết tường của vị trời Đế Thích hóa hiện kẻ đồng tử cúng dường cho Ngài. Đến dưới gốc cây Bồ Đề, trải tám cỏ ngồi kiết già, dùng tâm từ Tam Muội, hàng phục các nội ma, ngoại chướng, đi sâu vào bốn thứ thiên định, quán sát bốn

chơn lý nhiệm mầu, đến đêm mùng 7 tháng chạp ta, Ngài thấu triệt ba việc sáng suốt. Đến lúc sao mai vừa ló mọc, Ngài hoát nhiên đại ngộ, đạt được chơn lý vô lậu, thành Phật. Ấy là Phật bảo xuất hiện trong thế gian lần đầu tiên.

Kể đó trong chánh văn nói Ngài suy nghĩ v.v... là khi ngồi dưới gốc cây, Ngài dùng trí vô sư²⁷ và trí tự nhiên²⁸, rõ biết ly dục an tịnh, đó là tối thắng. Thế nên trước bỏ pháp bất thiện, ác độc ở cõi Dục, cùng giác quán vào nơi sơ thiên; kể đó lại xa lìa giác quán, bên trong thanh tịnh nhứt tâm để vào đệ nhị thiên. Sau đó lại xa lìa vọng tâm mừng để chứng diệu lạc để vào đệ tam thiên. Cuối cùng, bỏ cả khổ và vui, bỏ niệm thanh tịnh để thể nhập đệ tứ thiên. Từ trong thiên này,

²⁷ Trí vô sư: Cái trí huệ của bậc không thầy, của người tự mình liễu ngộ. Tức là Phật trí.

²⁸ Trí tự nhiên: Tức là Phật trí. Cái trí huệ hoàn toàn, sáng suốt, tự nhiên của Phật tánh.

chóng phát ba yển sáng, phá lưới ái ma vương, dứt kiến chấp của tâm ngoại đạo. Hoặc câu mới thành đạo là trí căn bản²⁹. Tự chúng bồ đề, khởi suy nghĩ v.v... là hậu đắc trí³⁰. Lại quán bốn chơn lý làm căn bản thuyết pháp, vắng lặng tối thắng, tức là quán diệt đế, trụ đại thiên định, liền quán đạo đế, các ma ngoại đạo, tức là khổ, tập hai đế vậy.

Trong chánh văn nói vườn Lộc Giả, cũng gọi vườn Nai, tại thành Ba La Nại, tức là chỗ đầu tiên đức Phật chuyển bánh xe pháp. Nói bốn chơn lý nhiệm màu. Khổ, Tập, Diệt, Đạo là bốn thánh đế kỳ diệu.

Khổ là quả thế gian, tức là chỉ ba cõi³¹, sáu đường³², sắc tâm năm uẩn.

²⁹ **Trí căn bản:** Cái trí cội rễ. Lại cũng gọi là vô phân biệt trí. Như lý trí (cái trí in như lý). Chánh trí. Chơn trí. Chính do trí ấy mà có ra các trí thức khác, cũng do hư không mà sanh ra muôn loài, nên gọi là trí căn bản.

³⁰ **Trí hậu đắc:** Cái trí được về sau. Sau khi tu chân chánh mới được trí này. Cái trí chơn chánh sâu kín phù hợp với chơn như.

³¹ **Ba cõi:** Trois mondes: Những chúng sanh chưa hoàn toàn siêu thoát thì còn ở trong ba cõi. Ấy là cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô Sắc.

Tập là nhơn thể gian, tức là chỉ kiến hoặc, tư hoặc phiền não và các nghiệp hữu lậu, thiện ác bất động.

Diệt là quả xuất thế, nghĩa là nhơn diệt nên quả diệt, liền được an vui tịch diệt vô vi.

Đạo là nhơn xuất thế, lược nói thì có giới, định, huệ; nói rộng thì có ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Ấy là bốn niệm xứ³³, bốn chánh cần³⁴ bốn như ý túc³⁵, năm căn³⁶, năm lực³⁷, bảy giác chi³⁸ và tám chánh đạo³⁹ vậy.

³² **Sáu đường:** Six voies. Cũng gọi là sáu thú. Theo đạo Phật, chúng sanh tùy theo căn quả thiện hay ác của mình mà chuyển vào trong sáu đường. Trời, a tu la, người, súc sanh, quỷ đói và địa ngục.

³³ **Bốn niệm xứ:** Bốn chỗ thường suy nghĩ: 1. Quán thân bất tịnh 2. Quán thọ là khổ 3. Quán tâm vô thường và 4. Quán pháp vô ngã.

³⁴ **Bốn chánh cần:** Bốn điều siêng năng chơn chánh 1. Những điều ác chưa sanh, phải siêng năng tinh tấn chớ cho phát sanh. 2. Những điều ác đã sanh, phải tinh tấn đoạn diệt. 3. Những điều lành chưa sanh, phải tinh tấn làm cho phát sanh. 4. Những điều lành đã sanh, phải tinh tấn làm cho nó tăng trưởng.

³⁵ **Bốn như ý túc:** Bốn phép thần túc: 1. Dục như túc. 2. Tinh tấn như ý túc. 3. Niệm như ý túc. 4. Tư duy như ý túc.

³⁶ **Năm căn:** Năm thứ căn bản: 1. Tín căn. 2. Tấn căn. 3. Niệm căn. 4. Định căn và 5. Huệ căn.

³⁷ **Năm lực:** Năm sức mạnh: 1. Sức mạnh lòng tin. 2. Sức mạnh tinh tấn. 3. Sức mạnh suy nghĩ. 4. Sức mạnh thiền định và 5. Sức mạnh trí huệ.

³⁸ **Bảy giác chi:** Bảy chi giác ngộ: 1. Giác ngộ chơn pháp. 2. Giác ngộ tinh tấn. 3. Giác ngộ hoan hỷ. 4. Giác ngộ khinh an. 5. Giác ngộ chánh niệm. 6. Giác ngộ chánh định. 7. Giác ngộ hỷ xả.

³⁹ **Tám chánh đạo:** Tám con đường chánh: 1. Hiểu biết chơn chánh. 2. Suy nghĩ chơn chánh. 3. Lời nói chơn chánh. 4. Hành động chơn chánh. 5. Mạng sống chơn chánh. 6. Tinh tấn chơn chánh. 7. Ghi nhớ điều chơn chánh. 8. Thu nhiếp thân tâm chơn chánh.

Bốn cái này, tại sao gọi là đế? Vì nó chắc thật không hư. Lại còn gọi là bốn thánh đế là sao? Vì chỉ có thánh trí mới chứng biết mà thôi. Đức Phật đã chứng thấy bốn lý chắc thật này, chuyên khiến tất cả chúng sanh, đều làm cho chúng hay biết, từ trong hậu đắc trí của Phật lưu xuất ra tiếng pháp, độ vào trong tâm chúng sanh, cho nên gọi là luân. Lại nữa, chữ luân còn có nghĩa triển chuyển. Dem giáo pháp này, chuyên phá các kiến hoặc, tư hoặc cho chúng sanh, nên gọi là luân. Nói bốn pháp luân này gồm có ba lần chuyển:

- Một là **thị chuyển**. Đây là khổ, tánh bức bách. Đây là tập, tánh chiêu cảm. Đây là diệt, tánh được chứng. Đây là đạo, tánh siêng tu.

- Hai là **khuyến chuyển**. Đây là khổ, các ông nên biết. Đây là tập, các ông nên đoạn. Đây là diệt, các ông nên chứng. Đây là đạo, các ông nên tu.

- Ba là **chứng chuyển**. Đây là khổ, ta đã biết. Đây là tập, ta đã đoạn. Đây là diệt, ta đã chứng. Đây là đạo, ta đã tu. Ấy là pháp bảo xuất hiện trong thế gian lần đầu tiên.

Kiều Trần Như v.v... năm người là ai?

- **Một** là A Thấp Bà, dịch là Mã Thắng.

- **Hai** là Bạt Đề, dịch là Tiểu Hiền.

- **Ba** là Câu Lợi, hoặc gọi là Ma Ha Nam.

Ba vị này là bà con bên Phụ Hoàng đức Phật.

- **Bốn** là Kiều Trần Như, dịch là Hỏa Khí.

- **Năm** là Thập Lục Ca Diếp, hoặc gọi là Bà Phu.

Hai vị này là bà con bên Mẫu Hoàng đức Phật.

Lúc đầu Thái tử vượt thành xuất gia, Phụ Vương không yên tâm, sắc lệnh cho năm vị này đi tìm Thái Tử. Thái Tử thề quyết không chịu về. Năm vị này không dám về nước, liền xin theo hầu cận. Khi Thái Tử tu khổ hạnh. Hai trong năm vị không chịu nổi hạnh khổ, liền tự bỏ đi. Sau khi Thái Tử thọ thực, Ba vị thích tu khổ hạnh cũng tự bỏ đi, vì tưởng Thái Tử thoái chí. Các vị đến trong vườn Nai, mỗi vị tu theo mỗi đạo khác nhau. Khi đức Phật đã thành đạo, quán sát trước phải tìm độ năm người này. Ngài đến tìm họ tại vườn Nai. Đầu tiên Ngài chuyển bánh xe pháp, giảng Bốn Chơn Lý. Ông Kiều Trần

Như ngộ đạo trước. Sau đức Phật nói pháp, bố thí, giữ giới, sanh lên cõi trời, chê trách các hành động bất tịnh, khen ngợi xuất ly là sự an vui. Ông A Thấp Bà và ông Bạt Đề tỏ ngộ đạo mau. Thời pháp thứ ba, ông Ca Diếp và ông Câu Lợi cùng ngộ đạo. Đây là Tăng Bảo đầu tiên xuất hiện trong thế gian.

Trong chánh văn đoạn thứ tư, “lại có tỳ kheo v.v...” là thế nào? Đức Phật đã độ cho năm vị tỳ kheo. Kế đó lại độ cho ba anh em ông Ca Diếp Ba, và thanh niên Gia Xá v.v... năm mươi người ban được một ngàn vị. Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên v.v... hai trăm vị. Từ đó về sau độ vô số chúng sanh, đều trở thành tỳ kheo tánh. Nói đến chữ tỳ kheo, phiên dịch là trừ đói, nghĩa là đầy đủ thọ trì hai trăm năm mươi tịnh giới, được làm ruộng phước trong thế gian, phá

trừ sự đói khát trên cái quả trong nhơn của muôn loài chúng sanh. Gồm có ba nghĩa: Một là khát sĩ. Hai là phá ác. Ba là bố ma. Các tỳ kheo đưa ra các nghi vấn, yêu cầu đức Phật giải đáp để quyết định đi trên con đường giải thoát. Chấp tay là tiêu biểu cho sự một lòng nghe pháp, không nghĩ không ngại gì khác.

Trên đây là phần tựa. Dưới đây là phần chánh thuyết.

Đức Phật dạy: Từ biệt cha mẹ xuất gia⁴⁰ phải biết tâm thông căn bản, hiểu được pháp vô vi, gọi là Sa Môn⁴¹, thường thật hành 250 giới, tu tập thanh tịnh, thật hành bốn đạo hạnh chơn chánh, thành bậc A La Hón.

⁴⁰ **Xuất gia:** Ra khỏi nhà. Ra khỏi nhà thế tục. Ra khỏi nhà ba cõi và ra khỏi nhà vô minh.

⁴¹ **Sa Môn:** Sramana. Moine. Sa Môn có nghĩa là: Cẩn giả; Tức giả; Pháp đạo: Người chịu thiếu, chịu nghèo, chẳng giữ của cải, chẳng có chi gọi là của mình.

A La Hớn là thế nào? Là hạng người bay đi tự tại, thần thông biến hóa, sống lâu nhiều kiếp, trụ động trời đất. Kế đó là quả A Na Hàm.

A Na Hàm là thế nào? Là mạng sống lâu, thần linh ở trên cõi trời thứ mười chín, rồi chứng quả A La Hớn. Kế đến là quả Tư Đà Hàm.

Tư Đà Hàm là thế nào? Bực này còn một lần sanh lên cõi trời, một lần trở lại nhơn gian, liền chứng A La Hớn. Sau cùng là quả Tu Đà Hoàn.

Tu Đà Hoàn là thế nào? Hạng này bảy lần chết, bảy lần đầu sanh mới chứng được A La Hớn. Người nào đoạn được ái dục, cũng như kẻ chặt đứt tay chân, chẳng dùng lại được nữa.

Đây là chương thứ nhứt. Chỉ rõ sự sai khác của quả chứng Sa Môn, muốn chứng bốn quả Sa Môn, cần phải từ biệt cha mẹ đi xuất gia, biết rõ tâm thông căn bản, hiểu pháp vô vi. Bởi vì cha mẹ không cho thì trong Phật pháp không cho xuất gia. Xuất gia mà không biết tâm thông căn bản, thì dù thân lìa thế tục, không bị ràng buộc hữu vi, nhưng không được gọi là Sa Môn.

Biết tâm là thế nào? Rõ biết ngoài tâm không có pháp nào hết, tức là ngộ được ‘biến kế⁴²’ là không. Thông căn bản là sao? Rõ biết vọng tâm vọng tánh không thật, tức là ngộ được ‘y tha⁴³’ như huyền.

Hiểu được pháp vô vi là sao? Rõ biết chơn như cùng tất cả pháp chẳng phải một chẳng

⁴² **Biến kế:** Tánh khắp chấp so đo, mê lầm mọi sự vật...

⁴³ **Y tha:** Nương theo vật khác mà thành. Mỗi vật y theo các duyên tổ hợp lại mà thành...

phải khác, tức là chúng được ‘viên thành thật⁴⁴’. Tiếng Phạn gọi là Sa Môn (Sramana), Trung Hoa gọi là Cần Túc. Nghĩa là siêng tu giới, định, huệ, dứt hết tham, sân, si. Thường thật hành 250 giới, tức là giới học tăng thượng. Thật hành bốn đạo hạnh chơn chánh, tức là huệ học tăng thượng, nghĩa là quán sát bốn chơn lý mà tu hành làm đạo. Chử A La Hôn, nói đủ có ba nghĩa: Một là sát tặc, hai là ứng cúng, ba là bất sanh, là quả vô học thứ tư, bực vô sanh đã chứng, dứt hết kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi. Bay đi biến hóa, đây đơn cử một trong sáu phép thần thông. Sống lâu nhiều kiếp, nghĩa là ba thứ ý sanh thân⁴⁵, rất hay tùy nguyện ở đời rất lâu. Trụ động trời đất là nói chỗ sở trụ của bậc La Hôn. Thiên thần

⁴⁴ **Viên thành thật:** Tánh tròn đầy sáng suốt. Ngộ sự lý dung thông của mỗi sự vật.

⁴⁵ **Ý sanh thân:** Cái ý sanh, tạo thành cái thân. Người tu học chứng được ngôi vị Bồ Tát từ bực sơ địa sắp lên, vì ý muốn tế độ chúng sanh nên hằng muốn sanh vào đâu thì liền được thọ sanh. Ấy là nhờ sức mạnh của ý mà thành ra cái thân vậy.

địa kỳ đều được cảm động. Hoặc có thể mỗi khi đi, mỗi khi đứng đều hay chấn động cả trời đất.

A Na Hàm dịch là bất hoàn, tức là quả thứ ba. Trời thứ mười chín (19) là từ Tứ Thiên Vương lên đến cõi trời Vô Phiền là thứ hai mươi (20) thì vượt qua dưới mười chín cõi trời. Kia đã đoạn chín phần tư hoặc ở cõi Dục. Tức là trong cõi trời Ngũ Tịnh Cư, chúng quả A La Hán, không trở lại cõi Dục nữa.

Tư Đà Hàm dịch là Nhứt Lai, tức là quả thứ hai, đã đoạn sáu phẩm tư hoặc ở cõi Dục, trừ ba phẩm còn lại, nên phải một lần lên cõi trời Dục và một lần trở lại nhơn gian, mới chúng quả A La Hán.

Tu Đà Hoàn dịch là Dự Lưu, tức là quả đầu, đã đoạn kiến hoặc ba cõi, mới dự vào dòng

Thánh, không đọa lạc trong ba đường ác. Nhưng chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục hoàn toàn còn, nên phải nhuận sinh bảy đời.

Ấy là thượng thượng phẩm ở cõi Dục mặc ý cho tham, sân, si, mạn hay nhuận sanh hai đời. Mê hoặc thượng trung phẩm, hay nhuận sanh một đời. Mê hoặc thượng hạ phẩm cũng nhuận sanh một đời. Mê hoặc trung trung phẩm, trung hạ phẩm, đồng nhuận sanh một đời. Mê hoặc hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm, đồng nhuận sanh một đời. Sau khi bảy lần sanh tử, mới chứng quả A La Hán. Đây là đứng về tuần tự mà đoạn là thế, nếu gia công tấn hạnh mà đoạn thì lại không như định. Song kiến, tu hoặc trong ba cõi, tuy có nhiều phẩm, nhiều loại đều do ái dục làm căn bản, một khi đoạn hết ái dục liền ra khỏi khổ sanh tử luân hồi. Thế

nên thí dụ như hai tay và hai chân một khi bị chặt đứt, quyết định không còn dùng lại được nữa.

Đức Phật dạy: Người xuất gia làm Sa Môn đoạn tham dục, bỏ ân ái, biết nguồn tâm của mình, thông lý sâu của Phật, ngộ pháp vô vi, trong không chỗ đặng, ngoài không chỗ cầu, tâm không hệ đạo, cũng không kết nghiệp, không vọng niệm, không tạo tác, không còn tu, không thấy chứng, không trải qua các địa vị, mà tự tôn sùng. Ấy gọi là đạo.

Đây là chương thứ hai. Nói rõ sự chứng quả Sa Môn, mặc dù có sự sai khác, nhưng lý sở chứng, không có sai khác. Đoạn ái dục thì phàm thánh đồng ở, biết nguồn tâm của mình, ngã chấp vốn không, thông chơn đế⁴⁶

⁴⁶ **Chơn đế:** Nghĩa lý học thuyết chơn thật không sai khác, đối với tục đế. Như nói thế gian pháp là tục đế. Xuất thế gian pháp là chơn đế, cũng gọi là thật đế...

thâm lý của Phật, ngộ sanh không để rõ pháp chơn như vô vi, đoạn thật báo, không chướng ngại dục ái, biết nguồn tâm của mình đều không chẳng sanh, thông trung đế⁴⁷ thâm lý của Phật, ngộ đều không để rõ pháp chơn như vô vi. Lại nữa rõ biết ba cõi dục ái tức là không, gọi là dứt tham dục bỏ ân ái, biết nguồn tâm của mình ‘biến kế’ vốn không, đạt được chơn đế thâm lý của Phật, một không tất cả không, không giả, không trung mà chẳng không. Ngộ được như lai tạng, nghĩa như thật không, gọi là pháp vô vi. Rõ biết ba cõi dục ái tức là giả, gọi là dứt tham dục, bỏ ân ái, biết nguồn tâm của mình ‘y tha’ như huyễn, đạt được tục đế thâm lý của Phật, một giả tất cả đều giả, không không, không trung mà không giả, ngộ như lai tạng, nghĩa như thật chẳng không, ấy gọi

⁴⁷ Trung đế: Chơn lý trung dung. Lý trung đạo đệ nhất nghĩa, không chấp bên có mà chẳng theo bên không.

là pháp vô vi. Rõ biết ba cõi dục ái tức là trung, gọi là dứt tham dục bỏ ân ái, biết nguồn tâm của mình, tròn thành vốn đủ, đạt trung để thâm lý của Phật, một trung tất cả đều trung, không không, không giả mà chẳng trung, ngộ như lai tạng, lìa tức lìa phi là tức nghĩa phi thức, gọi là pháp vô vi.

Đây là pháp vô vi, vốn tự mình sẵn có, không thuộc về mới sanh. Thế nên trong không chỗ đặng, chỉ một chơn tâm, ngoài tâm không có pháp, nên ngoài không chỗ cầu, biết rõ pháp như chiếc bè, thế nên tâm không hệ đạo, đã đoạn chủng tử mê hoặc nên cũng không kết nghiệp, chứng thật trí căn bản vô phân biệt, nên nói là không vọng niệm, chứng quyền trí hậu đắc không nghĩ bàn, nên nói là không tạo tác. Tu xứng theo bản tánh, tu tức là không tu. Nên không tu

toàn tánh chứng ngộ, chứng không có chứng nào khác, nên gọi là không thấy chứng.

Các địa vị cũng như trượng thước chỉ rõ hư không, nhưng hư không vốn không trượng thước.

Lại nữa cũng như vào trong biển tuy biện nói có sâu cạn, nhưng cạn sâu đều là biển lớn. Thế nên nói rằng không trải qua địa vị mà tự tôn sùng. Ấy gọi là đạo.

Tạng giáo thì như diệt hội chơn, diệt không phải chơn đế, nên chơn đế không trải qua các địa vị.

Thông giáo tức sự toàn chơn, nên chơn đế không trải qua các địa vị.

Biệt giáo thì trung đạo theo duyên không thay đổi, nên trung đạo không trải qua các địa vị.

Viên giáo thì một sắc một hương đều là trung đạo, nên trung đạo không trải qua các địa vị. Theo một chương trên mới biết tánh không bỏ tu. Theo một chương này mới biết tu không ngại tánh. Theo một chương trên mới biết tức mà thường sáu. Theo một chương này mới biết sáu mà thường tức. Bốn giáo đều luận, tánh tu, đều luận sáu tức. Ai thông hiểu ý này thì ở trong một thời giáo của đức Phật, suy tư quá nửa vậy.

Đức Phật dạy: Người cạo bỏ râu tóc là Sa Môn thọ lãnh đạo pháp, bỏ của cải trong đời, xin cầu vừa đủ, giữa ngày một bữa ăn, dưới gốc cây một đêm ngủ, cẩn thận chớ ngủ hai lần. Cái mà khiến cho người ngu, tệ đó là ái cùng dục.

Đây là chương thứ ba, khen ngợi thắng hạnh đầu đà⁴⁸, dùng làm yếu thuật chứng đạo. Văn trên đã nói không tu không chứng sợ người hiểu lầm, chấp tánh bỏ tu. Nên đây đặc biệt bày cái hạnh đập dũ trần lao, dùng làm phương pháp dứt tham dục bỏ ân ái. Ví như tấm gương xưa, tuy đã sẵn đủ yển sáng, song lý phải lau chùi, mới được sáng sạch.

Đức Phật dạy: Chúng sanh dùng mười việc làm thiện, cũng dùng mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba. Miệng có bốn. Ý có ba.

Thân có ba là: Sát sanh, trộm cướp, dâm dục.

Miệng có bốn là: Nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác, nói láo xược, nói lời thêu dệt.

⁴⁸ **Đầu đà:** Dhudanya dịch là tu trị, nghĩa là phải bỏ trần cấu của phiền não, khiến cầu Phật đạo. Về hạnh đầu đà, kinh Pali có 13 mục. Kinh Trung Quốc có 12 hạnh.

Ý có ba là: Ganh ghét, giận tức, si mê.

Mười việc như thế không thuận theo con đường thánh. Ấy gọi là mười hành động ác. Những ác ấy nếu ngăn được, gọi là mười hành động lành.

Đây là chương thứ tư. Nói rõ thiện ác không có tự tánh, cũng như lật bàn tay. Sanh tử cùng niết bàn, duy có ba nghiệp này lại không có vật gì khác. Dứt mạng của kẻ khác, gọi đó là sát sanh. Không cho mà lấy, gọi là trộm cướp. Hai thân hình giao hội, gọi đó là dâm dục. Đấu loạn kia đây, gọi đó là lưỡng đầu chiểu. Trù rửa mắng nhiếc, gọi đó là nói lời hung ác. Tâm cùng miệng trái nhau, gọi đó là nói láo xược. Lời trau chuốt vô nghĩa, gọi đó là nói lời thêu dệt. Sẻn tiếc tham dục, không ưa kẻ khác, gọi đó là ganh ghét. Hung bạo tàn nhẫn, ôm lòng kết oán,

gọi đó là giận tức. Đối với sự lý, mờ mịt không hiểu rõ, gọi đó là si mê. Thân miệng bảy chi, chỉ là con đường nghiệp. ý địa ba chi, thuộc con đường phiền não; theo mê làm tạo nghiệp, quyết bị quả khổ, kết dài ràng buộc ba cõi, nên không thuận theo con đường thánh. Các ác ấy nếu dừng, tức gọi là mười điều thiện, ví như phá hết tối tăm, tức là sáng suốt, đập tan băng tuyết liền thành nước vậy. Song ác đã có sự ác, lý ác, nên chuyển ác thành thiện, cũng có sự thiện lý thiện.

Chính trong sự thiện.

Hạ phẩm, mười thiện là Nhơn tu la.

Trung phẩm mười. Thiện là Nhơn loài người.

Thượng phẩm mười thiện là Nhơn các cõi trời.

Còn trong lý thiện, chơn đế thiện là nhơn hai thừa.

Tục đế thiện là nhơn Bồ Tát.

Trung đế thiện là nhơn Phật thừa.

Ba thiện này đều gọi là thượng thượng phẩm mười thiện. Người thật hành sự thiện, chưa chắc thông được lý thiện, nhưng người thật hành lý thiện, chắc chắn viên mãn gồm cả sự thiện vậy.

Đức Phật dạy: Người có các lỗi lầm, nhưng không tự ăn năn, chóng dứt tâm kia, tội đến đầy thân, như nước chảy về biển, dần dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi, tự hiểu biết lỗi, đổi ác làm lành, tội tự tiêu diệt. Cũng như người bệnh được đổ mồ hôi, dần dần thuyên giảm.

Đây là chương thứ năm. Theo ý ngăn ác làm lành trên, nhưng khuyên gắng đổi lỗi hành thiện. Có lỗi mà không sám hối thì cũng như nước chảy về biển, ngày càng sâu rộng; biết lỗi sửa đổi thì cũng như người bệnh đổ mồ hôi, bệnh dần thuyên giảm.

Đức Phật dạy: Người ác nghe người làm thiện, cố ý đến nhiều loạn. Ông tự ngăn dứt, chớ nên giận trách, kia đem đến việc ác rồi tự họ gánh lấy ác đó.

Đây là chương thứ sáu. Chỉ rõ thiện hay thẳng ác, nhưng ác không thể phá thiện. Văn trên khuyên người ngăn ác hành thiện đổi lỗi qua việc thiện, e có người ngu, sợ người ác kia nhiều loạn, bèn không dám làm, nên khuyên răn cẩn thận chớ giận trách người ác, vì ác ở nơi người kia đối với ta không quan hệ gì. Cũng như trong gương sáng hiện

hình dung xấu, hình dung kia tự xấu, gương
đâu có xấu gì? Thảng như mình giận trách,
thì ngược lại cái ác kia trở thành ác về ta
vậy.

**Đức Phật nói: Có người nghe ta giữ đạo,
thật hành đạ nhưn từ, cố ý đến mắ
nhiếc ta. Ta làm thinh không trả lời.
Mắ
nhiếc xong, ta hỏi: Các ông mang lễ
vật đến cho người, nhưng người kia
không nhận lãnh, lễ vật đó về ai? Các vị
kia trả lời: Trở về người cho. Đức Phật
nói: Nay các ông mắ
nhiếc tôi, nhưng
tôi không nhận lãnh, các ông tự mang họa
về thân các ông, cũng như vang ứng theo
tiếng, bóng chạy theo hình, cuối cùng
không chạy khỏi, cẩn thận chớ làm ác.**

Đây là chương thứ bảy tức là chương trên đã
minh chứng người kia mang ác đến, tự họ

gánh lấy ác ấy. Đây nghe người mắng tâm không phát giận, không nhận lãnh sự mắng kia, dĩ nhiên lời mắng nhiếc trở vào tâm điền các người đó. Hỏi: Phật có lòng đại từ sao không cho người mắng nhiếc khỏi bị tai ương? Đáp: Phật đâu muốn cho người kia bị họa ương, chính vì người kia tự tạo họa ương. Nay khuyên cẩn thận chớ làm ác, tức là trừ nguồn họa kia.

Thật là lòng đại bi.

Đức Phật dạy: Người ác hại người hiền cũng như ngựa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng không đến trời, lại rơi vào mặt người; ngược gió gieo bụi, bụi chưa đến kia, lại tấp vào mình. Không nên hại người hiền, họa chắc chắn về mình.

Đây là chương thứ tám. Khuyên nhắc người ác chớ nên hại người hiền và nên giúp đỡ người hiền. Nếu người thật hiền thì không có cách gì gia hại được. Hai thí dụ trên là một bằng chứng hết sức hùng hồn.

Đức Phật dạy: Rộng nghe thích đạo, đạo chắc khó lãnh hội, giữ chí phụng sự đạo, đạo kia rất là vĩ đại.

Đây là chương thứ chín. Răn khuyên người tu hành, phải hết lòng nghe, nghe rồi suy nghĩ, suy nghĩ rồi thật hành, không nên họ chỉ quý nơi miệng tai. Rộng nghe là thế nào? Không biết theo văn vào phép quán chỉ lo ghi chép danh ngôn. Thích đạo là sao? Không biết đạo vốn tức tâm, vọng ở ngoài tâm tìm đạo. Giữ chí là sao? Mỗi niệm hướng về tánh giác, không xen tâm danh lợi.

Phụng sự đạo là thế nào? Mỗi niệm thể hội nguồn tâm, không hướng ngoại tìm cầu.

Đức Phật dạy: Thấy người ra làm đạo, hoan hỷ giúp đỡ, đặng phước rất lớn. Sa Môn hỏi rằng: Phước đó có hết không? Đức Phật nói: Ví như lửa trong một bó đuốc, vài ngàn trăm người, mỗi người đến moi ánh đuốc để chia ra ứng dụng, nấu chín đồ ăn, trừ tối v.v... Đuốc này như cũ thì phước cũng như thế.

Đây là chương thứ mười. Nói rõ công đức, mình và người đều lợi, phước không cùng tận. Thí như có ba cách:

- **Một** là tư sanh thí, nghĩa là dùng của cải giúp người nghèo cùng.

- **Hai** là vô úy thí, nghĩa là trong lúc khó khăn giúp cho kia không lo, không sợ, không khổ.

- **Ba** là pháp thí, nghĩa là dùng ba học (giới, định, huệ) khiến được bốn lợi ích, chẳng những tự mình làm ba thứ đạo thí, đặng phước rất nhiều, mà là khiến bảo các người khác hành sự bố thí giúp họ, khiến họ hoan hỷ, phước cũng không cùng tận.

Từ chữ Sa Môn về sau là giải các nghi vấn. Sợ có người ngu, chánh khi làm hạnh bố thí, thấy người khác tùy hỉ, sợ người khác chia công đức của mình, nên dùng lửa trong cây đuốc để chỉ rõ. Bởi vì chẳng những không giảm bớt ở nơi mình, mà phước báo còn triển chuyển thù thắng hơn. Thuở xưa có hai người hái hoa, một người tự mình cúng Phật. Một người kia đưa qua cho kẻ khác

cúng Phật. Dem việc này hỏi đức Di Lặc. Đức Di Lặc dạy: Người tự cúng sẽ thành quả Phật Bích Chi. Người đưa cho người khác cúng sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Bởi vì vui một mình không bằng cho nhiều người vui, cho ít không bằng cho nhiều. Đạo thế và xuất thế đều nói như vậy cả. Nấu chín đồ ăn là dụ cho thành quả Thánh. Trừ tối là dụ cho phá hết ba chướng: phiền não chướng⁴⁹, nghiệp chướng⁵⁰ và báo chướng⁵¹.

Đức Phật dạy: Bồ thí cơm cho một trăm người ác, không bằng bồ thí cơm cho một người thiện; bồ thí cơm cho ngàn người thiện, không bằng bồ thí cơm cho một người giữ năm giới. Bồ thí cơm cho muôn

⁴⁹ **Phiền não chướng:** Như tham dục, giận tức, ngu si và vô số các mối chướng ngại khác đi theo tham, sân, si.

⁵⁰ **Nghiệp chướng:** Như là ngũ nghịch và thập ác...

⁵¹ **Báo chướng:** Như bị đọa ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tội hủy báng chánh pháp, tội chẳng tin Tam Bảo. Ba chướng ấy kêu là bịnh lớn.

người giữ năm giới, không bằng cúng cơm cho một vị Tu Đà Hoàn; cúng cơm cho một trăm muôn vị Tu Đà Hoàn, không bằng cúng cơm cho một vị Tu Đà Hàm; cúng cơm cho ngàn muôn vị Tu Đà Hàm, không bằng cúng cơm cho một vị A Na Hàm; cúng cơm cho một ức vị A Na Hàm, không bằng cúng cơm cho một vị A La Hớn; cúng cơm mười ức vị A La Hớn, không bằng cúng cơm cho một vị Phật Bích Chi. Cúng cơm cho trăm ức Phật Bích Chi, không bằng cúng cơm một trong các đức Phật ba đời; cúng cơm đến ngàn ức đức Phật ba đời, không bằng cúng cơm cho một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng.

Đây là chương thứ mười một. So sánh ruộng phước hơn kém không đồng, khiến cho mọi

người biết chỗ quy hướng. Một người thiện hơn trăm người ác, chỉ rõ để biết. Một người giữ năm giới hơn ngàn người thiện, vì người thiện trong thế gian đã vâng làm mười điều lành, chỉ thuộc phương pháp y dược xưa, không dùng ba tỳ quy làm thể, không thành bốn đò xuất thế. Nếu ai hay thọ ba pháp tỳ quy, phụng trì năm giới là đệ tử của Phật; liền biết pháp môn tứ đế, tứ niệm xứ⁵² ở trong một đời, kham chứng ba quả, nên được ngàn lần hơn người thường.

Một vị Tu Đà Hoàn hơn muôn người giữ năm giới, vì Tu Đà Hoàn đã dứt kiến hoặc đã dự vào dòng Thánh, nên đặng xa hơn trong ngoài phạm phu vậy.

Một vị Tu Đà Hàm thắng hơn trăm muôn vị Tu Đà Hoàn. Vì Tu Đà Hàm đã đoạn sáu

⁵² Tứ niệm xứ: Bốn chỗ thường suy nghĩ, đã giải ở mục thứ 13 phía trên.

phẩm tư hoặc ở cõi Dục, phiền não dần dần hết, chính vậy khiến cho trăm muôn trụ quả Tu Đà Hoàn, khi chưa tu hành thắng tấn, trọn không thể biết hai cảnh giới quả⁵³, huông chi là hay đến.

Một vị A Na Hàm thắng hơn ngàn muôn Tư Đà Hàm, vì A Na Hàm đã đoạn chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục đều hết, chính khiến ngàn muôn Tư Đà Hàm, trọn không hay biết cảnh giới ba quả, huông là hay đến ư?

Một vị A La Hón thắng hơn một ức A Na Hàm là thế nào? Muôn muôn gọi là ức, A La Hón dứt hết kiến hoặc tư hoặc, vượt ra ba cõi, không trụ hạng người ba quả, hay biết hay đến.

Phật Bích Chi có hai hạng: **Một** là ra đời có Phật, thọ giáo 12 nhân duyên, ngộ đạo huân

⁵³ Hai cảnh giới quả: Hai quả vị Thánh là Tư Đà Hàm và Tu Đà Hoàn.

tập, gọi là Duyên Giác. **Hai** là ra đời không gặp Phật, quán mọi vật như huyễn hóa, tự ngộ pháp vô sanh, đoạn kiết dần dần, gọi là Độc Giác, vì A La Hớn chỉ đoạn chánh sử. Phật Bích Chi, dứt hết dư tập, nên nói một Phật Bích Chi hay thắng hơn mười ức A La Hớn.

Các Phật trong ba đời. Đứng về tạng giáo mỗi quả Phật mà nói, ba vô số kiếp, tu hành lục⁵⁴ độ chánh tập thấy đều đoạn hết, lợi ích vô lượng chúng sanh, thế nên một Phật hay thắng hơn trăm ức Phật Bích Chi.

Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng là thế nào? Là chỉ bậc viên giác sơ trụ trở lên, cũng có thể gồm nhiếp biệt giáo sơ địa, thông giáo sơ địa. Bởi vì thông giáo thể sắc vào không, biết tất cả pháp không tánh, nên niệm tức là

⁵⁴ **Lục độ:** Sáu phương pháp độ thoát: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ.

không niệm, trụ tức là không trụ, tu tức là không tu, chứng tức là không chứng, đến khi thành Phật, hay ở cõi trời Sắc Cứu Kính thị hiện thân lớn rất cao, thống lãnh ba ngàn thế giới, riêng về hoan hỷ địa, tròn trụ phát tâm, đều đã chia chứng pháp thân, đều hay thị hiện trăm cõi làm Phật, tám tướng thành đạo⁵⁵, do đó cúng dường một người này, thắng hơn ngàn ức các đức Phật ba đời.

Lại nữa tám lần trước, đều là đứng về ruộng. Lần thứ chín này, tức là đứng về tâm. Bởi vì chưa thông tất cả các sự vật, niệm vốn không niệm, trụ vốn không trụ, tu vốn không tu, chứng vốn không chứng, nên đối với trong pháp bình đẳng, chia hơn chia thua. Nếu rõ thông diệu lý không niệm, không trụ,

⁵⁵ **Tám tướng thành đạo:** 1. Đâu Suất lai nghi tướng. 2. Lam Tỳ Ni viên giáng sanh tướng. 3. Tứ môn du quan tướng. 4. Du thành xuất gia tướng. 5. Tuyết sơn thị hiện tu khổ hạnh tướng. 6. Bồ đề thọ hạ hàng ma thành đạo tướng. 7. Lộc Giả uyển chuyển pháp luân tướng. 8. Ta La lâm hạ Bát Niết Bàn tướng.

không tu, không chứng, thì dưới từ người ác trên đến các đức Phật đều là hạng không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Do đó người dâng cơm lên Phật, Phật cho con chó đói, công đức không khác. Ngài Duy Ma dùng một phần phẩm vật cúng đức Nan Thắng Như Lai, một phần cho người xin ăn rất thấp, nhưng phước cũng ngang nhau; nếu không biết phước hơn thua sai khác, thì không rõ chỗ cao quý tu đức; nếu không thông chúng sanh cùng Phật vốn tự bình đẳng thì không dùng nguồn vực ngộ tánh đức. Ấy là thường đồng thường khác, thường khác thường đồng, pháp nhĩ của thế giới cũng như pháp môn vi diệu.

Đức Phật dạy: Người đời có hai mươi việc khó (20): Nghèo cùng bố thí khó, giàu sang học đạo khó, bỏ mạng quyết chết

**khó, được xem kinh Phật khó, sanh đời
gặp Phật khó, nhân sắc nhân dục khó,
thấy tốt không cầu khó, bị nhục không
giận khó, có thể lực không dùng khó, gặp
việc vô tâm khó, học rộng nghiên cứu kỹ
khó, trừ diệt tánh ngã mạn khó, tâm thật
hành bình đẳng khó, không nói phải quấy
khó, gặp thiện tri thức khó, thấy tánh học
đạo khó, theo hóa độ người khó, thấy
cảnh tâm không động khó, khéo giải
phương tiện khó.**

Đây là chương thứ mười hai. Lược nói hai
mươi việc khó để mà khuyên nhắc. Thuận
lòng thì dễ, nghịch lòng thì khó, song hay
phát sâu tâm lòng thì tuy khó mà dễ, kia
hoặc chỉ chạy theo dòng đời thì tuy dễ cũng
khó. Luận ra nghèo cùng mà làm việc bố thí
là khó, nên tuy bố thí ít được phước rất

nhiều, không thể không gắng sức. Song, hiện thấy có người nghèo mà hay bố thí, ngược lại người giàu lại không chịu bố thí, thì bần sần làm sao tránh khỏi. Giàu sang học đạo, so với sự bố thí thì biết. Người thì ai cũng tôn trọng thân mạng, thiệt hay bỏ mạng, làm sao có thể làm được. Song chưa nghe ai giữ mạng sợ chết, quả hay trường sanh bất tử, thì cũng là việc tham tiếc! Kinh Phật khó xem, nay may mắn xem được kinh Phật, nhưng không chịu nghiên cứu kỹ càng thì cùng với người không xem đâu có khác gì. Phật ra đời khó gặp, nay may mắn gặp được đạo Phật mà không kịp thời tiến tu, thì cùng với sự không gặp đâu có khác gì. Sắc dục tuy thường tình có tốt đẹp, nhưng xét thật kỹ vui ít khổ nhiều, hoặc xét kia như huyễn như bóng, thì đâu có khó gì chết ngự,

nếu khi thấy sắc đẹp, biết rõ chưa chắc ham cầu thì lòng tham tự dứt. Nếu khi bị nhục chỉ dùng lòng tha thứ, lý trừ diệt thì lòng giận tự bình. Xem sự giàu sang cũng như giọt sương trên đầu ngọn cỏ, thì làm sao khí thế đến người, xem sự việc đồng như giấc chiêm bao, đâu cần nhọc tâm khổ trí. Học rộng mà không nghiên cứu, cũng như người vào trong biển mà không có kim chỉ nam, làm sao thông suốt. Ý học mà sanh tâm ngạo mạn cũng như mang nước mặn rưới vào ruộng đất, chỉ có hại cho lúa mạ.

Đức Phật thường nói có bốn hạng không nên khinh thường: **Một** là lừa tuy nhỏ không nên khinh thường. **Hai** là rồng tuy nhỏ không nên khinh thường. **Ba** là con vua tuy nhỏ không nên khinh thường. **Bốn** là sa môn tuy nhỏ không nên khinh thường.

Nay có ai khinh người chưa học, chưa biết kia không nên khinh khi vậy. Tâm bình đẳng thì cúng dường đức Nan Thắng Như Lai cùng bố thí cho người hạ tiện xin ăn, phước đức không khác. Dứt phải quấy thì tất cả sự vật đều là Phật pháp. Phải quấy tình ý chưa quên, quyết không thể quấy chơn thiện tri thức trong pháp giới, không thấy thật tánh một tâm niệm hiện tiền, quyết không thể học đạo vô thượng, không học được đạo xứng tánh quyền thật, không thể tùy thuận hóa độ Nhơn sanh, chưa thông phương tiện tùy hóa độ Nhơn, đâu hay xem cảnh mười pháp giới nhưng nhứt tâm không động; nếu không thể ở trong mỗi pháp giới đủ thấy tất cả sự lý pháp giới, làm gì khéo giải đồng thể phương tiện. Thế nên biết 20 việc này. Các điểm sau khó hơn các điểm trước.

Sa Môn hỏi Phật: Nhờ ơn duyên nào biết mạng đời trước? Lãnh hội được chí đạo? Đức Phật dạy: Tịnh tâm giữ chí có thể thông tận lý đạo. Ví như lau gương, bụi đi ánh sáng còn, dứt ham muốn, không cầu sẽ biết đặng mạng đời trước.

Đây là chương thứ mười ba. Ý hỏi nặng về mạng đời trước, ý đáp nặng về hiểu rõ lý đạo. Bởi vì người biết mạng đời trước chưa chắc lãnh hội chí đạo, nhưng người lãnh hội chí đạo quyết định biết mạng đời trước.

Sa Môn hỏi Phật: Thế nào là thiện? Thế nào là rất vĩ đại? Đức Phật trả lời: Hành đạo giữ tâm chơn chánh là thiện. Chí cùng đạo hợp nhất là rất vĩ đại.

Đây là chương thứ mười bốn. Chỉ rõ thiện không có thiện nào hơn chơn tu; vĩ đại không có vĩ đại nào hơn thật chứng. Hành

đạo giữ tâm chơn chánh thì muôn việc lành đồng tụ hội. Chí cùng đạo hợp nhưt thì thể pháp giới viên dung.

Sa Môn hỏi Phật: thế nào là nhiều sức mạnh? Thế nào là rất sáng? Đức Phật trả lời: Nhẫn nhục có nhiều sức mạnh, vì không nhớ ác lại thêm an kiện. Người nhẫn không có ác quyết được mọi người tôn trọng, diệt hết tâm dơ, trong sạch không vết nhớ. Ấy gọi là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất, cho đến ngày nay, mười phương đã có, không có sự gì chẳng thấy, không có việc gì chẳng biết, không có điều gì chẳng nghe, đặng tất cả trí, có thể gọi đó là sáng nhưt.

Đây là chương thứ mười lăm. Chỉ rõ sức nhẫn nhục rất là vĩ đại, diệt nhớ, sáng xa. Nhẫn có ba thứ: Một là nhẫn nại oán hại,

cũng gọi là sanh nhân. Hai là nhân yên chịu khổ, cũng gọi là pháp nhân. Ba là quán xét chắc chắn pháp nhân, cũng gọi là đệ nhứt nghĩa nhân. Nay từ nhân nại oán hại mà vào đệ nhứt nghĩa nhân.

Đức Phật dạy: Người ôm lòng ái dục khó thấy được đạo. Ví như lóng nước, cứ lấy tay khuấy lên, các người đến, không thấy bóng trong nước. Người bị ái dục giao kết, trược trong tâm phát khởi, nên không thấy đạo. Sa Môn các ông phải bỏ ái dục, hết cái như ái dục, mới thấy được đạo.

Đây là chương thứ mười sáu. Nói rõ tâm nước chúng ta vốn lóng lặng, tức là chí đạo, chỉ vì ái dục khuấy động, nên không thể ở trong một niệm, hiện bày ảnh tượng mười pháp giới; bỏ hết kiến hoặc, tư hoặc ái dục

ba cõi thì chơn đế đạo có thể thấy. Bỏ thiên chơn ái dục, hết trần sa cấu nhiễm thì tục đế đạo có thể thấy. Bỏ quả báo ái dục, dứt hết cấu nhiễm vô minh thì trung đế đạo có thể thấy vậy.

Đức Phật dạy: Luận về người thấy đạo. Ví như cầm đuốc vào trong nhà tối, tối kia liền diệt, nhưng ánh sáng hãy còn. Học đạo thấy chơn lý liền dứt tối tăm, nhưng ánh sáng thường còn.

Đây là chương thứ mười bảy. Sâu sắc chỉ rõ vô minh không có tự tánh, nên khi thấy đạo tức thời vô minh hằng diệt. Cũng chỉ rõ vô minh chưa diệt thì không được gọi chơn kiến đạo. Biết phải diệt vô minh, không sanh tâm thoái chuyển; biết thường minh chơn kiến đạo, cũng có thể dẹp tăng thượng mạn.

Đức Phật dạy: Đạo ta niệm không niệm niệm, hành không hành hành, ngôn không ngôn ngôn, tu không tu tu, người nào lãnh hội thì gần, ai mê thì cách xa. Nói năng đạo dứt, chẳng bị vật câu thúc, sai trong hào ly, mất đó giây phút.

Đây là chương thứ mười tám, chỉ rõ niệm, hành, nói, tu, đều vượt qua có không hai bên, nhưng không thể dùng có không tình ý nương cậy. Nghĩ tức là không nghĩ, cho nên thường nghĩ cái nghĩ không nghĩ này, đâu phải dùng không nghĩ làm chẳng nghĩ ư? Hành v.v... ba câu so với đây thì đủ biết, lãnh hội được thì gặp việc toàn chơn. Người mê thì chuyển đến càng xa, tướng nói năng tức là tướng giải thoát, nên nói: nói năng đạo dứt. Tất cả vật tức là tánh chơn như, nên nói chẳng bị vật câu thúc, vừa tính có không, lại

bị cách biệt, nên nói sai trong hào ly, mới vừa suy nghĩ, liền thành trệ ngại, nên nói mất đó giây phút.

Đức Phật dạy: Quán trời đất, nghĩ phi thường, quán thế giới, nghĩ phi thường, quán linh giác, tức bồ đề. Hiểu biết như thế, đắc đạo rất nhanh.

Đây là chương thứ mười chín. Chỉ rõ duy có tâm thức quán, dẹp hư còn thật, trời che đất chở, lòng phàm chấp thành thật có thường trú. Nay quán xét trời thì lạnh nóng thay phiên, đất thì hầm hỏ dời đổi, đã như thế sanh diệt phi thường. Đâu phải là ngoài tâm có thật pháp. Kế đó quán trong một thân, dời là dời đổi, cõi là phương vị. Đời vốn mỗi niệm không dừng, cõi cũng luôn đổi không định, ở trong đó đâu có thật ngã thật pháp. Thế thì dẹp bản hư ‘biến kế’. Tiếp đó quán

một niệm hiện tiền tánh linh giác, tức là lìa hai chấp ngã, pháp, bèn thành bốn trí bồ đề⁵⁶. Thế thì còn nương thật tánh ‘viên thành.’

Đẹp hư thì không chê tăng ích, còn thật thì không chê tổn giảm, chẳng phải có, chẳng phải không, chóng hợp với trung đạo vậy.

Đức Phật dạy: Phải nghĩ bốn đại trong thân, mỗi mỗi có danh từ, đều là không có ngã, ngã đã đều không, kia chỉ như huyễn mà thôi.

Đây là chương thứ hai mươi. Khai thị người dùng bốn đại⁵⁷ quán thân mà vào pháp môn như huyễn. Trong thân chất cứng là đất, chất lỏng là nước, chất ấm là lửa, chất động là gió. Tìm ta rõ không thể được. Năng thành

⁵⁶ **Bốn trí bồ đề:** Bốn trí của bậc Phật. 1. Đạo huệ trí. 2. Đạo huệ chủng trí. 3. Nhưt thiết trí. 4. Nhưt thiết chủng trí.

⁵⁷ **Bốn đại quán thân:** Quán thân này do bốn đại tổ hợp lại mà thành. Bốn đại là: Đất, nước, gió, lửa.

cùng sở thành, thể đều như huyễn, năng quán sở quán, cũng lại như huyễn. Ở trong một huyễn thí dụ, lại có thể thông suốt lý không, giả, trung, nên biết quán thân bốn đại, thật sự bao trùm bốn giáo⁵⁸.

Đức Phật dạy: Người chạy theo tình dục, để cầu thanh danh, thanh danh có tỏ bày, thân đã già rồi; ham thường danh trong đời nhưng không học đạo, uổng công nhọc hình. Ví như đốt hương, tuy người nghe thơm, thơm đó nó hết, lửa nguy hại thân, lại còn hậu họa.

Đây là chương thứ hai mươi một. Chỉ rõ những người háo danh, không những vô ích mà còn tổn hại sâu sắc vậy.

Đức Phật dạy: Tài sắc đối với người, người mà không bỏ. Ví như lưỡi dao bén

⁵⁸ Bốn giáo: Bốn giáo là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo.

có dính chút mật, không đủ ngon một bữa ăn, trẻ con liếm đó thì bị tai nạn lưỡi đứt.

Đây là chương thứ hai mươi hai. Nói rõ mùi vị tài sắc thì ít nhưng tai hại quá nhiều. Người có trí không thể bắt chước trẻ con kia làm càn.

Đức Phật dạy: Người bị ràng buộc bởi vợ con nhà cửa, các thứ ấy còn hơn lao ngục; lao ngục còn hy vọng có ngày ra khỏi. Vợ con không có niệm xa lìa. Tình ái và sắc dục, đâu nên chạy theo đuổi bắt. Mặc dù có lo miệng cọp, tâm phải giữ cẩn thận. Nhảy vào bùn tự chìm đắm, nên gọi là phạm phu. Thấu đặng cửa này là bậc La Hồn xuất trần.

Đây là chương thứ hai mươi ba. Sâu sắc chỉ rõ người bị chôn vùi bởi vợ con nhà cửa, khuyên mau chóng xa lìa. Cõi Dục dùng

nam nữ bà con làm vợ con, các thứ cung điện làm nhà cửa; cõi Sắc dùng vị thiên làm vợ con, tứ thiên thiên làm nhà cửa; cõi Vô Sắc dùng si định làm vợ con, cõi trời tứ không làm nhà cửa. Ái kiến luôn thu hút, họa hoạn đồng như miệng cọp. Theo hạng mà luận. Nhị thừa dùng một vị giải thoát làm vợ con, thiên chơn niết bàn làm nhà cửa. Quyền giáo dùng du hí thần thông làm vợ con, ra chơn vào tục làm nhà cửa. Làm sao thấu suốt đặng không có hai môn, mới hoàn thành được quả trung đạo vô sanh.

Đức Phật dạy: Ái dục không có chi hơn sắc. Tham muốn của sắc rất là trọng đại không gì hơn, nhờ có một, nếu khiến hai bên đồng; những người khắp trong thiên hạ, không thể làm đạo, đắc đạo vậy.

Đây là chương thứ hai mươi bốn. Sâu sắc chỉ rõ dục là bịnh nặng của chúng sanh. Kinh Phật Đản nói: *“Tâm dâm dục không trừ, cõi trần không thể ra.”*

Đức Phật dạy: Những người ái dục, cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, chắc chắn lo sợ cháy tay.

Đây là chương thứ hai mươi lăm. Dạy rõ ái dục không thể tập gần. Ngược gió mà cầm đuốc, chưa có người nào không cháy tay. Tập gần ái dục, làm sao khỏi tổn pháp thân thanh tịnh, hại cho tay phương tiện.

Thiên thần dâng ba nàng ngọc nữ lên Phật, muốn phá hoại ý Phật. Đức Phật nói: Các thầy da hôi thối, đến đây làm gì. Đi mau đi! Ta không dùng! Thiên thần càng kính phục, như đó hỏi ý Phật. Phật

**vì Thiên thần giải nói. Các vị nghe xong
chứng đặng quả Tu Đà Hoàn.**

Đây là chương thứ hai mươi sáu. Chỉ rõ đức Phật không bị ma vương nhiều hại, mà lại còn giáo hóa ma vương. Thiên thần tức là ma vương ba tuần. Khi Phật sắp thành đạo, trước hết Ma vương khởi binh giáp đến triệt hạ, nhưng không hại được Phật, kế đó dâng hiến ba nàng ngọc nữ, cũng không thể nhiều hại được Phật, chúng mới quy đầu. Đức Phật giáo hóa cho họ chứng được sơ quả Tu Đà Hoàn. Người hay quán sát các nữ nhơn cũng chỉ là dấy da hôi thối thì ý dâm được trừ diệt, mình và người đều lợi.

**Đức Phật dạy: Luận về người làm đạo,
cũng như gỗ lớn ở tại sông, theo dòng
nước mà đi, không chạm hai bên bờ,
không bị người lôi kéo, không bị quỷ thần**

ngăn cản, không bị dòng nước xoáy đứng một chỗ, cũng không bị mục hư. Ta bảo vệ cây này, sẽ vào trong biển. Những người học đạo, không bị tình dục cuồng hoặc, không bị tà ma nhiễu hại, tinh tấn vô vi. Ta bảo đảm người này chắc chắn đắc đạo.

Đây là chương thứ hai mươi bảy. Thí dụ rõ người học đạo phải xa lìa các chướng ngại. Hai bờ là dụ cho tình dục: Kiến tư tình dục và vô minh tình dục. Kiến tư tình dục bị đắm nhiễm con đường sanh tử như gặp bờ bên này; vô minh tình dục bị đắm nhiễm cảnh niết bàn như gặp bờ bên kia. Người và quỷ thật là đề dụ cho các tà ma. Lưới ái ràng buộc, như bị người lôi kéo, thấy lưới ngăn che, như bị quỷ thần ngăn cản. Dòng nước xoáy đứng một chỗ, chính cùng tinh tấn trái

nhau, mục hư chính cùng vô vi trái nhau. Bởi vì không thể trực tâm chánh niệm chơn như, mỗi khi muốn tiến mà trái lại thoái lui, như nước chảy quá mạnh bị xoáy, không thông pháp tánh vô vi thì trước tướng đề tu phước huệ, cuối cùng thành hư mục. Thế nên không bị tình dục, sanh tử niết bàn cuồng hoặc, không bị ái kiến các tà nhiễu loạn, chánh niệm chơn như đề tinh tiến rõ thông pháp tánh vô vi, như vậy việc đắc đạo chắc chắn được bảo đảm.

Đức Phật dạy: Cần thận chớ nên tin ý của ông; ý ông không thể tin được. Cần thận chớ cùng sắc gặp gỡ, gặp gỡ sắc họa liền sanh. Chúng đặng quả A La Hán rồi, mới nên tin được ý ông.

Đây là chương thứ hai mươi tám. Sâu sắc dạy bảo ý như con ngựa khó điều phục. Họa

sắc phải nên tránh. Chúng sanh từ vô thủy đến nay, chỉ vì buông lung tình dục chạy theo ý thức, phải chịu luân hồi quá lâu, chưa chứng quả A La Hối, thường cùng vô minh ái kiến, ngã mạn đồng phát khởi, đâu nên tin ý ông mà không đồng mãnh.

Đức Phật dạy: Cần thận chớ nhìn sắc đàn bà, cũng chớ cùng nhau nói chuyện, nếu cùng nói chuyện, chánh tâm suy nghĩ. Ta là vị sa môn, đương ở đời ác trực, phải giống như hoa sen ở dưới bùn lầy, tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, trẻ thơ như con, sanh tâm độ thoát, dứt bật niệm xấu.

Đây là chương thứ hai mươi chín. Trình bày rõ phương thức xa tránh người nữ để dứt ác tạo lành vậy. Trước dùng hoa sen không nhiễm mà tự đọi kỳ, đó là chánh niệm tự lợi;

lại xem như mẹ, như chị, như em, như con mà độ thoát cho họ, đó là tâm từ lợi tha, đã cùng hai lợi tương ưng, niệm ác tự nhiên tiêu diệt.

Đức Phật dạy: Luận về người làm đạo, như mặc cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người tu hành thấy ái dục, cần phải xa lánh.

Đây là chương thứ ba mươi. Chỉ bày dạy biểu xa lìa các tình dục, chớ nên để lửa tình dục nó thiêu hại. Sáu căn tình, giống như cỏ khô, sáu trần cảnh dụ như lửa mạnh. Lúc chưa đến tâm cùng cảnh cả hai phải không, cần phải xa lìa để được hạnh thù thắng.

Đức Phật dạy: Có người lo sợ không ngăn chặn được dâm dục, muốn tự đoạn âm. Đức Phật dạy: Nếu đoạn âm kia, không bằng đoạn vọng tâm. Tâm như người chỉ

huy, người chỉ huy nếu ngưng hoạt động, thì bao nhiêu người tùy tùng đều ngưng hết. Tâm tà không chấm dứt thì đoạn âm không ích gì cả. Đức Phật vì đó mà nói bài kệ:

**“Ái dục sanh ở nơi ý ông,
Ý ông nghĩ vọng thì nó sanh,
Hai vọng tâm, mỗi đều tịch tĩnh,
Chẳng phải sắc cũng chẳng phải hành.”**

Đức Phật nói bài kệ này là bài kệ của Phật Ca Diếp.

Đây là chương thứ ba mươi một. Chỉ rõ muốn đoạn ái dục phải đoạn từ vọng tâm. Phương pháp đoạn vọng tâm, xét ái dục từ vọng ý sanh, lại cũng cùng tư tưởng sanh, chỉ phải biết tư tưởng này là tự mình sanh?

Hay tự người khác sanh? Chung nhau sanh? Hay không có nguyên nhân sanh? Lại nữa, tư tưởng này là ở trong hay ở ngoài hay ở cả hai bên? Là ở từ quá khứ, hiện tại, hay vị lai? Thời gian quán sát như thế, tư tưởng vắng lặng, vì tư tưởng vắng lặng, ý liền tịch tĩnh, vì ý tịch tĩnh, ái dục liền im bật, vì ái dục im bật, quán sát tất cả sắc như bóng trong gương, tức là chẳng phải sắc, quán sát tất cả hạnh như bọt nước, mây trôi v.v... tức là chẳng phải hạnh. Từ xưa, các đức Phật triển chuyển truyền trao, chẳng qua chỉ truyền phương pháp phương tiện điều tâm này mà thôi.

Đức Phật dạy: Người từ ái dục sanh ra lo nghĩ, từ lo nghĩ sanh ra sợ sệt; nếu xa lìa ái dục, thì đâu có lo gì sợ gì!

Đây là chương thứ ba mươi hai. Xét nỗi lo sợ trong đường ái dục mà khuyên người đoạn dục bỏ ái. Chúng sanh từ vô thủy đến nay, vọng nhận bốn đại là thân tướng của mình, vọng nhận sáu trần duyên bóng dáng là tâm tướng của mình, chấp trước tham luyến không chịu tạm bỏ, liền sanh các thứ lo rầu, các thứ sợ hãi. Chỉ dùng quán thân bốn đại, biết thân không có tự ngã, dùng bốn đại vận dụng quán tâm, biết tâm vô thường, ái dục đã đoạn, sợ sệt tự trừ.

Đức Phật dạy: Luận về người làm đạo tu hành. Ví như một người cùng với muôn người chiến đấu. Mặc áo giáp ra trận, ý hoặc bị khiếp nhược, hoặc nửa đường thối lui, hoặc chiến đấu mà chết, hoặc đắc thắng khải hoàn. Sa Môn học đạo, phải nên kiên trì tâm của mình, tinh tiến dũng

mãnh, không sợ cảnh trước mặt, phá diệt các quân ma, mà chúng được đạo quả.

Đây là chương thứ ba mươi ba. Ví dụ nói rõ những người tu hành làm đạo, phải đầy đủ giới định huệ, chuyên ròng tâm học đạo. Ví như một người, từ vô thỉ các mê lầm luân tập mê lầm. Ví như muôn người, thọ trì giới thanh tịnh. Ví như người mặc áo giáp, duy nhất kiên trì tâm kia thì không có ý khiếp sợ. Đây là sức trì giới. Tinh tấn dũng mãnh thì không thối lui giữa đường. Đây là sức định vậy. Không sợ cảnh trước thì chiến đấu cho đến chết. Đây là sức huệ. Hợp lại ba sức này, phá diệt các ma từ vô thỉ, mà chúng đạo quả. Đây là đặc thắng khái hoàn.

Sa Môn ba đêm tụng kinh Ca Diếp Phật Di Giáo, tiếng nghe rất buồn thảm, suy hồi muốn thoái lui. Đức Phật hỏi vị Sa

Môn, khi ông còn ở tại gia, thường làm nghề gì? Sa Môn đáp: Con thích đánh đàn cầm. Đức Phật hỏi: Khi dây đàn dùn thì thế nào? Sa Môn bạch: Nó không kêu. Phật hỏi tiếp: Dây đàn thẳng thì thế nào? Đáp: Khó nghe tiếng tốt. Phật hỏi: Không dùn, không thẳng trung dung thì tiếng nó như thế nào? Sa Môn bạch: Thì tiếng nó rất hay. Đức Phật dạy: Sa Môn học đạo cũng như thế. Tâm nếu điều thích, đạo mới có thể đặng. Đối với đạo nếu làm quá hăng say, hăng say thì thân phải nhọc mệt, thân mà nhọc mệt thì ý liền sanh phiền não. Ý nếu sanh phiền não thì việc tu hành phải thoái lui. Tu hành mà thoái lui thì tội chướng chắc chắn gia tăng. Chỉ có thanh tịnh an lạc, đạo tâm mới không thoái thất!

Đây là chương thứ ba mươi bốn. Chỉ rõ phương pháp học đạo, phải khéo điều thân điều tâm, chớ cho trì hoãn hay gấp rút, mất hết thăng bằng. Nhà Nho cũng nói: Tiến quá nhanh thì thoái quá dễ. Lại cũng nói: Chớ quên chớ trễ. Bởi vì quả tam thừa muốn đạt, phải hành động như thế.

Đức Phật dạy: Người tu như người giũa sắt, bỏ rỉ thành đồ hữu dụng, đồ được tinh hảo. Những người học đạo, bỏ tâm cầu nhiễm, tu hành được thanh tịnh.

Đây là chương thứ ba mươi lăm. Ví dụ chỉ rõ cầu nhiễm không thể không trừ. Khi trừ được cầu nhiễm, liền thành thanh tịnh. Ấy gọi là chỉ cần dứt hết tình phàm, ấy là rõ được Thánh chứ chẳng có tìm hiểu Thánh nào khác, chỉ bỏ pháp mê lầm, để cho pháp sáng suốt hiển lộ. Thành Phật làm Tổ đâu có

ở ngoài tâm mà được, chẳng qua tịnh trừ tập khí mà thôi.

Đức Phật dạy: Người xa lìa con đường ác, đặng làm thân người là khó, đã đặng làm người, bỏ nữ thành nam là khó, đã đặng thân nam, sáu giác quan hoàn hảo là khó, sáu giác quan đã đủ, được sanh nơi trung tâm văn hóa là khó, sanh nơi văn hóa, gặp được Phật ra đời là khó, đã đặng gặp đạo, phát khởi lòng chánh tín, phát tâm bồ đề khó hơn, đã phát tâm bồ đề, không thấy tu không thấy chứng mới là khó nhất.

Đây là chương thứ ba mươi sáu. Triền chuyển chỉ rõ những việc khó được để sâu sắc cảnh tỉnh người, khiến cho không mất duyên lành. Chẳng thông suốt không thấy tu không thấy chứng, thì sao gọi là chơn chánh phát tâm bồ đề, không phát tâm bồ đề chơn

chánh, đâu gọi là tâm chánh tín, không phát khởi tâm chánh tín, đâu gọi gặp đạo, gặp Phật đâu có ích gì, đã gặp cũng như không gặp, thì sanh ở giữa nước cũng như biên địa⁵⁹, mà đã ở biên địa thì sáu căn có đủ cũng như không đủ, đã sáu căn đủ cũng như không đủ, thì dù người nam cũng không phải người nam, đã là người nam không thành người nam, thì thân người nào có khác ở theo con đường ác. Yên tịnh mà suy nghĩ, phải phát tâm bồ đề mới chóng ngộ yếu chỉ không thấy tu không thấy chứng.

Đức Phật dạy: Phật tử xa ta vài nghìn dặm, nhớ nghĩ giới của ta, quyết được đạo quả; ở bên mặt bên trái ta, tuy thường thấy ta, nhưng không thuận giới ta, trọn không đắc đạo.

⁵⁹ **Biên địa:** Pays de la frontier. Biên là thiên lệch qua một bên, ở nơi ranh giới. Địa là đất, cảnh giới. Biên địa là cảnh giới địa vị một bên, chớ không được ở nơi trung tâm, chỗ chính đáng.

Đây là chương thứ ba mươi bảy. Sâu sắc chỉ rõ tâm gần thì gần, tâm xa thì xa, nhưng không dùng hình tích luận xa hay gần. Lời vàng tiếng ngọc của Phật, trọng giới như thế. Đệ tử đời mạt pháp⁶⁰, tại sao không suy nghĩ? Trong Luật Tăng Kỳ nói: Nước Ba La Chỉ có hai vị tỳ kheo, cùng làm bạn đến nước Xá Vệ ra mắt đánh lễ đức Thế Tôn. Đường xa giữa đường khát nước, toàn là sa mạc không có nước uống. Xa xa phía trước có một giếng cạn. Một vị tỳ kheo bưng nước liền uống. Tỳ kheo khác thấy trong nước có vi trùng không dám uống. Vị tỳ kheo uống nước hỏi rằng, sao sư huynh không uống? Vị kia trả lời: Đức Thế Tôn chế giới luật, không được uống nước có vi trùng. Vị tỳ kheo kia lại khuyên rằng: Sư huynh gắng uống chớ không khéo khát quá thì chết

⁶⁰ **Mạt pháp:** Đạo pháp vào lúc điêu tàn. Đời mạt pháp cách Phật xa đời, người ác trước thì nhiều, nên ít người tu hành đắc đạo.

không được yết kiến đức Thế Tôn. Vị trưởng lão đáp: Ta thà mất thân mạng, không hủy phạm giới cấm của Phật, liền để chịu khát đến chết, thần thức sanh lên cung trời Đao Lợi⁶¹, thân trời đầy đủ, đem đó trước đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, nghe pháp chứng đặng pháp nhãn tịnh. Vị tỳ kheo uống nước, qua ngày hôm sau, mới đến chỗ đức Phật. Phật biết rõ duyên cớ nhưng hỏi: Ông từ đâu đến và đi với ai? Vị tỳ kheo liền thuật lại các việc vừa xảy ra hôm qua. Đức Phật quở: Ông là người si mê, ông không thấy được ‘Phật.’ Nếu muốn nói thấy Phật thì vị tỳ kheo trưởng lão chết kia đã thấy ‘Phật’ rồi. Tỳ kheo mà buông lung biếng nhác, không thu nhiếp các căn, mặc dù cùng ta một chỗ, nhưng xem như xa cách ta

⁶¹ **Cung trời Đao Lợi:** Trayastrimsas: Dịch là tam thập tam thiên, là cõi trời thứ nhì trong sáu cõi trời Dục giới, ở trên chót núi Tu Di, nơi xa tám muôn do tuần trên cõi Diêm Phù Đề.

ngàn dặm. Kia tuy thấy ta, ta không thấy kia. Nếu có tỳ kheo, ở bên kia bờ biển, tâm không buông lung, tinh tấn tu tập không biếng nhác thức liễm các giác quan, dù cách xa ta, ta thường thấy kia, tỳ kheo kia luôn luôn thân cận ta.

Đức Phật hỏi một vị Sa Môn: Mạng con người ở trong bao lâu? Sa Môn bạch: Mạng người ở trong vài ngày. Phật nói: Ông chưa biết đạo. Hỏi Sa Môn khác: Mạng người ở trong bao lâu? Đáp: Ở trong bữa ăn cơm. Đức Phật nói: Ông cũng chưa biết đạo. Lại hỏi vị Sa Môn thứ ba: Mạng người ở trong bao lâu? Vị này bạch rằng; Mạng người ở trong thở hít. Đức Phật khen: Lành thay! Ông là người biết đạo.

Đây là chương thứ ba mươi tám. Chỉ rõ mạng người vô thường, không kể không biết. Một thời kỳ sắc cùng tâm luôn gìn giữ không gián đoạn, gọi đó là mạng căn. Chính y theo hạt giống bốn thức giả lập, không có thật pháp, hơi thở ra tuy còn, hơi hít vào khó bảo đảm, huông chi từng sát na, sát na mỗi niệm sanh diệt. Nếu không trầm tư quán sát, làm sao biết rõ. Thuở xưa bên Tây Vực, có một Quốc vương, không tin hiểu Phật pháp hỏi vị Tổ sư rằng: Ta thấy các khổ hạnh của ngoại đạo, còn không thể chiết phục tâm dâm, nhưng nay Sa Môn có bốn việc như ý thì sao đoạn được phiền não ư?

Tổ sư trả lời: Đại vương thử bắt một tử tội trong ngục, hai tay bưng bát dầu đầy, cho tên đao phủ cầm dao bén đi theo sau, nếu một giọt dầu không rơi ra ngoài, sẽ xá tội

khỏi bị chết. Nếu rơi một giọt, liền bị chết chém. Đồng thời bốn ngã đường, Vua ra lệnh cho cung phi mỹ nữ, đờn ca xướng hát, khắp mọi nơi ca múa, thử hỏi tử tội nọ có nghe thấy gì không? Vua ra lệnh làm ngay các việc. Ra lệnh tử tội nọ bưng bát dầu đầy, đi khắp bốn nẻo đường, nơi có đờn ca xướng hát, nhảy múa rầm rộ, nhưng một giọt dầu không rơi, nên tử tội kia được ân xá tội chết. Vua cho lệnh đòi tử tội nọ vào hỏi: Nhà ngươi đi bốn nẻo đường, có nghe thấy gì không? Tử tội nọ thưa: Lúc đó con chỉ sợ một giọt dầu rơi là cổ con đứt, nên chỉ thấy dầu trong tay mà không thấy nghe gì cả. Tổ sư thưa với Vua rằng: Tử tội nọ kia chỉ tiếc có một thân này thôi, mà đối với sắc, thanh, không dám thấy nghe; huống chi Sa Môn vâng lời Phật dạy: Đòi là vô thường, thân là

vô ngã, đau đớn suy nghĩ khổ sanh tử vô lượng kiếp số, làm sao mà không lo đoạn phiền não. Các ngoại đạo kia v.v... không biết vô thường, vô ngã, chuyên môn khổ hạnh, chỉ là vô ích. Lúc ấy Đại vương mới tin phục lời Tổ sư giảng. Ôi! Thật rõ mạng con người ở trong thở hít. Đâu có đợi người đồ tể cầm dao theo sâu, tâm mới không buông lung ư?

Đức Phật dạy: Người học đạo giác ngộ. Những lời Phật đã dạy, cần phải chánh tín thuận ích. Ví như ăn mật giữa và hai bên miệng đều ngọt. Kinh pháp ta cũng như thế.

Đây là chương thứ ba mươi chín. Chỉ rõ kinh pháp của Phật đều nên tin thuận, không nên vọng chia đạo, tiểu, đôn, tiêm, mà sanh tâm khinh trọng. Lời dạy của Phật, không

luận quyền, thật, đều phải thực thi, khai quyền hiển thật. Bốn giáo mỗi giáo có bốn môn, mỗi môn có đủ bốn tất đàn⁶². Nay có chấp tiểu, hủy báng đạo, chấp đại hủy báng tiểu, chấp sự bỏ lý, chấp lý bỏ sự đều trái với ý Phật.

Đức Phật dạy: Sa Môn hành đạo, không nên như con trâu đá. Thân tuy hành đạo, nhưng tâm đạo không hành, tâm đạo nếu hành, đâu có dùng hành đạo.

Đây là chương thứ bốn mươi. Nói rõ hành đạo ở nơi tâm, không ở nơi hình thức. Tâm không vào đạo, cứ chuyên nghi thức bên ngoài, cùng với con trâu đá đâu có khác gì!

Đức Phật dạy: Luận về người làm đạo, cũng như con trâu, chở nặng, đi trong

⁶² **Bốn tất đàn:** Siddharta. Bốn pháp thành tựu cho chúng sanh: 1. Thế giới tất đàn. 2. Vị nhơn tất đàn. 3. Đối trị tất đàn. 4. Đệ nhứt nghĩa tất đàn. Trong đời thuyết pháp của Phật không bao giờ Ngài nói ra khỏi bốn tất đàn. Ngài dùng bốn phép ấy khiến cho chúng sanh thành Phật đạo...

bùn sâu, mệt nhọc không dám nhìn ngó hai bên, ra khỏi bùn lầy, mới có thể tỉnh dứt. Sa Môn phải quán tình dục⁶³ rất đơ xấu hơn bùn lầy, luôn trực tâm nhớ tới đạo, mới khỏi đau khổ vậy.

Đây là chương thứ bốn mươi một. Răn dạy người phải trực tâm nhớ đạo, nên nghĩ đến thời kỳ xuất ly tình dục.

Đức Phật nói: Ta xem ngôi vị vua chúa cũng như hạt bụi xen qua kẽ hở, xem của báu vàng ngọc cũng như ngôi đá, xem y phục lụa gấm cũng như vải xấu, xem đại thiên thế giới như trái ha tử, xem ao nước A Nậu cũng như dầu xoa chân, xem cửa phương tiện như nhóm hóa bửu, xem vô thượng thừa cũng như vàng lụa lúc chiêm bao, xem Phật đạo như hoa trước mắt,

⁶³ Tình dục: Désir, Pasion. Mỗi ham muốn trong lòng, như ham tiền tài, danh vọng, chức phận, vợ đẹp, hầu xinh...

xem thiên đình như cột tu di, xem niết bàn như giấc ngủ ngày đêm, xem diên đảo chính đĩnh như sáu con rồng múa, xem sự bình đẳng như đất thật như nhất, xem sự hung hóa như cây bốn mùa.

Đây là chương thứ bốn mươi hai. Kết thúc chỉ rõ con mắt Phật bình đẳng quán sát tất cả các sự vật để phá pháp chấp của chúng sanh. Nhơn gian một trăm năm bằng một ngày đêm trên cung trời Đao Lợi. Một đại kiếp ở Ta Bà bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực Lạc, thì vương hầu vinh quý cùng bụi qua kẽ hở đâu có khác gì? Khí huyết của chư thiên, thuần là bảy thứ quý báu, đất nước Cực Lạc, vàng ròng làm thành, khi Di Lặc thành Phật đạo, đất này cũng đều thành lưu ly, huông chi vàng ngọc ngói đá là bốn thứ do cực vi tạo thành, đâu có gì quý trọng.

Y phục tuy hàng vải, chẳng qua để che thân hình, nếu để che đồ xấu hổ thì vải xấu đâu có hại gì.

Đại thiên thế giới cũng là do tâm. Một trái ha tử cũng là duy tâm; quán tướng vốn là vọng, nên ở trong đó ngang dọc lớn như quán tánh nó vốn là chơn, thay đổi tâm đại thiên, chẳng phải lớn, chẳng phải nhiều: biến đổi tâm ha tử chẳng phải nhỏ chẳng phải ít. Nước ao A Nậu cùng dầu xoa chơn, so sánh theo đây thì biết.

Cửa phương tiện là thế nào? Các đức Phật đã thi thiết các phương tiện ba thừa, năm thừa⁶⁴ bảy thánh tài⁶⁵, chín cõi chúng sanh⁶⁶. Chúng sanh bần thọ pháp bảo này khắc quả

⁶⁴ **Năm thừa:** Nhơn thừa, thiên thừa, thanh văn thừa, duyên giác thừa và bồ tát thừa.

⁶⁵ **Bảy thánh tài:** Bảy thứ của cải về tinh thần của hàng Thánh giả: 1. Đức tinh, lòng chánh tín. 2. Giới hạnh trong sạch. 3. Lòng hổ thẹn. 4. Lòng ó chán, quả thẹn. 5. Nghe nhiều biết rộng. 6. Trí tuệ và 7. Là xả bỏ, rời khỏi các sự trù mến.

⁶⁶ **Chín cõi chúng sanh:** 1. Ngũ thú tạp cư địa. 2. Ly sanh hỷ lạc địa. 3. Định sanh hỷ lạc địa. 4. Ly hỷ diệu lạc địa. 5. Xả niệm thanh tịnh địa. 6. Không vô biên xứ địa. 7. Thức vô biên xứ địa. 8. Vô sở hữu xứ địa. 9. Phi tướng, phi phi tướng xứ địa.

không dối. Song ở chư Phật, chẳng qua là thật thi quyền, đâu có pháp thật, cho nên chỉ như nhóm họp bửu hóa mà thôi. Vô thượng thừa, tuy là sự rất thật, song đều là lý tánh, đầy đủ của chúng sanh, ngoài tâm không có pháp. Nên nói viên mãn bồ đề, về “vô sở đắc⁶⁷.” Như vàng lượ trong chiêm bao, đâu có vật gì là thật đâu.

Các thứ trong Phật giáo, là đối với phàm tình, tình chúng sanh không sinh, Phật đạo đâu có. Chỗ khác nói vô vi không khởi diệt, chẳng thật như hoa đóm giữa hư không. Tu đi ra biển, gió sóng không thể dờn dỗi lôi cuốn. Song tu đi là pháp không thật, chẳng qua là do bốn quý báu, bốn cực vi hợp thành. Thiên định cũng không pháp thật,

⁶⁷ **Vô sở đắc:** Chẳng đặng chi hết, chẳng có chi mà được. Tự mình liễu đạt rằng các pháp vốn không, tất cả đều như hư không, nên không thấy mình đắc, không thấy mình có, không nhận rằng mình biết. Vô sở đắc cũng như: Vô sở hữu, vô sở tri, vô sở kiến. Đối với hữu sở đắc...

chẳng qua là do các tâm, tâm sở, bốn phần hợp lại thành mà thôi. Sanh tử như đêm dài, bị vô minh ràng buộc, nên ngày đêm đều ngủ. Niết bàn như mặt trời treo, trí huệ khai thông, nên ngày đêm đều ngủ. Lưu chuyển trong đường sanh tử, chỉ là sáu giác quan, an lạc niết bàn, cũng do sáu căn, bỏ tánh giác hợp trần lao, gọi đó là điên đảo; nhưng thật không giảm; bỏ trần lao, hợp tánh giác, gọi đó là chính đĩnh, mà thật cũng không tăng, nên chỉ như sáu con rồng múa, chẳng qua là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau mà thôi.

Các pháp đã đều bình đẳng, thì tùy theo một pháp vi trần, tức cùng một chơn địa bình đẳng, chẳng phải lìa ngoài tất cả pháp, riêng có một “đại tổng tướng pháp môn⁶⁸” chỉ là đầu đầu pháp pháp, đầu là đại tổng tướng

⁶⁸ Đại tổng tướng pháp môn: Cửa pháp có chơn tướng tổng quát vĩ đại. Đây là một thuật ngữ chỉ cho chơn pháp tức là điều dụng của tâm chơn thật rốt ráo.

pháp môn vậy. Y theo một chơn địa mà thi hành hóa đạo, như y theo quả đất mà có cây bốn mùa: Xuân thì sanh, hạ thì tươi, thu thì úa, đông thì rụng. Thay nhau sanh, thay nhau tươi, thay nhau úa, thay nhau rụng, sau rồi lại trước, trước rồi lại sau, khắp trong mười phương, suốt cả ba đời, đều là thần lực tự tại của như lai tạng tánh.

GIẢNG GIẢI

KINH PHẬT NÓI BỐN MƯƠI HAI

CHƯƠNG

Kinh này đốn giáo⁶⁹, tiệm giáo⁷⁰ gồm thâu. Ban đầu đề xướng hiểu biết tâm, thông căn bản, hiểu pháp vô vi. Gọi đó là Sa Môn.

⁶⁹ **Đốn giáo:** Có hai nghĩa: 1. Dạy cho thành tựu tức khắc. 2. Dạy cho bằng giáo pháp vẫn tất đại thừa. Đốn giáo với tiệm giáo.

⁷⁰ **Tiệm giáo:** Pháp môn dạy dần dần, vì chúng sanh có căn tánh khác nhau, có chậm (độn) có nhanh (lợi) nên Phật tùy tiện mà chỉ giáo. Ngài dùng tiệm giáo, đốn giáo hoặc viên giáo.

Lại nữa nói tâm không ràng buộc đạo lý, cũng không kết nghiệp, không vọng niệm, không tạo tác, không thấy tu, không thấy chứng, không trải qua các địa vị, mà tự sùng tối, gọi đó là đạo. Tôn chỉ kim cương vô trụ, pháp môn bất nhị của Duy Ma Cật, không vượt ngoài ý trên.

Lại còn nói: Cúng dường cơm nghìn ức các đức Phật ba đời, chẳng bằng cúng dường cơm cho một vị, không niệm, không trụ, chẳng tu chẳng chứng. Luận về người không niệm, không trụ, chẳng tu, chẳng chứng. Đó là chỉ “Tự Tánh⁷¹ Thiên Chơn Phật”. Các đức Phật ba đời giác ngộ đến đây mà thôi, không có chi thêm nữa được. Trong các sự cúng dường, dùng pháp cúng dường là tối thắng. Pháp cúng dường là gì? Là biết được

⁷¹ **Tự tánh thiên chơn Phật:** Tánh mình là tánh Phật thiên chơn, là tánh Phật thiết từ vô thi đến nay chơn thật không hư hoại, là đặc tính sẵn có của mỗi người.

bản tâm của mình, hiểu rõ các pháp không tịch. Mỗi niệm nhớ Phật ra đời, mỗi niệm nhớ Phật diệt độ. Đó là cúng dường cơm cho một vị không niệm, không trụ, chẳng tu chẳng chứng. Há phải tìm bên ngoài ư? Đây là đốn giáo.

Ngoài ra trong kinh còn đơn cử bốn chơn đạo⁷², mười hạnh lành⁷³ quở chê nhiễm dục, sách tấn phát tâm tu tịnh nghiệp, cảnh tỉnh đời là vô thường, giác ngộ huyễn hóa. Đây là tiệm giáo.

Luận về dục nhiễm không bỏ, thì hạnh thanh tịnh khó thành, hạnh thanh tịnh mà không thành, thì yển sáng của chơn tâm làm sao mà phát? Thế nên lại phải nhắc thêm tu là phải dứt ái nhiễm bỏ ham muốn để làm trợ duyên

⁷² **Bốn chơn đạo:** Bốn con đường chơn thật, cũng như bốn chơn lý mà đức Phật đã dạy.

⁷³ **Mười hạnh lành:** Mười hành động hiền lành, tốt đẹp, cũng như mười điều thiện tích cực lợi tha...

hành đạo, giữ chơn, nhưng điểm cốt yếu là phải trở về vô ngã. Liễu ngộ được vô ngã, tâm cấu tỵ hết, yên sáng của tâm thường hiện tiền.

Như thế đó gọi là pháp vô vi.

Thế nhưng, người trong thế gian thường tham mến hữu vi, không bỏ ái dục, đó là tại sao? Bởi vì không biết mạng người vô thường, thế giới huyễn hóa, được vui trong giây phút, nhưng bị ương lụy trong nhiều kiếp. Lưỡi dao có chút mật; cầm đuốc đi ngược gió, đây là những lời nhắc cẩn thận. Nếu ai có chí trượng phu⁷⁴, kia không lo sợ lắm, nhưng phải tỉnh thức luôn luôn. Trong văn kinh nói: Đức Phật đã dạy: Ví như ăn mật, giữa miệng và hai bên mép đều phải ngọt. Người học đối với ý trên, phải hết lòng

⁷⁴ **Chí trượng phu:** Chí hướng cao thượng siêu xuất, chí hướng cao thượng của bậc đại nhơn, chí hướng của người xuất thế, chí hướng trở về yên sáng giác ngộ tâm mình.

tìm hiểu, thì có thể vào được cửa của tất cả năm bộ kinh vậy. Một người hành đạo dung thông, thì kinh văn sống dậy.

Rất mong!

GIẢNG GIẢI KINH DI GIÁO

GIẢNG GIẢI KINH PHẬT DI GIÁO

Giảng giải kinh này, phần lớn có chia làm hai. Đầu giảng về đề mục, sau vào chánh văn. Trong phần đầu lại chia làm hai: **Một**, chánh giải đề mục; **hai**, lược nói người dịch kinh. Đây là phần một.

1. CHÁNH GIẢI ĐỀ MỤC KINH PHẬT DI GIÁO

Ba chữ **Phật Di Giáo** là tên riêng. Một chữ **Kinh** là tên chung. Chính trong tên riêng

Đức Phật là người năng thuyết, Di Giáo là pháp sở thuyết. Nhơn cùng pháp đều nêu ra, năng cùng sở đều giải bày. Chử Phật nghĩa là giác. Chúng sanh nhiều kiếp sống trong chiêm bao, Phật dứt hết vô minh như từ chiêm bao tỉnh thức, đã tự giác rồi lại hay giác tha, giác ngộ tất cả sự vật đều rõ ráo, nên gọi là Phật.

Lại nữa, tâm ở trong chiêm bao, tâm không thể diệt, gọi là bản giác, từ chiêm bao vừa tỉnh, biết rõ chiêm bao vốn không gọi là thi giác, đã từ chiêm bao tỉnh, chỉ một tâm thức tỉnh, lại không có hai tâm, gọi là cứu kính giác. Giác tánh này, muôn loài hàm linh đều đủ, không trước không sau. Thích Ca Mâu Ni, chẳng qua trước đặng chỗ đồng tánh của chúng ta, do đó thị hiện thành Phật đạo, là đạo sư chúng ta.

Lại nữa vì chúng ta nhiều đời mê lầm không giác ngộ, thế nên ở trong tánh không sanh, không diệt, lại bị sanh diệt. Ví như vàng mặt trăng ở trên trời, nước trong thì bóng mặt trăng hiện, nước đục thì bóng mất. Thế nên, Phật thật thường trú, chưa từng diệt độ, đặc biệt là chúng ta, một hạng phàm phu sống trong đời ác trược, xướng nói rằng nhập diệt, khiến sanh tâm buồn rầu luyến tiếc. Lại nữa đem tâm đại bi vô tận, cứu giúp chúng sanh vô biên, cho nên tuy thị hiện nhập diệt, nhưng lưu lại lời Di Giáo, tiếp dẫn đoàn hậu côn. Chữ **Di** là để lại, lưu lại, chữ **Giáo** là giáo huấn, chỉ dạy. Cũng như sách Nho đã nói ‘cố mạng’ cũng như người đời nói ‘lời di chúc,’ y theo đó mà hành, ấy thành pháp tử, không y theo đó làm trở thành người đại

ngịch tử, bất hiếu. Chữ **Kinh** là huân pháp, huân thường, đủ như chỗ khác giảng rộng.

CŨNG GỌI LÀ KINH

PHẬT THÙY NIẾT BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI

Chữ **thùy** là lúc gần nhập nhưng chưa nhập. **Niết bàn** là lìa lỗi dứt quấy, có nghĩa không sanh không diệt. Có bốn thứ niết bàn:

- 1. Tự tánh thanh tịnh niết bàn.** Tức là mọi sự vật xưa nay tướng thường tịch diệt. Phật cùng chúng sanh bình đẳng không hai, không tăng không giảm. Thế thì không luận ra vào.
- 2. Hữu dư y niết bàn.** Nghĩa là hàng ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) đã đoạn kiến hoặc tư hoặc, đoạn hạt giống ràng buộc, nhưng chỗ nương quả

ràng buộc, thân tâm còn tồn tại. Đây là đứng về lúc chúng quả vào.

3. Vô dư y niết bàn. Nghĩa là hàng ba thừa thân lạnh trí nguội, lại trở về bản thể không danh không vật. Nay chính đứng về luận này gần vào vậy.

4. Vô trụ niết bàn. Nghĩa là các đức Phật, chư Bồ Tát, vì có đủ trí tuệ, nên không trụ sanh tử, vì có đủ lòng từ bi, nên không trụ niết bàn. Không trụ sanh tử, nên hay không diệt mà thị hiện diệt; không trụ niết bàn, nên không sanh mà thị hiện sanh. Đức Phật đã chứng vô trụ xứ niết bàn này từ lâu, nay vì có duyên độ tận chúng sanh, cho nên thị hiện để vào vô dư niết bàn, thật không đồng cái diệt hằng diệt của nhị thừa.

Lại nữa, niết bàn có ba ý nghĩa:

1. **Tánh tịnh niết bàn** tức là lý thể pháp thân, thể thì không vào không ra.
2. **Viên tịnh niết bàn** tức là bát nhã, đoạn mê lầm rốt ráo, minh hợp tánh chơn. Thể thì một khi vào hằng vào.
3. **Phương tiện tịnh niết bàn** tức là giải thoát, phương tiện thị hiện, khởi các ứng hóa. Thể thì vài lần ra vài lần vào.

Nếu đem ba nghĩa đối với bốn thứ trên. Tánh tịnh tức là tự tánh thanh tịnh niết bàn, cũng tức là thể vô trụ niết bàn. Phương tiện tịnh, tức là dụng vô trụ niết bàn, ngoài ra còn có hữu dư y, vô dư y; nếu ở trong phần nhị thừa thì nhiếp thuộc viên tịnh, dùng phần ít viên tịnh, chỉ rõ thiên chơn, chưa rõ trung đế, tục đế, chỉ tịnh kiến hoặc, tư hoặc và phần đoạn, chưa tịnh trần sa hoặc, vô minh hoặc và biến

dịch. Nếu ở trong như lai phần thì nhiếp thuộc phương tiện tịnh. Khi mới thành đạo thị hiện đồng với hữu dư y của nhị thừa. Nay khi diệt độ thị hiện đồng với vô dư y của nhị thừa.

Lược nói là thế nào? Là đối với lúc bình nhứt nói rộng. Đây chỉ là đơn lược. Lại nữa đối với hạng đại căn cơ đã thấy giải trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, còn đây chỉ giản lược mà thôi.

2. LƯỢC NÓI NGƯỜI DỊCH KINH

Đời Giao Tần, Tam Tạng Pháp sư tên là Cưu Ma La Thập dịch.

Vua Giao Hưng kiến thiết quốc gia, cũng xưng là Tần, cho nên gọi là Giao Tần. Tam Tạng là sao? Là tạng Kinh, tạng Luật và tạng Luận. Kinh bao trùm nhứt tâm. Luật

là quy chế ba nghiệp. Luận là khai huệ biện tài. Dùng ba học này tự làm khuôn phép cho mình mà cũng làm khuôn phép cho người, nên gọi là Pháp sư. Cưu Ma La Thập, dịch nghĩa là Đồng Thọ. Tuổi còn trẻ mà có đức lớn. Phiên tiếng Phạn thành tiếng Hoa, gọi đó là dịch.

Vào chánh văn chia làm ba:

I. Nói về phần tựa.

II. Nói về phần chánh tôn.

III. Nói về phần lưu thông.

I. PHẦN TỰA

Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu tiên chuyển bánh xe pháp độ cho ông A Nhã Kiều Trần Như. Sau chót nói pháp độ cho ông Tu Bạt Đà La, những người có duyên được độ, Ngài đã độ xong; đến

dưới hai cây Sa La, chuẩn bị vào niết bàn, lúc ấy nửa đêm, vắng lặng không tiếng động, vì các đệ tử, lược nói pháp cốt yếu.

Thích Ca dịch là Năng Nhơn, là họ của Phật. Mâu Ni dịch là Tịch Mặc, là tên của Phật. Đứng về họ thì sự tướng có khác, nên trong Luận xung là biệt tướng. Đứng về tên, thì các đức Phật lý đồng, nên trong Luận xung là Tổng Tướng. Lại nữa chữ Năng Nhơn thì đủ tâm từ bi, không trụ vô vi. Tướng này cùng nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) hoàn toàn khác. Tịch Mặc thì đủ tâm đại trí tuệ, không trụ hữu vi. Tướng này cùng với nhị thừa lược đồng. Đây đủ hai tướng tổng và biệt này, gọi đó là Phật. Nghĩa như trước đã giải. Luận xét câu này là pháp sư thành tựu công đức rốt ráo.

Đức Phật thành đạo rồi, nói pháp bốn mươi chín năm (49) độ người vô lượng vô số, nay nói trước sau để bao trùm thí chung. Ở tại vườn Lộc Giả, ba lần chuyển bánh xe pháp bốn đế, độ cho năm anh em ông Kiều Trần Như đầu tiên. Cho đến tên hội niết bàn, ông Tu Bạt Đà La là người được độ sau cùng.

Nói câu chuyện pháp luân là sao? Đức Phật đem tứ diệu đế đã tỏ ngộ trong tâm mình, đưa vào tâm của tất cả chúng sanh, gọi đó là **chuyển**. **Pháp** này hay trừ phiền não nghiệp khổ ba chương của chúng sanh, gọi đó là **luân**. Ngài Trần Như nghe pháp này, thấy được lý bốn đế, ra khỏi biển sanh tử, gọi đó là độ. Tiếng Phạn gọi là A Nhã, dịch nghĩa là giải, cũng gọi là vô tri.

Giải là thế nào? Rõ ràng thấy lý bốn chơn đế. Vô tri là sao? Căn bản trí⁷⁵, chứng ngộ chơn lý, không còn năng, sở. Kiêu Trần Như dịch là Hỏa Khí là họ của Tôn Giả. Tu Bạt Đà La dịch là Hảo Hiền, hoặc phiên dịch là Thiện Hiền, ông vốn ngoại đạo, ở tại thành Câu Thi Na, sống tới một trăm hai mươi tuổi (120t), nghe Phật gần nhập niết bàn, mới đến chỗ Phật, nghe pháp bát chánh đạo, chứng được sơ quả. Nhơn đó ngài liền xuất gia, tiếp tục nghe pháp Tứ Diệu Đế thành bực A La Hớn⁷⁶.

Trong chánh văn có hai câu: Đầu tiên chuyển bánh xe pháp và cuối cùng thuyết pháp. Luận giải đó là khai triển pháp môn, thành tựu công đức rất ráo. Hai câu: Độ A

⁷⁵ **Căn bản trí:** Cái trí cội rễ, lại cũng gọi là vô phân biệt trí, như lý trí. Cái trí tự nhiên như hư không, không nương theo tâm thức, không dựa với ngoại cảnh, hiểu ra rằng, tất cả đều tức là chơn như.

⁷⁶ **Bực A La Hớn:** Arhat: Quả thánh thứ tư. Ai chứng đến quả này. A La Hớn có ba nghĩa: Ứng cúng, sát tặc và vô sanh.

Nhã Kiều Trần Như và độ Tu Bạt Đà La, luận giải gọi là đệ tử thành tựu công đức rất ráo. Những người có duyên được độ, Ngài đã độ xong, nói rõ trí Phật soi xét căn cơ, hằng không quên mất, những chúng được lợi ích, số nhiều tính chẳng cùng tận. Luận nói là đại tổng tướng thành tựu công đức rất ráo vậy. Sa la dịch là kiên cố. Song thọ là thế nào? Cây này có bốn phương, mỗi phương có hai nhánh, mỗi một nhánh tươi và mỗi một nhánh khô, nhánh trên hợp nhau, gốc dưới liền nhau, để tiêu biểu cho bốn đức⁷⁷, phá trừ tám điên đảo⁷⁸, hoặc chỉ thấy một cặp, tức là tiêu biểu phá

⁷⁷ **Bốn đức:** Bốn đức siêu việt là đức chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, và chơn tịnh.

⁷⁸ **Tám điện đảo:** Bốn điện đảo của phàm phu và bốn điện đảo của nhị thừa. Điện đảo của phàm phu:

1. Thường điên đảo: Các pháp trong thế gian đều là vô thường, mà họ cho là thường. **2. Lạc điên đảo:** Ở trong thế gian đều chịu các mối khổ, thế mà họ cho là lạc (vui). **3. Ngã điên đảo:** Ở trong thế gian, vốn không có cái ngã, cái ta, cái bản thể chủ thể, thế mà họ chấp là ngã. **4. Tịnh điên đảo:** Các pháp trong thế gian đều là bất tịnh, thế mà họ cho là tịnh. Điện đảo của nhị thừa: **5. Vô thường điên đảo:** Đối với niết bàn là thường, thế mà họ kể cho là vô thường. **6. Vô lạc điên đảo:** Đối với niết bàn là lạc (vui), thế mà họ kể là vô lạc, khổ não. **7. Vô ngã điên đảo:** Đối với niết bàn là ngã (chơn ngã, chơn như, Phật tánh), thế mà họ kể là vô ngã. **8. Vô tịnh điên đảo:** Đối với niết bàn là thanh tịnh, thế mà họ cứ kể cho là vô tịnh, uế trược.

trừ đoạn kiến⁷⁹, thường kiến⁸⁰, theo đại cơ, tiểu cơ khác nhau, cho nên thấy khác mà thôi. Nửa đêm tức là tiêu biểu cho lý trung đạo. Đại thừa dùng chẳng phải tươi, chẳng phải khô làm trung đạo. Tiểu thừa dùng lìa đoạn lìa thường làm trung đạo. Vắng lặng là sao? Là tâm hành xứ diệt. Không tiếng động là thế nào? Là nói năng đạo dứt. Luận giải gọi bốn câu này là tự tướng như quả, thành tự công đức rất ráo. Nói giữa hai cây là như tự tướng. Gắn vào niết bàn là tự tướng như cùng quả. Lúc ấy nửa đêm là tự tướng chung. Vắng lặng không tiếng động là tự tướng quả. Các đệ tử là thế nào? Là bậc thượng thủ bà con, như vị sai khác. Pháp cốt yếu là pháp gì?

⁷⁹ **Đoạn kiến:** Ý kiến cho là dứt tuyệt. Ý kiến của kẻ chấp không, chấp vô thường. Ý kiến của kẻ cho rằng thân tâm con người ta, qua một đời này thì dứt hết, chẳng có chi là tội, phước, luân hồi, trái với

⁸⁰ **Thường kiến:** Ý kiến cho rằng thân tâm là thường trú chẳng diệt. Cả hai ý kiến ấy, đều là biên kiến; Một bên cho rằng chết rồi mất hẳn. Một bên cho rằng chết rồi còn mãi mãi.

Tức là pháp vị sai khác của thế gian và xuất thế gian. Luận giải những câu này để phân biệt tông tướng thành tựu công đức rất ráo. Luận về gần nhập niết bàn thì không có cơ hội gặp lại nữa, đã đến giữa đêm là thời gian không nhiều, nên phải lược nói những điều cốt yếu. Lời tối hậu cảnh tỉnh sách tấn, chơn thật không thừa một chữ một ý. Phật tử phải khắc trong xương ghi vào lòng...

II. PHẦN CHÁNH TÔN

Phần này chia làm hai phần:

- A. Chỉ rõ pháp cốt yếu chung của thế gian.**
- B. Chỉ rõ pháp cốt yếu riêng của thế gian.**

Trong phần A chỉ rõ pháp cốt yếu chung của thế gian lại chia ra làm ba phần.

1. *Pháp cốt yếu đối trị tà nghiệp.*
2. *Pháp cốt yếu đối trị dưng khổ.*
3. *Pháp cốt yếu đối trị diệt phiền não.*

Phần 1) *Pháp cốt yếu đối trị tà nghiệp* lại chia ra làm bốn:

- a. *Nói rõ giới căn bản thanh tịnh.*
- b. *Chỉ rõ phương tiện xa lìa giới thanh tịnh.*
- c. *Nói rõ giới hay sanh các công đức.*
- d. *Khuyến thật hành giới có nhiều lợi ích.*

Giờ đây nói về phần thứ nhất:

- a. *Chỉ rõ giới căn bản thanh tịnh.*

Tỳ kheo các ông! Sau khi ta diệt độ, các ông phải tôn trọng giới luật, có giới luật cũng như tôi gặp sáng, như người nghèo đặng của báu, phải biết giới luật là đại sư của các ông, giống như ta còn ở đời, không khác gì cả.

Tỳ kheo, Trung Hoa dịch là trừ đôi, tức xung ruộng phước vậy. Lại có đủ ba nghĩa. **Một** là bố ma, **hai** là khát sĩ và **ba** là phá ác. Song lời dạy của Phật, giáo huấn chung tất cả bốn chúng đệ tử, mà trong kinh mỗi chỗ, riêng nói tỳ kheo, cũng có ba nghĩa: **Một** chỉ xa lìa tướng vậy; **hai** là chỉ con đường phương tiện của đại thừa, cùng chung với nhị thừa; **ba** là vị đứng đầu trong bốn chúng. Nói vị đứng đầu tức là bao trùm bốn chúng, cũng đều đồng hạnh xa lìa vậy.

Nói sau khi diệt độ là sao? Tức là thị hiện nghĩa để lời dạy. Ba la đề mộc xoa, Trung Hoa dịch là bảo giải thoát, cũng phiên dịch là biệt biệt giải thoát, cũng nói rằng xú xú giải thoát. Đây tức là pháp diệt không cùng tận, y theo pháp thân này, vượt qua hai thứ chướng ngại, đặng độ ám chướng phiền não, nên nói như tối gặp sáng, đặng độ không, không chướng ngại căn lành, nên nói như người nghèo đặng của báu. Khi Phật còn tại thế, tôn Phật làm thầy. Phật diệt độ về sau dùng giới làm thầy. Không thể trì giới, thì đồng một nhà như cách muôn dặm; nếu hay trì giới thì trăm đời nào khác gì đồng thời. Miệng vàng lời thành thật như thế, vì sao bỏ đây tìm cầu gì khác!

b. Chỉ rõ phương tiện xa lìa giới thanh tịnh

Người giữ giới thanh tịnh, không được buôn bán đổi chác, an để ruộng nhà nuôi dưỡng nhơn dân, tôi tứ súc sanh, tất cả các thứ trồng tĩa và các cửa báu, đều phải xa lìa như tránh hầm lửa. Không được đốn chặt cây cỏ, khẩn đất đào vườn, hòa hợp thuốc thang, xem tướng tốt xấu, ngửa xem tinh tú, xét bước nên hay hư, trải số tính kể, đều không nên làm. Tiết độ thân khi ăn uống, thanh tịnh tự sống; không được tham dự các việc đời, thông đi sứ mạng, chú thuật thuốc tiên, kết bạn với các nhà hảo quý, thân cận với kẻ điệp mạn⁸¹ đều không nên làm, phải

⁸¹ **Điệp mạn**: Người ăn chơi, chung diện hào nhoáng bên ngoài, khêu gợi.

chính mình đoan trang, chánh niệm cầu độ, không được bao chứa vít rạn, đưa ra các việc lạ đời để mê làm dân chúng, đối với bốn thứ cúng dường, biết lượng biết đủ, tạm đủ các đồ dùng, không nên dồn chứa.

Trong đây có hai đoạn văn chính. Từ đầu đến khấn thổ đào vườn là hộ giới khiến không đồng tăng thêm lỗi của phạm phu. Từ câu chiêm tướng cho đến câu không nên dồn chứa là hộ giới khiến không đồng ngoại đạo tôn trí. Trong phần đầu gồm có mười một (11) việc:

1. Không được đi buôn là tăng thêm lỗi phương tiện cầu lợi.
2. Không được bán, sợ tăng thêm lỗi hiện tiền cầu lợi.

3. Không được đổi chác, sợ tăng thêm lỗi giao dịch cầu lợi; nếu y theo giá đời, không cầu lợi tâm, không phạm pháp thức buôn bán, như trong đại luật có nói rộng.
4. Không được an đê ruộng vườn, là nơi làm tăng thêm lỗi, chỗ nơi rộng rãi cầu nhiều sự an ổn.
5. Không được chứa nuôi nhơn dân, sợ tăng thêm lỗi bà con. Đây chỉ ngoài bà con, người không đồng ý.
6. Không được nuôi tôi tớ, sợ thêm lỗi khó sanh tâm ty hạ. Khi hướng về các người này dễ sanh tâm ngã mạn.
7. Không được nuôi súc sanh, sợ thêm lỗi dưỡng sanh cầu lợi.

8. Không được trồng tía, sợ tăng thêm lỗi là nhiều công việc.
9. Không được chứa các cửa báu, sợ tăng thêm lỗi dòn chứa.
10. Đều phải xa lìa như tránh hầm lửa, sợ tăng thêm lỗi bất giác.
11. Không được đốn chặt cỏ cây, khăn đất đào vườn, ấy là không thuận oai nghi và thêm lỗi tổn hại chúng sanh.

Mười một thứ này là các việc tăng thêm lỗi lầm. Tu hạnh Bồ Tát phải mau xa lìa, không nên gần gũi. Hoặc có chỗ nào vì đại chúng khai cho, đủ như trong đại luật đã nói, cần phải tinh tường xét lại.

Trong chánh văn thứ hai, trước ngăn chung năm việc, sau chỉ rõ ba chỗ về giới luật. Trước năm việc là gì? **Một** là không được

hòa hợp thuốc thang; **hai** là xem tướng tốt xấu; **ba** là ngửa xem tinh tú; **bốn** là xét bước nên hay hư; **năm** là trái số tính kể. Các việc trên đều thuộc về tà tâm cầu lợi; không thông được nhân duyên chánh pháp nên bị ngăn cấm.

Kế đó là thân ở nơi giới luật có năm câu: **Một** là thân tiết độ, đối trị người khác cầu buông lung chướng ngại; **hai** là khi ăn uống đối trị nội chướng, giúp không nhàm đủ; **ba** là thanh tịnh tự sống đối trị chướng ngại cộng tướng tìm cầu; **bốn** là không được tham dự việc đời là tánh mình ngăn chặn việc đời; **năm** là không được đi sứ mạng, là tôn trọng tánh mình, không làm các việc khinh tiện.

Tiếp đó là miệng ở nơi giới luật, có hai thứ tà ngữ không nên tạo tác: **Một** là nương theo

lời nói tà pháp, nghĩa là lời nói tà thuật, não hại chúng sanh và y theo tà nghiệp, tạo tác những lời bất chánh, biện luận trong thế gian, tức là chú thuật thuốc tiên vậy. **Hai** là y theo lời nói của người tà, nghĩa là cùng tộc họ đồng nói không chân chính, dùng những lời thô bỉ, và thân cận họ hàng, nói lời ngã mạn, tức là kết bạn với người hào quý, gần gũi với kẻ điệp mạn.

Sau cùng ý ở nơi giới luật có sáu câu: **Một** là phải tự tâm đoan chánh, đối trị chướng thấy nhiều lỗi kẻ khác, không phạm tâm tự tịnh. **Hai** là chánh niệm cầu độ, đối trị chướng tà tư duy, hay tự độ kẻ thấp thỏi. **Ba** là không nên bao chứa vít rạn, không làm như tịnh giới, không thọ trì tâm như. **Bốn** là không được bày việc lạ đời, mê hoặc đại chúng, xa lìa các việc vô duyên, nêu rõ

thắng hạnh của mình, khiến người khác không hiểu chơn chánh. **Năm** là đối với bốn cách cúng dàng biết lượng, biết đủ, đối trị chướng ngại với sự thọ dụng trong các đồ dùng không hạn cuộc, không hàm đủ, nếu vào phần chánh định thì biết lượng, nếu vào phần đạo thì biết đủ. Bốn đồ cúng dường là gì? Thức ăn uống, y phục, ngoạ cụ, thuốc thang. **Sáu** (đường) đặng đồ cúng dường không nên dòn chứa, xa lìa ham muốn, tâm chứa đựng các dụng cụ. Từ trên phương tiện xa lìa lỗi của phàm phu và ngoại đạo, thì khiến giới thân được thanh tịnh để tiếp nối pháp thân thanh tịnh của Như Lai.

c. Nói rõ giới hay sanh các công đức.

Đây lược nói tướng trì giới. Giới là cội gốc chánh thuận giải thoát, nên gọi là ba la đề mộc xoa (giới pháp). Nhờ y theo giới này

được sanh các thiên định và diệt khổ sanh trí tuệ.

Giới thể duy nhất, ấy gọi là vô tác. Giới tướng rất nhiều. Ấy là năm thiên⁸², bảy tụ⁸³. Nay đem việc hằng dùng, rất là dễ phạm mà nói, nên gọi là nói lược. Chánh giới hay độ thân, miệng, ý qua khỏi bờ ác, thành tựu ba nghiệp giải thoát. Thế nên người tu hành, nếu muốn chánh thuận giải thoát, phải dùng giới này làm gốc, nhờ giới sanh định, nhờ định phát huệ, định huệ đều từ giới mà sanh.

d. Khuyên thật hành giới có nhiều lợi ích.

Vì thế cho nên, tỳ kheo phải trì tịnh giới, chớ để kém khuyết; nếu người hay trì tịnh giới, thì hay có pháp lành. Nếu không

⁸² Năm thiên: Theo trong luật có: 1. Ba la di. 2. Tăng già bà thi sa. 3. Ni tát kỳ ba dật đề. 4. Ba la đề đề xá ni. 5. Đột kiết la, gọi là năm thiên.

⁸³ Bảy tụ: Trong Luật nói: Năm thiên thêm hai pháp nữa: Bảy diệt tránh và hai bất định, gọi là bảy tụ.

tịnh giới, các công đức lành đều không thể sanh.

Thế nên phải biết, giới là số một, là trụ xứ công đức yên ổn.

Trong đây gồm có năm điều khuyên:

1. Phải trì tịnh giới là khuyên không mất tự thể.
2. Chớ cho kém khuyết là khuyên không nên bỏ phương tiện.
3. Hay có pháp lành là khuyên thường nhóm các công đức.
4. Nếu không tịnh giới v.v... là khuyên biết nhiều lỗi xấu.
5. Trụ xứ công đức yên ổn là khuyên trụ xứ yên ổn, chớ nên trụ chỗ không yên ổn.

Phần đầu pháp yếu đối trị tà nghiệp xong rồi.

2. Pháp cốt yếu đối trị dưng khổ.

Phần này lại chia làm ba:

- a. Đối trị khổ căn dục buồng lung.***
- b. Đối trị khổ ăn nhiều.***
- c. Đối trị khổ biếng nhác ngủ nghỉ.***

Trong phần ***a) đối trị khổ căn dục buồng lung*** lại chia làm hai:

- 1. Đối trị khổ về căn buồng lung***
- 2. Đối trị khổ về dục buồng lung.***

- 1. Phần đối trị khổ căn buồng lung:***

Tỳ kheo các thầy! Đã hay giữ giới phải chế ngự năm căn, chớ cho buồng lung chạy vào năm dục. Ví như những người chặn trâu, cầm gậy trông chừng chúng,

không cho buông lung phạm đến lúa mạ của người. Nếu năm căn buông lung, chẳng những bị năm dục lôi cuốn, mà là hại không bờ bến, không thể chế ngự, cũng như con ngựa dữ, không cầm cương chế ngự, nó sẽ đưa người sa nơi hầm hố. Như bị cướp giật, khổ chỉ một đời; họa hại của năm căn, tai ương đến nhiều kiếp, bị hại rất nặng, không thể không cẩn thận. Thế nên người trí chế ngự mà không chạy theo, giữ chúng như ngựa giật, không cho buông lung, giả sử cho chúng buông lung, không bao lâu sẽ bị tàn diệt.

Đã hay giữ giới, chỉ hai thứ căn bản và phương tiện trước mà nói. Sau đó chính nói rõ pháp cốt yếu hộ căn. Gồm có ba thí dụ: Đầu tiên phải chế ngự năm căn là dụ chặn

trâu, trước nói pháp, sau nói dụ. Năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Trâu là dụ cho năm căn. Người chăn là dụ thầy tỳ kheo. Cầm gậy là dụ cho nghĩ đến giới. Lúa mạ là dụ cho các công đức lành, tức là các pháp giới định... Kế đó, nếu bụng lung năm căn là dụ cho con ngựa dữ, cũng trước nói về pháp, sau nói dụ. Con ngựa dữ cũng dụ cho năm căn. Cầm cương chế ngự cũng dụ cho nghĩ đến giới. Hàm hổ dụ cho ba đường ác. Bởi vì bụng lung năm căn, chẳng những gây chướng ngại việc lành, lại chắc chắn sa vào đường ác. Thế nên nói: Chỉ có ngũ dục là sai trái khiến phải trôi dạt linh đình không bờ mé.

Sau cùng nói như bị cướp giật là dụ cho giật cướp, trước nói dụ, sau nói pháp. Hại

đến nhiều đời, họa kia còn lớn hơn cướp giặc. Thảng như không chế mà cũng không tùy, há được gọi là người trí ư? Lại, giả như bông lung, không bao lâu tàn hoại, cũng như chút mật dính trên lưỡi dao bén, không đủ một bữa ăn, đưa con nít liếm đó, lo nạn bị cắt lưỡi mà thôi.

2. *Đối trị khô đục bông lung:*

Năm căn nói trên do tâm làm chủ. Thế nên các người phải cố gắng chế ngự vọng tâm. Đáng sợ nơi tâm hơn là rắn độc, thú dữ, oán giặc, lửa dữ vượt khỏi, chưa đủ làm thí dụ. Ví như có người, tay bưng bát mật, động chuyển vội vàng, chỉ nhìn nơi mật, không thấy hàm sâu. Thí như con voi cuồng không móc sắt; con vượn, con khỉ nắm được nhánh cây, nhảy nhót, nhào lộn khó mà cầm nắm, phải gấp rút

giải tỏa, chớ cho chúng buông lung. Vọng tâm này thả lỏng, mất việc lành của người. Ngăn vọng tâm vào một chỗ, không việc gì chẳng làm xong. Thế nên thầy tỳ kheo, phải siêng tinh tấn, chiết phục vọng tâm các thầy.

Năm căn là sắc pháp, ngoan độn vô tri, y theo vọng tâm mà chuyển, cho nên đều dùng tâm làm chủ. Do đó muốn chế năm căn, không gì bằng chế vọng tâm. Nói cố gắng chế tâm là thế nào? Phải biết tâm này có ba thứ tướng chánh định, có ba thứ chương ngại pháp: **Một** là chương tâm tánh sai khác, hay chương chánh định không hai niệm. **Hai** là chương khinh động không điều hòa, hay chương chánh định điều nhu không động. **Ba** là chương ngại mất các công đức, hay chương chánh định khởi nhiều công đức.

Trong chánh văn: Đáng sợ nơi tâm v.v...
Trước nói rõ chướng ngại tâm tánh sai biệt;
tham phần phiền não hút nút căn lành, quá
hơn rắn độc; sân phần phiền não nuốt hại
căn lành, quá hơn thú dữ, si phần phiền não,
tôn diệt căn lành, quá hơn oán tặc; đăng
phần phiền não, thiêu đốt căn lành, quá hơn
lửa dữ tràn lan, cho nên nói chưa đủ làm thí
dụ vậy.

Kế đó, thí như có người, chỉ rõ chướng
khinh động không điều hòa. Bát mật thí dụ
năm căn thọ lạc năm trần. Động chuyển
khinh tháo dụ cho chuyển thức theo dõi các
căn, mỗi niệm không nhất định, chỉ xem nơi
bát mật, dụ sáu thức chỉ duyên sáu trần hiện
đời; không thấy hàm sâu, dụ cho không biết
chướng ngại vị lai.

Chướng ngại có hai thứ: **Một** là chỗ sanh không ngại. **Hai** là chướng ngại khi thật hành tất cả hạnh, khôn khổ không thể thành tựu. Voi cuồng không móc sắt, dụ cho tâm không chánh định kèm chế. Con vượn, con khỉ nắm được nhánh cây, dụ cho tâm duyên sáu trần cảnh sanh nhiễm ô, nên phải gấp rút giải tỏa, khiến vào chánh định điều nhu không động. Kế đó vọng tâm này thả lỏng, mất việc lành của người, chỉ rõ chướng ngại mất các công đức. Câu ngăn vọng tâm vào một chỗ chỉ tướng chánh định không có hai vọng niệm. Câu không việc gì chẳng làm xong, chỉ tướng chánh định khởi nhiều công đức. Câu tinh tấn, chiết phục vọng tâm các thầy... chỉ tướng chánh định điều nhu không động.

b. *Đối trị khổ ăn nhiều*

Tỳ kheo các thầy, thọ lãnh các đồ ăn uống, giống như uống thuốc, đối với đồ ăn ngon, dở, chớ sanh lòng tăng giảm, chỉ nhằm trừ đói khát nơi cơ thể. Cũng như ong hút mật trong hoa, chỉ lấy mùi vị của nó, không tổn sắc hương. Tỳ kheo cũng như thế, thọ lãnh đồ cúng dường của người để trừ đói nảo, không nên cầu nhiều, phá hoại tâm lành của người. Ví như người có trí, so lường sức trâu, kham chở nhiều hay ít, không nên quá phần, hết sức của chúng.

Ăn nhiều làm chướng ngại chánh định, nên đem năm phép quán đối trị: **Một**, phải như uống thuốc là quán đối trị thọ dụng. **Hai**, chớ sanh lòng tăng giảm là quán ngon dở bình đẳng. **Ba**, chi độ thân để trừ đói khát là quán đối trị cứu cánh. **Bốn**, như ong hút nhị

hoa v.v... trước dụ sau nói pháp là quán tự tha không tổn giảm. **Năm**, thí như người trí đo lường sức trâu v.v... là quán biết lượng biết thời.

Thuốc để trị lành bệnh, ăn để trị hết đói, nếu để hết đói thì thôi, cần gì phải cho ngon để bị lòng tham tăng trưởng, đối với đồ ăn dờ liền sanh lòng giận buồn khổ. Ông dụ cho thầy tỳ kheo, hoa dụ đồ cúng dường, mùi vị dụ mượn con đường này tu hành làm đạo trừ phiền não, sắc hương dụ cho tâm lành của mình và người, tham ăn cầu nhiều, đã tổn chánh định của mình cũng tổn tâm lành của người đàn việt. Trâu hay chở nặng, song sự chở quá phần, sức kia tiêu mòn, dụ cho thầy tỳ kheo tuy làm ruộng phước cho người đời, song tham thọ đồ cúng quá nhiều thì đạo kia tự thảm bại.

c. Đối trị khổ biếng nhác ngủ nghỉ

Tỳ kheo các thầy, ngày thì chuyên tâm tu tập pháp lành, chớ để mất thời giờ. Đầu hôm gà gáy, cũng chớ bỏ, nửa đêm tụng kinh để tự tiêu nghiệp, chớ dùng nhưn duyên ngủ nghỉ, khiến một đời luống qua không được gì cả; phải nghĩ lửa vô thường đốt các vật thế gian, sớm cầu tự độ, chớ ngủ nghỉ nhiều, các giấc phiền não, thường rình giết người, độc hơn oán gia, đâu nên ngủ nghỉ nhiều, không tự thức tỉnh, phiền não rần độc, ngủ trong tâm các thầy.

Ví như rần đen ngủ trong nhà các thầy, thường dùng móc trì giới, sớm hàng phục nó, con rần ngủ đã ra, mình mới tự an ngủ, nó chưa ra mà ngủ là người không biết hổ thẹn, lòng mang pháp hổ thẹn, đối

với các đồ trang nghiêm, nó là số một. Hồ thẹn như móc sắt, hay chế ngự việc phi pháp cho người, thế nên thường phải hồ thẹn; không được tạm thế, nếu xa lìa tâm hồ thẹn thì mất hết các công đức lành. Những người có thẹn thì có pháp lành, nếu người không thẹn cùng các loài cầm thú đâu có khác gì!

Vọng tâm biếng nhác, nên gọi là giải đãi, thân thể nặng nề, nên nói là ngủ nghỉ. Hai trạng thái này chung thành một sự khổ, chướng ngại cho định huệ, khiến không sanh khởi. Song ngủ nghỉ này, từ ba việc phát khởi: **Một** là từ sự ăn uống phát khởi. **Hai** là từ thời tiết phát khởi. **Ba** là từ vọng tâm phát khởi.

Trong kinh nói siêng tu pháp lành, không khi nào cho quên mất là đối trị từ ăn uống

phát khởi ngũ ngũ. Đầu hôm gà gáy cũng chớ bỏ bê v.v... là đối trị theo thời gian phát khởi ngũ ngũ. Phải nghĩ lửa vô thường về sau đều đối trị từ vọng tâm phát khởi ngũ ngũ. Lại có hai ý: **Ban đầu** từ phải nghĩ cơn vô thường cho đến không tự thức tỉnh là quán sát đối trị. **Hai** là từ phiền não rần động cho đến không tương gì khác là đối trị tịnh giới.

Đầu tiên quán sát trong đối trị vô thường có hai: **Một** là thời kỳ sanh diệt là thô. **Hai** là mỗi niệm sanh diệt là tế.

Thế gian cũng có hai: **Một** là y báo ba cõi là khí thế gian. **Hai** là chánh báo sáu đường là chúng sanh thế gian, y chánh đều về chỗ hoại diệt, không thể nào đình lưu, nên nói như lửa đốt. Và lại ái, kiến, hai thứ phiền

não, đứng về ba cõi chín địa⁸⁴ thì kiến có tám mươi tám (88) sử, ái có tám mươi một (81) phẩm, đều đủ làm thương hại pháp thân, lu mờ huệ mạng, nên xem hơn là oán gia. Quán sát như thế tinh ngộ, gọi là đối trị quán sát. Kế đó trong phần đối trị tịnh giới, nghĩa là phiền não mặc dù khi không hiện hành, cũng chưa từng không mien phục trong tâm tạng thức của ông, nhưng phiền não này độc hại đáng sợ, cũng như con rắn đen, không khởi thì thôi, nó khởi thì chắc chắn giết pháp thân huệ mạng của người, mình không có móc trì giới thì đâu hay diệt trừ.

Nói móc trì giới là gì? Giới pháp hay ngăn ngừa thân, miệng, định cùng giới, hay chiết phục tâm mê lầm; đạo cùng giới, hay đoạn

⁸⁴ Chín địa: Phần chú giải ở Kinh Bốn Mươi Hai Chương, số 46 đã giải chín cõi chúng sanh tức là chín địa.

vọng tâm mê lầm, đủ ba giới này, hằng diệt hạt giống phiền não trong ruộng vọng tâm tám thức⁸⁵, gọi đó là con rắn ngủ đã ra, từ đây chỗ làm đã xong, không thọ thân hậu hữu⁸⁶, gọi đó là mới có thể an ngủ. Thế nên A La Hán đoạn vọng tâm ngủ rồi, không đoạn ăn uống khởi thời tiết, khởi ngủ nghỉ, vì ngủ nghỉ kia không bị che lấp.

Nay nếu hạt giống phiền não chưa đoạn mà bèn ăn ngủ thì không biết tôn trọng tánh linh của mình. Gọi đó là không hổ thẹn. Không biết sửa đổi lỗi ác của mình, gọi đó là không hổ thẹn. Lại nữa không hy vọng làm Hiền Thánh, gọi là không hổ, không thẹn với kẻ thấp hơn mình, gọi là không thẹn. Hổ thẹn hai thiện tâm sở, phát khởi chắc chắn đồng

⁸⁵ **Tám thức:** Tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, mạng na thức và a lại gia thức.

⁸⁶ **Thân hậu hữu:** Cái thân về sau. Cái quả báo vị lai, cái tâm thân về sau. Gọi là thân hậu hữu. Là cái thân sau khi chết lại đầu sanh ra vậy. Tức là đời sau của một người.

thời với người, do đó khác hơn các loài cầm thú, chính ở nơi đây, phải cố gắng tối đa.

Phần pháp yếu đối trị ngăn khổ đã xong.

3. Pháp yếu đối trị diệt phiền não.

Phần này lại chia làm ba:

a. Đối trị chương phiền não giận tức.

b. Đối trị chương phiền não cống cao.

c. Đối trị chương phiền não dua nịnh.

Nay nói phần a) ***Đối trị chương phiền não giận tức.***

Tỳ kheo các thầy, nếu có người đến chặt tay cắt chân, phải tự nhiếp tâm, chớ cho sự giận tức nổi lên, cũng phải giữ gìn cái miệng, chớ thốt ra lời nói ác. Nếu buông lung tâm giận tức thì tự hại đạo, mất công đức lợi ích, nhẫn nhục là đức trì giới khổ

hạnh không bì kịp. Người hay thật hành hạnh nhẫn nhục, mới đáng gọi là sức đại hơn. Nếu kia không thể hoan hỷ nhận chịu các độc mắng ác, như người uống nước cam lộ thì không gọi là người trí tuệ vào đạo. Lý do vì sao? Vì cái hại giận tức, phá hết các pháp lành, hoại diệt tiếng đồn tốt, đời nay đời sau, người không ưa thấy, phải biết lòng giận, mạnh hơn lửa dữ, thường phải đề phòng, chớ cho sức giận xâm vào; giặc cướp công đức, không gì giận hơn là giận tức. Những kẻ bạch y còn thọ ham muốn, không có pháp gì tự kèm chế, giận tức còn có thể dung thứ. Những vị xuất gia hành đạo không ham muốn, mà ôm lòng giận tức, thì không thể được. Ví như giữa đám mây trong, hùng hực

phát khởi lửa dữ, không phải là chỗ thích ứng vậy.

Trong chánh văn có sáu tiết mục:

1. Nếu có người đến chặt tay cắt chân là nói cảnh bị nhẫn, dùng nặng chỉ nhẹ, chặt cắt hãy còn nhẫn được, các cảnh nghịch khác đâu nên ôm lòng giận.
2. Phải tự nhiếp tâm v.v... Chánh chỉ tướng kham nhẫn, không cho giận hờn thì thân, ý thanh tịnh, chớ thốt ra lời nói ác thì khẩu nghiệp được thanh tịnh.
3. Nếu buông lòng giận tức v.v... chỉ có cái lỗi không nhẫn, tự hại đạo tâm, không thể tự lợi. Mất công đức lợi ích, không thể lợi tha. Lòng giận một khi nổi lên, hai cái lợi đều tan, rất rõ là không nên giận tức.

4. Nhân đó là đức v.v... sâu khen sức thù thắng, để khuyên tu hành. Bởi vì người trì giới chưa chắc hay nhân nhục. Kẻ nhân nhục quyết có trì giới. Do đó, trong sáu độ, trì giới ở vào hàng thứ hai, nhân nhục đứng vào thứ ba, dùng trước không gồm sau, sau chắc chắn có đủ cả trước. Dem tâm ta mà trì giới thì quả báo chỉ ở cõi người, cõi trời, dem vô ngã mà nhân nhục, liền thành con đường lớn xuất thế, phạm mà không hiệu nghiệm. Ví như biển rộng trời trong, tự do chim bay cá lội, nên nói có sức đại hơn.
5. Nếu kia không đủ khả năng v.v... lập lại chỉ rõ cái lỗi không nhân nhục, để răn nhắc người tu hành. Cam lộ là thuốc không chết, hơn kia ác khẩu, mắng nhiếc, hoàn thành sức nhân của ta, cũng

như bước lên núi vàng, thì vàng càng sáng, đá mài gươm tốt, thì gươm càng bén. Do đó, vua Ca Lợi và ông Điều Đạt, đều là chơn thiện tri thức của Phật Thích Ca, nếu mà nơi ác khẩu mắng nhiếc, chẳng xét tướng làm thành được cam lộ, không thể hoan hỷ nhẫn chịu, lại ngu si, vì chưa nghe đạo, huông chi một niệm lòng giận nổi lên, trăm muôn cửa nghiệp chướng mở tung, phá các pháp lành, đâu được lợi mình, phá hoại tiếng đồn tốt, đâu được lợi người, đời nay không có nhưn hai lợi, đời sau làm gì có quả hai lợi, ai sẽ ưa thấy người như vậy. Do đó muốn giữ pháp lành lợi mình, phải đề phòng lửa giận, muốn giữ công đức lợi người, phải đề phòng giặc giận tức.

6. Bạch y thọ dục v.v... Từ cõi người đến cõi trời lục dục, người chưa vào đạo, đều gọi là bạch y. Kia có hai lỗi: Một là thọ dục, dục cùng tướng giận làm tiêu biểu bên trong. Hai là không hành đạo không có pháp lành để chế ngự vọng tâm nên giận còn có thể tha thứ. Có chỗ nói, người thế tục tạo tội là phần bên trong của họ, chẳng hội đủ duyên để chê trách sâu nặng. Người xuất gia hành đạo không ham muốn, như mây trong lành, đâu nên dung chứa, ôm lòng giận tức như khởi ngọn lửa hừng hực ư!

b. Đối trị nghiệp chướng phiền não cống cao:

Tỳ kheo các thầy, phải tự xoa trên đầu đã bỏ đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, tay bưng bình bát, đi khát thực tự

**sống, tự thấy như vậy; nếu khởi tâm
kiêu mạn, phải mau diệt trừ, tăng
trưởng lòng kiêu mạn, còn không phải
là hàng bạch y thế tục nên làm, hướng
chỉ những người xuất gia nhập đạo, vì
con đường giải thoát tự hàng phục thân
mình mà đi khát thực.**

Chánh văn có chia hai tiết mục: Trước tỳ
kheo các thầy, chánh lập đối trị. Sau nói
tăng trưởng kiêu mạn... so lường không
nên. Trong phần đầu có năm câu đối trị.
Một, phải tự xoa đầu thì không có mũ nón
đội trên đầu. **Hai**, đã bỏ đồ trang sức tốt
đẹp thì không có kiếm mang đeo trong
mình. **Ba**, mặc y hoại sắc, thì không có
năm màu để thay đổi. **Bốn**, bưng bình bát
đi khát thực thì không có tôi tớ phục vụ.
Năm, đi khát thực tự sống, thì không có

kho tàng để chứa của cải, nên dùng trí tuệ thường tự quán sát, dù có khởi tâm kiêu mạn, liền phải mau chóng diệt trừ. Y hoại sắc là ba áo cà sa và tất cả, hạ y, tọa cụ v.v... đều dùng màu xanh, màu đen, màu mộc lan, ba thứ màu làm cho thành hoại sắc. Đồ ứng lượng tức là bình bát: thể, sắt, lượng, ba thứ đều phải đúng theo phép. Thể dùng hai vật là sắt và sành. Màu sắc thì dùng màu đà hay màu xám tro, lượng thì tùy theo bao tử của mỗi vị mà làm lớn hay nhỏ. Sau cùng chánh văn nói bạch y so lường. Bạch y còn không nên kiêu mạn⁸⁷, huống chi là người cầu giải thoát ư!

c. Đối trị nghiệp chướng phiền não dua nịnh:

⁸⁷ **Kiêu mạn:** Mano: Orgueil: Tự cao ngạo, xúc, khinh khi. Một mối phiền não, một điều thắt buộc con người vào vòng luân hồi khổ não.

Tỳ kheo các thầy! Cái tâm dua nịnh, cùng với đạo trái nhau, thế nên cần phải chất trực⁸⁸ tâm kia, phải biết dua nịnh chỉ là dối trá cho những người mới vào đạo, thì không nên làm. Thế nên các thầy, tâm phải đoan trang nghiêm chánh, dùng chất trực làm gốc.

Lời nói chạy theo mê vọng gọi là dua. Suy nghĩ theo cảnh tà vạy gọi là nịnh. Dua thì không thật, nịnh thì không thẳng, chỉ vì tự mình dối trá cuống hoặc người khác. Quyết không phải người tu hành nên có lời lẽ ấy. Tâm ngay thẳng là đạo tràng. Vì tâm cùng lời nói ngay thẳng, nên hằng không có các tướng ủy mị dua nịnh, không có chánhniệm chơn như sao được gọi là tâm đoan chánh ư!

⁸⁸ **Chất trực tâm:** Tâm ngay thẳng thành thật, tức là tâm Phật của mỗi người. Tâm chất trực là tâm chơn chất ngay thẳng.

Phần đầu **NÓI RÕ PHÁP CỐT YẾU CHUNG THẾ GIAN** đã xong.

Phần hai **CHỈ RÕ PHÁP CỐT YẾU KHÔNG CHUNG THẾ GIAN**, nghĩa là thành tựu công đức đại hơn xuất thế gian. Văn chia ra thành tám:

1. *Công đức không cầu.*
2. *Công đức biết đủ.*
3. *Công đức xa lìa.*
4. *Công đức không mỗi mệ.*
5. *Công đức không quên chánh niệm.*
6. *Công đức thiên định.*
7. *Công đức trí tuệ.*
8. *Công đức rốt ráo.*

Nay nói về phần *1. Công đức không cầu*:

Tỳ kheo các thầy, phải biết những người tham muốn nhiều, cầu lợi nhiều thì khổ não cũng nhiều. Những người ít ham muốn không cầu, không tham muốn thì không có lo nhiều, ngay thẳng ít ham muốn, còn phải tu tập, hướng chi ít ham muốn hay sanh các công đức. Những ai ít ham muốn thì không đua nịnh, tìm theo ý người cũng lại không bị các giác quan dắt dẫn. Người thật hành ít ham muốn, tâm trí thản nhiên, không có chi lo sợ, gặp việc có nhiều sáng kiến, luôn luôn đầy đủ. Người ít ham muốn thì có niết bàn. Ấy gọi là ít ham muốn.

Chánh văn có năm thứ tướng hiểu biết:

- **Một** là tướng ngăn sự hiểu biết, nghĩa là nhiều ham muốn là phiền não chướng. Cầu

nhiều là nghiệp chướng. Khổ não cũng nhiều là báo chướng.

- **Hai** là tướng đối trị hiểu biết, nghĩa là không cầu không ham muốn thì không có chi lo lắng.

- **Ba** là hiểu biết tướng như quả tập khởi, nghĩa là ít ham muốn không lo nhiều, mình nên tu tập, hay sanh các công đức, thành tựu vô lượng pháp thánh thiện.

- **Bốn** là hiểu biết tướng rất ráo, không các chướng ngại, nghĩa là không tìm ý người là không nghiệp chướng, không bị các căn dấy dẫn là không khổ chướng. Bởi vì con mắt dấy dẫn người chạy theo sắc, cho đến thân căn dấy dẫn người thọ lãnh cảm xúc, khiến người không được tự tại. Ấy là đại khổ.

- **Năm** là hiểu biết tướng quả thành tựu, nghĩa là tâm thì坦然 nhiên, nên pháp thân thành tựu; không chỗ lo sợ là bát nhã thành tựu, gặp việc có nhiều sáng kiến, luôn luôn đầy đủ là giải thoát thành tựu. Ba đức đầy đủ, gọi là đại niết bàn. Thế nên biết ít ham muốn là nhơn, niết bàn là quả.

2. Công đức biết đủ

Tỳ kheo các thầy, nếu muốn thoát khỏi các khổ não, phải quán sát biết đủ, pháp biết đủ, tức là chỗ giàu vui, yên ổn. Những người tri túc, dù nằm trên đất cũng được an vui. Người không tri túc, tuy ở trên cõi trời cũng không vừa ý. Người không biết đủ, tuy giàu mà nghèo; người biết đủ, tuy nghèo mà giàu. Người không biết đủ, thường bị năm dục (tài,

sắc, danh, thực, thù) **lôi cuốn, người biết đủ thấy thế thương xót. Ấy gọi là biết đủ.**

Phần trước công đức không cầu là xa lìa việc cảnh giới khác; đây công đức biết đủ là xa lìa việc trong mình. Trong chánh văn muốn thoát khổ não là đối trị như quả khổ; giàu vui yên ổn lại là nói như quả thanh tịnh. Kế đó nói trên đất cùng cõi trời đối biện là đứng về hai chỗ thị hiện sai khác. Lại nữa, giàu cùng nghèo đối biện là đứng về hai việc thị hiện sai khác. Lại nữa, ham muốn lôi cuốn cùng thương xót đối biện là đứng về hai pháp không lợi mình, có lợi mình và người thị hiện sai khác. **Một mặt** thì thường bị năm dục lôi cuốn là không lợi mình. **Một mặt khác** thì năm dục không lôi kéo là có lợi mình, lại hay thương xót người không biết đủ là có lợi cho kẻ khác vậy.

3. Công đức xa lìa

Tỳ kheo các thầy! Muốn tìm tịch tĩnh vô vi an lạc, phải xa lìa chỗ ồn ào, riêng ở chỗ thanh vắng. Những người ở nơi tịch tĩnh, Đế Thích cùng chư thiên rất là kính trọng. Thế nên phải bỏ chỗ đông của mình và chỗ đông của người khác ở một mình thanh tịnh, lo diệt hết các khổ. Nếu người nào ưa ở chỗ đông người thì phải chịu các khổ não. Ví như cây lớn, các loài kên, quạ tụ tập trên đó thì lo có nạn nhánh khô cành gãy. Thế gian ràng buộc chấp trước tràn đầy các sự khổ. Ví như con voi già đi trong sinh lầy không thể tự ra. Ấy gọi là xa lìa.

Chánh văn có nhiếp nghĩa ba môn:

- **Một** là môn xa lìa tự tánh, vì thế ra, nên thị hiện bốn thứ đối trị, nghĩa là tịch tĩnh vô vi,

an lạc, đối trị chướng ngã tướng chấp trước. Tịnh tĩnh tức là pháp không, ngã không. Vô vi tức là vô tướng không. An lạc, tức là không thủ xả nguyện không. Phải xa lìa chỗ ồn ào, đối trị chướng ngại ngã sở. Năm ấm loạn khởi, không có thứ lớp, gọi là ồn ào vậy. Ở riêng chỗ tịch tĩnh đối trị chướng ngại hai vô tướng kia, tức là ngã và ngã sở, vốn tự vô tướng, nay tu ba pháp chánh định, để rõ lý vô tướng, chướng ngại kia theo đó mà diệt. Đế Thích và chư thiên rất là kính trọng, đối trị chướng ngại vô vi đứng đầu công đức. Chỗ tịch tĩnh là nơi trọng pháp, đối với các pháp lành, rất là thù thắng.

- **Hai** là tu tập môn viễn ly, phương tiện ra, nên mình ở chỗ đông, tức là nói pháp năm ấm tâm và tâm sở. Chỗ đông của người khác, tức là thầy trò đồng học. Ở riêng chỗ

tịch tĩnh như pháp mà cư trú là phương tiện huệ thành tựu. Lo diệt gốc khổ, xa lìa như duyên phát khởi là khéo chọn trí tuệ thành tựu.

- **Ba** là thọ dụng môn các chấp, vì thường ràng buộc, nên ở chỗ đông người, thì chịu các phiền não. Cây lớn là dụ cho thức thứ sáu. Các loài kên quạ là dụ cho các pháp tâm sở. Đây đứng về mình đông mà nói. Cây lớn còn dụ cho thầy tỷ kheo. Các con kên, quạ còn dụ cho đệ tử đồng học v.v... Đây đứng về các người khác mà nói. Từ đây các chấp nhóm họp sinh ra dụ cho sự lo lắng nhánh khô cành gãy. Lại nữa như chấp thành nghiệp, như nghiệp đời lấy quả khổ, nên dụ như voi già đi trong sinh lầy, không thể tự ra khỏi. Già là dụ cho quán trí suy vi, tức là hoặc chướng. Thân con voi nặng lớn ví như

lòng ràng buộc chấp trước quá sâu dày, tức là nghiệp chướng. Sinh lầy là dụ cho chìm trong các khổ não, tức là báo chướng. Một khi không xa lìa, ba chướng thường ràng buộc, vì sao không suy nghĩ sâu xa, tìm cách ra khỏi các nghiệp chướng⁸⁹?

4. Công đức không mỗi mọt:

Tỳ kheo các thầy! Nếu siêng tinh tấn thì không có việc gì khó cả, thế nên các thầy phải siêng tinh tấn, ví như dòng nước nhỏ chảy mãi thì đá lớn cũng phải mòn. Nếu tâm của hành giả thường biếng nhác bê trễ, giống như người vò cây lấy lửa, chưa nóng mà dứt nghĩ, dù muốn được lửa, lửa khó phát hiện. Ấy gọi là tinh tấn.

⁸⁹ **Nghiệp chướng:** Sự ngăn trở của nghiệp. Cái nghiệp tức là chướng ngại, cái nghiệp nó che lấp. Do đời trước đã phạm trọng tội, hoặc có hủy báng chánh pháp, kết thành nghiệp chướng. Nghiệp ấy chưa tiêu trừ, nên đời này vướng phải các tai nạn, lận đận lao đao mãi; còn như có quy y thọ giới thì cũng không đắc nhập Phật pháp.

Siêng thì không biếng, ròng thì không tạp, tiến thì không thoái. Do đó quả Thánh trong ba thừa, thành tựu không khó; không đồng với ngoại đạo, khổ hạnh vô ích. Kế đem việc dòng nước nhỏ chảy mãi, mòn được tảng đá lớn, dụ cho công tu hằng không thôi dứt. Vò cây lấy lửa thường nghĩ dụ cho lỗi biếng nhác mất chánh niệm. Như trong chánh văn chỉ rõ hơn.

5. Công đức không quên chánh niệm:

Tỳ kheo các thầy! Tìm thiện tri thức, cần khôn khéo hộ trợ, không bao giờ quên chánh niệm, nếu có vị nào không quên chánh niệm thì các giặc phiền não không thể xâm nhập. Thế nên các vị thường phải nghiệp chánh niệm ở trong tâm, nếu ai mất chánh niệm thì mất hết các công đức, nếu sức chánh niệm kiên cường, tuy vào

trong giặc ngũ dục, không bị họa hại, ví như người mặc áo giáp, vào trận địa thì không lo sợ. Ấy gọi là không quên mất chánh niệm.

Đây không quên chánh niệm là đứng đầu tất cả hạnh. Nói tất cả hạnh là gì? Lược nói có ba thứ:

Một là hạnh nghe pháp, tức là cầu thiện tri thức. **Hai** là hạnh trong khéo suy nghĩ, tức là cầu khéo hộ trợ. **Ba** là hạnh đúng như pháp tu, tức là cầu khôn khéo giúp đỡ.

Ba hạnh này cũng gọi là ba huệ. Huệ dùng chiếu rõ làm nghĩa. Hạnh dùng tiến thủ làm nghĩa. Chiếu rõ, tiến thủ, đều là không quên chánh niệm. Hạnh không nghe, như úp đồ không thể đựng nước. Hạnh không suy nghĩ, như đồ dùng có lỗ hở, tuy thọ mà lọt mất. Hạnh không tu, như đồ như tuy không lọt

mất, nhưng nhớ không thể dùng. Nay có người không quên chánh niệm thì có ba hạnh. Ai có đủ ba hạnh hay phá giấc oán phiền não từ vô thỉ, thế nên thường phải nhiếp chánh niệm trong tâm, tức là người mặc áo giáp kiên cố vào trận địa, thì không bị giấc hại, mà có thể giết giấc dễ dàng.

6. Công đức thiền định

Tỳ kheo các thầy! Nếu ai nhiếp tâm thì tâm được định. Vì tâm đã định hay biết rõ pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Thế nên các thầy thường phải tinh tấn tu tập các định. Nếu ai được định thì tâm không tán loạn. Ví như nhà chứa nước, khéo xây đắp bờ đê. Người tu hành cũng thế vì nước trí tuệ, khéo tu thiền định, khiến không lọt mất. Ấy gọi là định.

Nhiếp tâm, tức là khéo léo phương tiện, gạt bỏ vọng động tâm hồn, khiến hay thứ lớp chúng vào các thiên định, cho đến sanh ra các thứ chánh định. Tâm đã ở trong định thì cũng như mặt trời treo giữa hư không, sáng chiếu muôn hình tượng, liền hay biết pháp tướng sanh diệt trong thế gian.

Nói tinh cần là sao? Đối trị ba thứ biếng nhác. **Một** là tinh cần tu tập tiết lượng ăn uống, ngủ nghỉ, điều hòa hơi thở ra vào, đối trị biếng nhác không yên ổn. **Hai** là tinh cần tu tập hiểu biết các thiên định, có công đức thông huệ, dứt hết nguồn khổ và hay thành tựu việc lớn ít có, đối trị biếng nhác vô vị. **Ba** là tinh cần tu tập quán sát khổ sanh già bệnh chết và khổ trong bốn con đường ác, ta chưa có thể xa lìa, đối trị biếng nhác không biết sợ hãi. Tu tập ba thứ đối trị này rồi thì

tâm không tán loạn, không chỗ đối trị, liền phát được huệ vô lậu, dứt mê làm chứng quả. Nói thí dụ hợp pháp, trong chánh văn dễ hiểu hơn.

7. Công đức trí huệ.

Tỳ kheo các thầy! Nếu có trí tuệ thì không tham trước, thường tự xét nét, không cho thoái thất, thế thì ở trong giáo pháp ta khéo được giải thoát. Nếu không như thế đã không phải người làm đạo, lại cũng không phải là bạch y, không biết gọi là hạng người gì. Người thật có trí huệ như là chiếc thuyền kiên cố đưa người qua biển khổ già, bệnh, chết; cũng như là ngọn đèn sáng lớn chiếu phá hắc ám vô minh; cũng như là vị thầy thuốc giỏi trị lành tất cả chứng bệnh, mà cũng là như chiếc búa bén chặt đứt gốc phiền não. Thế nên các

vi phải dùng trí huệ nghe, nghĩ, thật hành mà tự thêm lớn lợi ích. Nếu người có yển sáng trí tuệ, tuy là còn mắt thịt, nhưng được sáng suốt thấy mọi người. Ấy gọi là trí huệ.

Nếu có trí huệ, thì không tham trước, là công đức thật huệ xa lìa các chướng ngại, là chỗ xa lìa chướng ngại nghĩa chơn thật, và là chỗ chướng ngại việc thế gian, đoạn trừ mê lý vô minh, thế nên hai thức thứ sáu và thứ bảy, không còn tham trước kiến phần của thức thứ tám dùng làm ngã, pháp, ấy gọi là xa lìa chỗ chướng ngại nghĩa chơn thật.

Đoạn trừ mê sự vô minh nên sáu thức trước, không cùng cảnh giới sáu trần mà sanh ra tham trước. Ấy gọi là xa lìa chỗ chướng ngại việc thế gian thường tự xét nét không cho thoái thất là tổng quát tăng thêm trí huệ

nghe, suy nghĩ thật hành, thế thì ở trong ngã, pháp hay được giải thoát, nghĩa là đạt được ba huệ, chứng đặng trí huệ chơn thật. Thêm lớn ba huệ để chứng thật trí, mới gọi là bậc tu chứng. Chưa từng xuất gia, gọi là bạch y; nay đã xuất gia, lại không có bốn huệ, tiến thoái đều mất, nên nói không biết gọi là hạng người gì.

Kể dùng bốn thí dụ, dụ cho thật trí huệ. Trí thấy khổ đế, như chiếc thuyền kiên cố; Trí đoạn tập đế như ngọn đèn sáng lớn; Trí chứng diệt đế, cũng như vị thầy thuốc giỏi; Trí thật hành đạo đế, giống như chiếc búa bén. Song thật trí khó chứng, nên phải nhờ huệ nghe, suy nghĩ và thật hành để tự tăng thêm lợi ích. Trong vị danh tự, trí tuệ nghe tăng thêm lợi ích, được vào đình chỉ vọng tâm, tổng và biệt suy nghĩ cùng nhau. Trong

vị quán hạnh, trí huệ suy nghĩ tăng thêm lợi ích đặng vào pháp noãn, đánh, nhấn và thứ nhứt thế gian. Trong vị tương tợ, trí huệ thật hành tăng thêm lợi ích, đặng thấy lý bốn thánh đế, phát thật huệ vô lậu, chứng bốn đạo quả, vì trong ba huệ, chưa đủ thiên nhãn. Người có huệ giải thoát, cũng không có thiên nhãn, song đều biết rõ ràng bốn thánh đế, không sa vào tà kiến, chắc chắn rõ thấy người vậy. Đứng về nghĩa tạng giáo giải bày như thế, còn đứng về thông giáo thì theo lệ mà rõ biết, thế nên dùng phương tiện chung cả ba thừa.

8. Công đức rất ráo

Tỳ kheo các thầy! Các thứ hý luận, làm cho tâm tán loạn, tuy là người xuất gia, nhưng chưa được giải thoát. Thế nên tỳ kheo phải gấp rút bỏ lìa hý luận tâm tán

loạn, nếu các thầy muốn được vui tịch diệt, duy nhất phải khéo diệt họa hoạn hý luận. Ấy mới gọi là không hý luận.

Từ trên bảy thứ công đức đều là công đức phương tiện trưởng dưỡng. Đây chỉ tự tánh xa lìa, không có pháp đối trị, nên gọi là công đức rốt ráo. Chơn như niết bàn tánh vốn thanh tịnh, nói năng đạo dứt, tâm hành chỗ diệt, vốn không phải cảnh giới sở hành của hý luận. Vì dính với hý luận nên trái với vui tịch diệt. Sơ quả được trí huệ thật, thấy bốn thánh đế, phân biệt phiền não tuy đã dứt hẳn, nhưng ba cõi chín địa, tám mươi một (81) phẩm tư hoặc, đều là danh ngôn hý luận từ vô thỉ huân tập mà thành, khiến nhiều loạn tâm thần, không hợp với tánh chơn thành, thế nên phải gấp bỏ lìa hý luận, mới được vui tịch diệt niết bàn.

Nói khéo diệt là thế nào? Tức là dùng thật huệ chỗ đặng bốn chơn lý, bỏ lo lường, duyên chơn tánh, thường thường quán sát, tịnh trừ nghiệp thức chủng tử hiện hành, khiến rốt ráo kia không sanh khởi. Đây cũng đứng về nghĩa ba tạng mà giải. Nếu người nào khai thị rõ ràng, thật ở ngoài việc, vẫn là hý luận, tức theo đó mỗi việc hằng chơn, mới không phải hý luận. Lại nữa tức không chẳng đầy đủ, vẫn là hý luận, trung đạo chẳng không, mới không phải hý luận.

Lại xa lìa một bên, đứng chính giữa, vẫn là hý luận, tức một bên, tức chính giữa, mới không phải hý luận. Lại nữa đối với quyền chỉ rõ thật, vẫn mang tánh cách hý luận, khai quyền hiển thật, không thô chẳng tế, mới không phải hý luận. Lại nữa nói quyền nói thật, nói bốn môn, nói tích môn cũng đều hý

luận; quán tâm nếu phát khởi, bốn môn tích môn đều dứt, mới không hý luận. Lại nữa, chỉ quý chỗ mặc nhiên, dứt hẳn lời nói ý kiến vẫn thuộc về hý luận, tức là bốn câu đều không thể nói, vì có như duyên, cũng có thể được nói, nói cùng không nói, tánh tự bình đẳng, không giải làm hai chỗ, không giải làm một chỗ, không làm cũng một, cũng hai chỗ giải, không làm chẳng phải một chẳng phải hai chỗ giải, mới không phải hý luận vậy.

Từ trên đến đây là phần chánh tôn.

III. PHẦN LƯU THÔNG

Phần này được chia thành bốn:

- 1. KHUYẾN TU LƯU THÔNG.**
- 2. CHỨNG QUYẾT LƯU THÔNG.**
- 3. ĐOẠN NGHI LƯU THÔNG.**

4. PHÚ CHÚC LƯU THÔNG.

Đây nói về phần 1. **KHUYẾN TU LƯU THÔNG.**

Tỳ kheo các thầy! Đối với các công đức thường phải nhứt tâm, bỏ các sự buông lung, như xa lìa kẻ oán tặc. Đức Đại Bi Thế Tôn! Nói các lợi ích, đều được rất ráo. Các thầy chỉ phải siêng năng mà hành trì. Hoặc ở trong núi, hoặc ở giữa sông, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở trong tịnh thất, chánh niệm chỗ thọ pháp chớ quên mất, thường phải tự cố gắng, tinh tiến tu hành, chớ nên luống qua đời chết, sau phải ăn năn. Ta cũng như vị lương y, biết bệnh nói thuốc, uống cùng không uống, không phải là lỗi của thầy thuốc. Lại cũng như vị khéo dẫn đường, người dẫn đường khôn khéo chỉ, người nghe

không chịu đi, chẳng phải lỗi của người chỉ đường vậy.

Các công đức chỉ trong phần Chánh Tôn pháp yếu chung thế gian, ba thứ công đức đối trị và pháp yếu không chung thế gian tám thứ công đức của đại hơn.

Thường phải nhất tâm là sao? Là y theo nghĩa tâm thứ nhứt mà tu hành. Bỏ các sự buông lung, như xa lìa kẻ oán tặc là thế nào? Là xa lìa hành nghiệp trái với nhất tâm vậy. Nói các lợi ích đều được rốt ráo là sao? Nghĩa là lòng đại bi không hạn lượng, đối với Phật pháp không bao giờ quên nhiệm vụ chính yếu. Trong đây, thế nào gọi là tu? Tức là phải siêng năng hành trì. Tu ở chỗ nào? Tu ở trong núi, giữa sông, dưới gốc cây, trong tịnh thất vắng vẻ. Tu theo pháp nào? Chánh niệm ở chỗ thọ pháp, chớ để quên

mất. Có sao tu? Vì muốn giải thoát, không bao giờ bỏ quên chánh niệm. Dùng phương tiện gì để tu? Nghĩa là thường tự cố gắng tinh tiến để tu. Nếu chưa vào chân thật đều gọi là không tử; nếu đặng một ít cho là đủ, sau chắc chắn có sự ăn năn, ăn năn làm sao cho kịp? Đứng về phương diện dứt ác nhỏ nhỏ, dụ như vị lương y . Đứng về phương diện sanh thiện cho vui, ví như vị dẫn đường khéo. Phật không mang ơn chúng sanh, chúng sanh phần nhiều mang ơn Phật. Đó là điều chắc chắn vậy.

2. CHÚNG QUYẾT LƯU THÔNG.

Các thầy! Nếu đối với khổ v.v... bốn chơn lý, nếu ai có nghi ngờ điều chi, mau đặt câu hỏi, chớ có ôm lòng nghi, không cầu giải quyết. Lúc ấy đức Thế Tôn ba lần đề xướng như vậy. Không có ai hỏi, vì sao?

Vì đại chúng không có ai nghi ngờ. Lúc bấy giờ có Tôn Giả A Nâu Lô Đà quan sát tâm đại chúng, rồi bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, nhưng đức Phật nói pháp tứ thánh đế, không thể nào đổi khác. Phật nói khổ đế, thật là khổ, không thể nào khiến được an vui. Tập đế thật là nguyên nhơn, lại không có nhơn nào khác. Nếu ai diệt được nhân khổ tức là nhơn diệt, vì nhơn diệt nên quả diệt. Con đường diệt khổ, thật là chơn đạo, lại không con đường nào khác. Bạch Thế Tôn! Các thầy tỳ kheo đây ở trong bốn thánh đế, chắc chắn không có nghi.

Giáo pháp một thời đại của Thích Ca Như Lai, nghĩa lý tuy nhiều, bốn thánh đế thu nhiếp hết, vì khổ đế, tập đế, thu nhiếp hết

nhơn quả trong thế gian, đạo đế, diệt đế, hai đế thu nhiếp hết nhơn quả xuất thế gian, thế nên đối với pháp tứ đế hoài nghi thì tất cả pháp đều có nghi, nếu ở trong tứ đế không nghi thì tất cả pháp đều không nghi. Do đó đức Phật gần nhập diệt ân cần ba lần đề xướng hỏi: Sâu rõ trừ ngoài bốn đế, lại không có pháp nào khác. Trong chánh văn có nhiếp nghĩa ba môn thị hiện quyết định không nghi.

Từ đầu đến không cầu giải quyết là phương tiện thứ nhất môn hiển phát, dùng bốn đế này cho người tu hành thường phải quán sát và y theo đó mà tu chứng. Từ lúc ấy đức Thế Tôn cho đến trong đại chúng không nghi là cửa thứ hai đầy đủ thành tựu. Ở trong câu ba lần đề xướng như thế, chỉ bày bánh xe pháp đầy đủ thành tựu. Câu không

một người nào hỏi, chỉ bày chứng pháp đầy đủ thành tựu. Câu đại chúng không nghi, chỉ bày đoạn công đức đầy đủ thành tựu. Từ A Nậu Lô Đà đến quyết định không nghi là môn nói riêng phần thứ ba.

A Nậu Lô Đà, cũng gọi là A Na Luật, cũng kêu là A Nê Lô Đậu, mà cũng gọi là A Nan Luật Đà, đều là dịch âm từ tiếng Phạn của nước Sở, nước Hạ mà thôi. Trung Hoa dịch là Vô Bản, cũng phiên dịch là Vô Diệt, cũng dịch là Như Ý. Xưa ở đời đói khát, cúng dường Phật Bích Chi một bữa ăn, trong 91 kiếp được qua lại cõi người cõi trời, thường thọ lãnh phước lạc, đến nay chưa dứt, cầu việc gì đều được như ý, cho nên được tên này, thiên nhân đệ nhất. Thường quán sát tâm chúng sanh, quyết định phân biệt mà nói.

Mặt trăng là Thái Âm tinh, nên lạnh. Mặt trời là Thái Dương tinh, cho nên nóng. Song pháp khí thể gian y báo này, đều là duy thức chúng ta hiện bày, tức là tướng phần của thức, vốn không thật pháp, nên người có đặng thần thông liền có thể khiến mặt trăng nóng, mặt trời lạnh. Đến như pháp Tứ Thánh Đế của Phật đã nói, chính là tâm tánh chúng sanh, pháp nhĩ đạo lý, lý không đối khác.

Như **khổ đế**: Ba cõi, hai mươi lăm cảnh⁹⁰ dưới từ địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Phi Phi Tướng, tuy lên xuống xa khác, song đều

⁹⁰ **Hai mươi lăm cảnh**: Vingt cinq regions d'êtres vivants: Hai mươi cảnh hữu tình. Hữu nghĩa là hữu nhơn hữu quả. Ấy là 25 cảnh giới, nơi ấy chlung sanh sanh ra do quả báo của mình. Thấy đều ở trong 3 cõi: Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Kể từ dưới lên trên là: 1. Cảnh địa ngục. 2. Cảnh súc sanh. 3. Cảnh ngạ quỷ. 4. Cảnh A Tu La. 5. Cảnh Phát Bà Đề. 6. Cảnh Cồ Da Ni. 7. Cảnh Uất Đan Việt. 8. Cảnh Diêm Phù Đề. 9. Cảnh Tứ Thiên Vương Xứ. 10. Cảnh Tam Thập Tam Thiên Xứ. 11. Cảnh Diệm Ma Thiên. 12. Cảnh Đâu Suất Thiên. 13. Cảnh Hóa Lạc Thiên. 14. Cảnh Tha Hóa Tự Tại Thiên (**Mười bốn cảnh trên thuộc về Dục Giới**).

15. Cảnh Sơ Thiên. 16. Cảnh Đại Phạm Vương. 17. Cảnh Nhị Thiên. 18. Cảnh Tam Thiên. 19. Cảnh Tứ Thiên. 20. Cảnh Vô Tướng. 21. Cảnh Tịnh Cư A Na Hàm (**Bảy cảnh trên thuộc về Sắc Giới**)

22. Cảnh Không Xứ. 23. Cảnh Thức Xứ. 24. Cảnh Bất Dụng Xứ. 25. Cảnh Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ. (**Cảnh này thuộc về Vô Sắc Giới**)

bị bốn tướng⁹¹ đời đời, tám khổ⁹² bức bách
đâu có khi nào yên vui.

Như **tập đế**: kiến hoặc, tư hoặc, lành dữ, lậu
nghiệp bất động ba cõi, chính là nguyên
nhơn đầu sanh trong ba cõi, đâu có nhơn nào
khác.

Như **diệt đế**: nhơn diệt thì quả khổ theo đó
diệt, đâu không tịch tĩnh vô vi an lạc.

Như **đạo đế**: giới, định, huệ, ba vô lậu học
hay đoạn nhơn khổ, quả khổ, đến chỗ không
còn khổ, đâu có con đường nào khác.

Bốn chơn lý này đều chắc thật, không hư
dối, cho nên gọi là đế lý. Đức Phật nói như
thật. Các thầy tỳ kheo cũng hiểu như thật, do
đó quyết định không nghi.

⁹¹ **Bốn tướng**: Đó là bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt; bốn tướng: sanh, già, bệnh, chết; bốn tướng cũng là: thành, trụ, hoại, không.

⁹² **Tám khổ bức bách**: Huit douleurs. Tám nỗi khổ của người ở đời: 1. Sanh khổ. 2. Già khổ. 3. Bệnh khổ. 4. Chết khổ. 5. Thương yêu nhau mà bị chia lìa là khổ. 6. Ganh ghét nhau gặp lại nhau là khổ. 7. Cầu việc chi không được là khổ. 8. Năm âm hùng thịnh là khổ. Tám nỗi khổ ấy nó bức bách con người thường xuyên.

3. ĐOẠN NGHI LƯU THÔNG, lại chia ra làm ba:

a. Chỉ bày nghi khác.

b. Vì đoạn nghi kia.

c. Lập lại nói tướng hữu vi, vô thường khuyên tu.

Nay nói phần *a/ chỉ bày nghi khác*.

Ở trong đại chúng đây, các vị chưa xong nhiệm vụ, thấy Phật diệt độ, nên có lòng thương cảm. Nếu có ai mới vào Phật pháp đã nghe Phật nói liền được độ thoát. Ví như ban đêm thấy điện quang, liền được thấy đạo. Nếu việc làm đã xong, người đã qua biển khổ, chỉ nghĩ như thế này: Thế Tôn sao mà diệt độ mau thế!

Đây vẫn là lời nói phân biệt của A Nâu Lô Đà. Ở trong đó có ba thứ phân biệt:

Một là những vị chưa xong công việc, chỉ cho các vị chứng quả thứ nhất, thứ nhì và thứ ba, bởi vì tư hoặc chưa đoạn hết, sẽ có sự thương cảm, như Ngài A Nan lo rầu v.v...

Hai là người mới vào Phật pháp, chỉ các vị trong ngoài, nhờ sức quán hạnh sâu sắc nên nay một khi nghe Phật pháp, nhanh chóng thấy chơn lý, như ban đêm thấy điện quang, không thể kéo dài, thấy chơn lý trong mười sáu tâm (16), không ra ngoài một sát na.

Ba là hạng người việc làm đã xong, chỉ bậc A La Hán, kiến hoặc, tư hoặc đoạn hết, hằng vượt qua biển khổ ba cõi, nên không bị tình ái buồn cảm, chỉ chưa biết Phật thật không diệt độ, nên nói Phật diệt độ sao mà mau chóng thế.

b. *Vì đoạn các nghi kia*

A Nâu Lôu Đà mặc dù nói lời ấy trong đại chúng, nhưng các vị đều rõ thông nghĩa bốn thánh đế. Thế Tôn muốn cho đại chúng đây, đều đặn kiên cố, dùng tâm đại bi, lại vì đại chúng mà nói. Tỳ kheo các thầy, chớ ôm lòng thương rầu, nếu ta trụ thế một kiếp, rồi cũng phải diệt, hiệp hội mà không chia ly, không bao giờ được, lợi mình lợi người, pháp đều đầy đủ, nếu ta sống mãi, đâu có ích gì! Những ai đã được độ, hoặc trên trời hoặc trong nhơn gian, ta đã độ xong. Còn người chưa độ, đều cũng tạo nhơn duyên đặn độ. Từ nay về sau, các đệ tử của ta triển chuyển tu hành thì pháp thân Như Lai thường trú không bao giờ hoại diệt.

Bốn thánh đế, ai chứng được bốn lý này, đặn thành quả thánh, nên gọi là thánh đế.

Lại nữa lý tuy cố nhiên, duy có thánh đế rõ ràng, nên cũng gọi là chơn đế. Lúc bấy giờ trong chúng tuy đều rõ thông, nhưng tâm đại bi của Như Lai chí thiết, khắp vì chúng sinh đời vị lai hằng dứt trừ các nghi lầm, do đó lại vì đại chúng nói.

Trong chánh văn cũng chia làm ba:

Đầu, tứ chớ ôm lòng thương nhiều đến câu có ích gì, tức là nghi đoạn chỗ làm chưa xong, thấy diệt độ sanh lòng thương cảm, đã lợi mình lợi người, pháp đều đầy đủ, liền có thể y theo đó mà tu hành, đến chỗ hiệp hội quyết có chia ly ấy là pháp thế gian phải như thế, vả lại ta sống lâu, đối với các ông không ích gì cả, đâu nên dùng tâm thương cảm làm chi!

Hai, từ câu những ai đã được độ đến câu đều cũng tạo như duyên đặng độ, tức là cái

nghi đoạn điển quang thấy chơn lý, nghĩa là có nghi rằng: Khi Phật trụ thế, nghe nói liền được độ, sau khi Phật diệt độ, thấy đạo không phải dễ, nên nay giải thích rằng: Người đã nên độ, ta đã độ xong, còn ai chưa độ, đều sẽ làm như duyên đặc độ, như duyên nếu đến, chớ lo không thấy đạo.

Ba, từ nay về sau đến câu không bao giờ hoại diệt, tức là nghi đoạn diệt độ sao mà mau chóng, đã có đệ tử triển chuyển tu hành, thì như chia trú trì không hoại diệt, đã là pháp thân thường trú không hoại diệt thì quả phân trú trì cũng không hoại diệt. Như quả đồng thường làm sao mà nói chóng diệt độ, song ở đây vẫn đối với quyền giáo, cho nên chỉ nói năm phần pháp thân⁹³

⁹³ **Năm phần pháp thân:** Cinq parties du Corps de la Loi: Năm phần hiệp lại thành pháp thân, tức Phật thân. Ấy là năm phần công đức của pháp lý, của Như Lai: **1. Giới pháp thân:** Tu trì giới hạnh của đức Như Lai, giữ gìn ba nghiệp: thân, miệng, ý lìa khỏi các sự lỗi lầm, sai lạc. **2. Định pháp thân:** Tu phép thiền định của đức Như Lai, dặng trở về chơn tâm thường trú, lìa khỏi các vọng niệm. **3. Huệ pháp thân:** Tu phép trí tuệ của đức Như Lai, dặng đến chơn trí viên minh, quán đạt pháp tánh. **4. Giải thoát pháp thân:** Tu cho đặc tâm thân của Như Lai, giải thoát ra khỏi sự trôi buộc, triu mến, tức là tánh đức niết bàn. **5. Giải thoát tri kiến pháp thân:** Ấy là bậc biết rằng mình thật đã giải thoát. Tức là sau khi đặc quả bồ đề, chứng niết bàn tánh tịnh.

là thường trú mà thôi. Nếu người vào chơn thật, ứng, hóa cũng thường. Một pháp hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, chẳng phải là dối ta vậy.

c. Lập lại nói tướng hữu vi, vô thường khuyên tu

Thế nên phải biết, cảnh đời đều vô thường hiệp hội phải có chia ly, chớ ôm lòng lo rầu, tướng đời là như thế, phải siêng tinh tấn, sớm cầu giải thoát, dùng yển sáng trí tuệ, diệt các si ám, đời thật là nguy hiểm không có chi bền chắc. Ta nay diệt độ, như trừ bệnh xấu. Đây là cái thân nên xả, vật tội ác, giả danh làm thân, chìm nơi biển lớn sanh, già, bệnh, chết. Người nào có trí phải trừ diệt cho nhanh, như giết kẻ oán tặc mà không hoan hỷ.

Chánh văn có hai ý: Từ đầu đến không có chi bền chắc, chính nói rõ quán môn vô thường, để khuyên sự siêng tu. Từ câu ta nay diệt độ về sau là dẫn đã tác chứng. Sắc thân nhiệm màu của Phật, bình đẳng pháp tánh chơn thật, vô lượng công đức trang nghiêm hiển hiện. Nhưng nói là vật tội ác, dụ cho các bịnh, oán tặc, chỉ đồng với phạm phu, khiến cảnh tỉnh mà thôi.

Phần 3: Đoạn nghi lưu thông xong rồi.

4. PHÚ CHÚC LƯU THÔNG

Tỳ kheo các thầy! Thường phải hết lòng siêng cầu đắc đạo. Tất cả thế gian pháp động và bất động đều là tướng bại hoại không an. Các thầy đình chỉ chớ có nói thêm. Thời giờ gần qua, ta sắp diệt độ (diệt phiền não, độ sanh tử). Đây là lời giáo huấn cuối cùng của ta.

Thường phải hết lòng là lời dặn, khiến trụ nơi thật huệ. Siêng cầu đắc đạo là lời dặn cho phương tiện tu tập, vì thật huệ khó đặng, nên khuyên khiến tinh tấn tu hành. Cõi Dục là pháp động, cõi Sắc là pháp bất động, mặc dù có động tịnh khác nhau, đều thuộc về vô thường, vô ngã, không thể không nghĩ phương pháp ra khỏi. Câu chớ có nói thêm là lời khuyên đình chỉ ba nghiệp, thành tựu tịch diệt, không còn ngã chấp, pháp chấp. Câu thời giờ gần đã qua là chỉ sẽ quy diệt, vì nơi an nhàn tịch diệt, không lìa trung đạo, dùng làm rớt ráo. Câu lời giáo huấn cuối cùng là chính chỉ rõ để lời nghiêm huấn. Nơi pháp trú trì rất cao quý, rất thiết yếu. Nhiệm mầu thay! Lời nghiêm huấn cuối cùng với lòng từ bi vô hạn. Là bảy chúng đệ tử Phật⁹⁴,

⁹⁴ **Bảy chúng đệ tử Phật:** 1. Chúng tỳ kheo. 2. Chúng tỳ kheo ni. Đó là các vị nam nữ thọ cụ túc giới. 3. Chúng Thức Xoa Ma Na, đó là các vị nữ học giới sáu pháp. 4. Chúng Sa Di. 5. Chúng Sa Di Ni, đó là các vị nam, nữ lãnh thọ 10 giới. 6. Chúng Ưu Bà Tắc. 7. Chúng Ưu Bà Di, đó là các vị thọ 5 giới tại gia nam nữ.

chúng ta phải khắc vào xương, ghi vào tim óc mà một lòng tu tiến!

Những lời nghiêm dạy chót sau.

Là đệ tử Phật, chóng mau tu trì!

*Dịch giải Kinh Di Giáo xong ngày 1-12-
1996*

HẾT

ĐỨC PHẬT NÓI

KINH

NGHIỆP BÁO SAI KHÁC

ĐỨC PHẬT NÓI

KINH

NGHIỆP BÁO SAI KHÁC

Tôi nghe như vậy⁹⁵:

Một thuở nọ⁹⁶, đức Phật trụ tại nước Xá Vệ, rừng cây của Thái tử Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc⁹⁷.

Lúc bấy giờ đức Phật bảo Lục Đề Tà Tử⁹⁸, là trưởng giả Thủ Ca⁹⁹ rằng: “Ta sẽ vì các ông nói pháp môn thiện ác nghiệp báo sai khác. Các ông phải lắng nghe và suy nghĩ

⁹⁵ **Tôi nghe như vậy:** Bốn chữ này, ở đầu mỗi bộ Kinh đều có, chỉ rõ bộ Kinh này là từ kim khẩu Phật tuyên nói, con đích thân theo Phật nghe, khiến chúng sanh tín nguyện chớ nghi. Ngày xưa khi đức Phật gần nhập niết bàn, ngài A Nậu Lâu Đà (dịch là Như Ý Vô Tham) bảo tôn giả A Nan thỉnh Phật bốn việc: **1.** Sau khi Phật diệt độ, các Tỳ kheo nương theo ai làm thầy? **2.** Nương tựa nơi chỗ nào? **3.** Tỳ kheo có tánh ác, như thế nào trị phạt? **4.** Tất cả đầu mỗi bộ kinh phải đề câu gì? Đức Phật dạy: **1.** Sau khi ta diệt độ, các vị phải lấy giới luật làm thầy. Giới là đại sư của các vị, nương theo giới mà sống. **2.** Y theo bốn suy nghĩ mà trụ, yên ở trong tâm kia. **3.** Tỳ kheo có tánh ác, mặc nhiên đối trị, không nên đánh mắng, chỉ mặc tấn (cho rời chúng yên lặng). **4.** Tất cả đầu mỗi bộ Kinh, nên đề “Tôi nghe như vậy.”

Thế nên, sau đó Ngài A Nan kiết tập, vẫn y lời Phật dạy. Rộng thuật lý do, đều như trong Kinh đã nói.

⁹⁶ **Một thuở nọ:** Tức là đức Phật với ông trưởng giả Thủ Ca, khi nói Kinh Nghiệp Báo Sai Khác này.

⁹⁷ **Rừng cây của Thái tử Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc:** Hoặc nói là tịnh xá Kỳ Viên, là nơi Phật thuyết pháp. Trong thành Xá Vệ có một vị trưởng giả, tên là Tu Đạt Đa (dịch là Thiện Cấp) thương xót những người cô độc, trẻ con không cha mẹ, gọi là Cô; già không con cháu gọi là Độc), hoan hi xả thí, người đời thường gọi là Cấp Cô Độc trưởng giả. Tại nước Ma Kiệt Đà (dịch là Thiện Thắng hay Vô Nã hay Vô Hại) ở Trung Ấn Độ, ngài nghe Phật thuyết pháp liền quy y Tam Bảo, rồi thỉnh Phật đến nước Xá Vệ, hóa độ chúng sanh. Vì Phật, ngài kiến lập tịnh xá, nhưng không có địa điểm tốt, thấy vườn cây của Thái tử Kỳ Đà rất tốt đẹp, yên tĩnh, ngài đề nghị với Thái tử muốn mua khu vườn ấy. Thái tử nói giỡn, nếu Đại thần dùng vàng ròng trải đầy trên khu vườn cây ấy, thì tôi bán cho. Trưởng giả nghe thế làm thiệt, dùng xe chở vàng ròng trải lên khắp khu vườn, trừ các cây chưa tính. Thái tử thấy rồi, nói với trưởng giả rằng: “Thôi! Đừng trải nữa.” Trưởng giả đáp: “Lòng tôi chỉ nghĩ làm thế nào sớm được hoàn thành ngôi tịnh xá, thỉnh Phật thuyết pháp, là mãn nguyện.” Thái tử nói: “Nếu thế chỉ bán đất cho ông, không bán cây trên đất. Tôi đem các cây ấy, cúng dường lên đức Phật.” Do đó nên nói rừng cây của thái tử Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc.

⁹⁸ **Lục Đề Tà Tử:** Lục Đề Tà, Trung Hoa chưa phiên dịch, đại khái là tên cha của Thủ Ca. Tử là người gốc Thủ Ca.

⁹⁹ **Trưởng giả Thủ Ca:** Hai chữ Thủ Ca là tên người chưa phiên dịch, không biết nghĩa kia. Trưởng giả là bậc tôn xưng đầy đủ của cái, giàu mạnh, đạo đức, danh vọng, học vấn, tuổi cao, v.v...

cho kỹ.” Khi ấy trưởng giả Thủ Ca xin: “Vâng! Bạch đức Thế Tôn, chúng con hết sức muốn nghe.” Đức Phật bảo Thủ Ca: “Tất cả chúng sanh¹⁰⁰, quan hệ tùy thuộc nơi nghiệp lực¹⁰¹, đời sống hằng ngày đều tùy thuộc nơi sức nghiệp, rồi tùy nghiệp mình chuyển, do nhân duyên đó, nên có cao thấp rộng hẹp, nghiệp nhơn của mỗi người sai khác không đồng.

¹⁰⁰ **Chúng sanh:** Đây là danh xưng của loài động vật có sinh mạng, phàm là động vật có sinh mạng, thành lập cá thể kia, trong tục sống còn không dứt, không ngoài sự hoạt động của lý trí và tình cảm trên tâm lý, cùng với thân thể trong sinh lý. Tinh thần cùng vật thể, các duyên hòa hợp, thành một cá thể. Phật pháp gọi là chúng sanh. Thân thể của sinh lý, Phật pháp gọi là sắc. Tinh thần của tâm lý, gọi là danh. Chung lại gọi là danh sắc, tức là nghĩa chúng sanh. Hoạt động của tâm lý, không ngoài thọ, tưởng, hành, thức, vì không hình thức có thể thấy, chỉ có danh xưng nên gọi là danh. Tổ chức trên thân thể nhờ có đất, nước, gió, lửa. Bốn chất hòa hợp thành một khối máu thịt, nên gọi là Sắc, gọi chung là Danh Sắc. Nếu chia ra có năm ấm tức là thọ, tưởng, hành, thức. Gồm trong Kinh Luật có danh từ chúng sanh, đều lãnh hội theo nghĩa này.

¹⁰¹ **Quan hệ tùy thuộc nơi nghiệp:** Nghiệp như sợi dây hay dắt dẫn chúng sanh luân hồi trong sáu đường khổ, chịu sự sanh tử. Nghiệp cũng hay trói buộc chúng sanh, chịu sự câu thúc của nghiệp, không được tự do. Vận mạng của tất cả chúng sanh đều do sức nghiệp chi phối, bao quanh, nên nói: Quan hệ tùy thuộc nơi sức nghiệp.

Tùy theo nghiệp mình vận chuyển: Vận mạng của tất cả chúng sanh, nghèo cùng giàu sang, thông suốt cùng bế tắc, thông minh cùng ngu ám, quyết không phải do thần linh làm chủ tề nào an bài, cũng không phải ngẫu nhiên mà hình thành. Chính do nhơn trước quả sau của mỗi thứ, là do nghiệp nhơn tự mình tạo của đời trước, tùy nghiệp theo duyên, duyên hợp cảm quả, nên nói tùy nghiệp mình chuyển

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo chết yểu¹⁰². Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo sống lâu¹⁰³.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh hay đau ốm. Hoặc có nghiệp gặp quả báo ít bệnh. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo xấu xí¹⁰⁴. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo đoan chính¹⁰⁵. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo ít oai thế¹⁰⁶.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh có oai thế lớn¹⁰⁷. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo sanh vào chủng tộc

¹⁰² **Chết yểu:** Hoặc nói đoan mạng. Người sinh ra không bao lâu, hoặc khi mới sanh, hoặc lúc tuổi trẻ, khi tuổi lớn rồi bị chết. Đó là do nghiệp sát của đời trước.

¹⁰³ **Sống lâu:** Hoặc nói trường thọ, có nhiều người mạng sống lâu đến bảy, tám mươi tuổi, cho đến cả trăm tuổi, đều do đời trước không có nghiệp sát, ái hộ chúng sanh.

¹⁰⁴ **Xấu xí:** Chính là mặt mày quá xấu xí. Khi sanh ra người thấy sanh tâm nhòm góm khinh chê...

¹⁰⁵ **Doan chánh:** Thân đoan trang nghiêm chánh, đẹp đẽ thanh tú, người khác thấy rồi sanh tâm hoan hỷ, kính ái.

¹⁰⁶ **Ít oai thế:** Hoặc nói ít oai đức cũng được. Đáng sợ là oai, đáng kính là đức, ít đây có nghĩa là có ít oai.

¹⁰⁷ **Oai thế lớn:** Như người có oai đức, học vấn, địa vị, giàu mạnh, tài trí, tướng mạo khôi ngô, thân thể đường đường. Người thấy là kính là sợ.

hạ tiện¹⁰⁸. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được phước báo sanh vào nơi quý tộc thượng lưu¹⁰⁹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo đời sống hẩm hiu¹¹⁰. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo đời sống dư dả¹¹¹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo tâm trí tà kiến¹¹². Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo trí huệ chánh kiến¹¹³. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo địa ngục¹¹⁴. Hoặc có nghiệp, hay

¹⁰⁸ **Chủng tộc hạ tiện:** Thời cổ Ấn Độ, có chia thành bốn chủng tộc: 1. Bà la môn, dịch là Tịnh Hạnh. 2. Sát Đê Lợi, hoàng tộc. 3. Phệ Xá, chủng loại buôn bán. 4. Thủ Đà La, chủng tộc nông dân và lao công. Chủng loại hạ tộc tức là công nông...

¹⁰⁹ **Quý tộc thượng lưu:** Tức là hàng hoàng tộc.

¹¹⁰ **Đời sống hẩm hiu:** Đời sống thiếu thốn về vật chất, tức là hạng người nghèo khổ.

¹¹¹ **Đời sống dư dả:** Tức là chỉ cho những người giàu sang. Com ăn, áo mặc, nhà ở dư thừa.

¹¹² **Tâm trí tà kiến:** Tín ngưỡng đạo tà, học các sách vở không chính đáng, tư tưởng quan niệm không chánh. Chắc chắn vào dòng tà kiến.

¹¹³ **Trí huệ chánh kiến:** Như đọc kinh điển cổ thánh, tính phụng Phật dạy, tin chắc nhơn quả, nghiệp báo. Phẩm đức đoan trang nghiêm chánh, tư tưởng thuần khiết, hành vi công chánh.

¹¹⁴ **Địa ngục:** Tiếng Phạn gọi là Naraka, hoặc gọi là Nê Lê. Ý nói là chỗ không vui, đáng nhàm chán, đầy đủ sự khổ, bức náo v.v... Vị trí của nó ở nơi tối tăm, u ám, không có mặt trời, mỗi loại khổ hình, không lường không ngăn. Địa ngục có rất nhiều loại, đều y theo phạm tội nặng nhẹ không đồng. Ai phạm tội mười điều ác thượng phạm, chết đọa vào địa ngục.

khiến chúng sanh mắc quả báo súc sanh¹¹⁵.
Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị
quả báo làm quỷ đói¹¹⁶. Hoặc có nghiệp, hay
khiến chúng sanh bị quả báo làm a tu la¹¹⁷.
Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được
làm thân người. Hoặc có nghiệp, hay khiến
chúng sanh được phước báo làm trời ở cõi
Dục¹¹⁸. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng
sanh được phước báo làm trời ở cõi Sắc¹¹⁹.

¹¹⁵ **Súc sanh:** Thế giới này, người cùng súc sanh ở chung, gồm cả trên mặt đất, dưới nước, trên không trung đều có, như các loại cầm bay thú chạy, loài thủy tộc v.v... tạo mười điều ác, trung phẩm, chết đọa trong đường súc sanh.

¹¹⁶ **Quỷ đói:** Một loại trong sáu đường, đồng ở trong nhân gian, vì không có hình thể, mắt thịt không thể trông thấy, chúng loại kia rất nhiều. Trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: Liệt kê có 36 thứ, như Thành Hoàng Thổ Địa v.v... cũng liệt vào trong ấy, đói khát kêu cứu; vì không được ăn uống, thường chịu khổ kia, nên được gọi là quỷ đói. Người tạo mười điều ác hạ phẩm, hoặc người tham lam bòn sên thành táng ấy, chết đọa trong đường quỷ đói.

¹¹⁷ **A tu la:** Dịch là vô đoan chánh. Ý nói dung mạo xấu xí. Một loại trong sáu đường. Có loài ở trên cõi trời, có loài ở giữa biển, có loài ở trong nhơn gian, trên núi. Tánh của họ rất là kiêu mạn, ưa chiến đấu. Người tạo mười điều ác vi tế, tâm ưa giận tức, kiêu mạn nghi ngờ, phiền não, chết đọa trong loài a tu la.

¹¹⁸ **Trời ở cõi Dục:** Dục có năm thứ: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Lại cũng có năm thứ nữa, tức là tài, sắc, danh, thực, thù. Năm dục trước thuộc bên ngoài; năm dục sau thuộc bên trong. Người ở trên cõi trời đều có vật dụng hưởng thụ, nên gọi là trời Dục. Trời cõi Dục chia ra có 6 tầng. Ở trên đất hai tầng, tức là trời Tứ Thiên Vương. Ở trong núi Tu Di, tức là Tam Thập Tam Thiên, ở trên đỉnh núi Tu Di. Bốn tầng trời ở trên không, nương hư không mà ở, thức là Trời Phần Thiên, Tri Túc Thiên, Hóa Lạc Thiên, và Tha Hóa Tự Tại Thiên. Nếu người không lìa ngũ dục, tu theo mười điều thiện thượng phẩm, có thể được ở hai cõi trời trên đất. Nếu ai gồm tu cả định cõi Dục, hoặc dùng đèn đuốc, ngọc minh châu v.v... bố thí và giữ tịnh giới v.v... thì được ở bốn cõi trời giữa hư không.

¹¹⁹ **Trời ở cõi Sắc:** Nếu ai lìa bỏ năm thứ dục lạc, tu hạnh thanh tịnh, thiên định được cảm sanh cõi trời này. Nếu tu pháp lãnh ly dục, có giác có quán, lìa tham sanh hỷ lạc thì vào sơ thiên.

Dứt giác quán, trong tâm thanh tịnh một chỗ, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thì vào thiên thứ hai.

Vì lìa hỷ, tâm niệm hành xả, an huệ, thân thọ lạc, các vị hiền thánh, hay nói hay xả, thường nghi thọ lạc thì vào đệ tam thiên.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được phước báo làm trời ở cõi Vô Sắc¹²⁰.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo quyết định¹²¹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo không nhất định. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị khổ báo sanh nơi biên địa¹²². Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo sanh vào giữa nước¹²³. Hoặc có nghiệp, hay

Đoạn khổ vui rồi, trước diệt lo mừng, không khổ không vui, hành xả niệm thanh tịnh, vào nơi thiên thứ tư.

Cõi Sắc có 18 tầng trời. Sơ thiên được sanh ba cõi trời, tức là Phạm Chúng, Phạm Phụ và Đại Phạm Thiên.

Cõi thiên thứ hai cũng sanh lên ba cõi trời, tức là Thiểu Quang, Vô Lượng Quang và Cực Tịnh Quang.

Cõi thiên thứ ba được sanh về Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên và Biến Tịnh Thiên.

Cõi thiên thứ tư dặng sanh vào cõi Vô Vân Thiên, Phước Sanh Thiên, và Quảng Quả Thiên. Còn có sáu cõi trời là: Vô Tướng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh; hoặc ngoại đạo cư trú, hoặc hiền Thánh cư trú. Tính chung có 18 cõi trời.

¹²⁰ **Cõi trời Vô Sắc:** Nếu có người hay bỏ lìa năm thứ dục lạc, dứt hẳn các vọng sắc tướng, hay vào chỗ bốn định Không. Nếu tiến thêm một bước, do chỗ Phi Tướng Phi Phi Tướng vào Diệt Tận, hay trừ phiền não, liền vượt qua ba cõi, thoát ly sanh tử.

¹²¹ **Quả báo quyết định:** Như những người tu Tịnh Độ, đối trước Tam Bảo, đem tâm ân trọng cung kính, phát nguyện vãng sanh cõi nước Cực Lạc phương Tây, trì niệm thánh hiệu Phật A Di Đà, đến chỗ nhứt tâm bất loạn, đến khi mạng chung, quyết định nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh.

¹²² **Quả báo nơi biên địa:** Chỗ hẻo lánh xa xôi, nơi kiến thức chưa mở, văn hóa lạc hậu cùng núi đồng vắng, vẫn là nguyên thi, sinh hoạt cùng khổ. Chư Phật không bao giờ ra đời ở chỗ này, không có chánh pháp. Nếu ai chuyển sanh về chỗ này, gọi là quả báo nơi biên địa.

¹²³ **Sanh vào giữa nước:** Văn hóa cao thượng, đạo đức thuần hậu, nhơn dân tiến phát, biết lễ chuộng nghĩa. Phật thường ra đời ở giữa nước, chánh pháp hưng thịnh. Nếu ai đầu sanh chốn này, gọi là sanh vào giữa nước.

khiến chúng sanh bị quả báo địa ngục trọn đời¹²⁴. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo địa ngục nửa đời¹²⁵.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh bị khổ báo tạm vào liền ra nơi địa ngục¹²⁶. Hoặc có nghiệp, tạo tác mà không huân tập¹²⁷. Hoặc có nghiệp, huân tập mà không tạo tác¹²⁸. Hoặc có nghiệp, cũng tạo tác mà cũng huân tập¹²⁹. Hoặc có nghiệp, không tạo tác mà cũng không huân tập¹³⁰. Hoặc có

¹²⁴ **Địa ngục trọn đời:** Suốt đời ở nơi địa ngục, nửa kiếp, một kiếp cho đến nhiều kiếp. Thọ mạng một kiếp, không lường năm tháng, thường chịu các khổ trọn đời.

¹²⁵ **Địa ngục nửa đời:** Nếu tạo nghiệp địa ngục, sau đó sanh lòng hối hận sợ hãi, đến trước chư Phật, Bồ Tát thành tâm sám hối, cầu Phật thương xót. Nhờ tâm sám hối nghiệp ác giảm bớt, khi chết đọa vào địa ngục, không bao lâu được ra khỏi.

¹²⁶ **Tạm vào liền ra:** Chính là người tạo ác địa ngục rồi, sanh tâm sợ hãi, sanh tâm hối hận, trước Phật khẩn cầu thương xót chỉ thành sám hối, cầu Phật xá tội, như Vua A Xà Thế, như giết vua cha, tạo nghiệp địa ngục, nhờ sự sám hối, tuy đọa địa ngục, lập tức ra khỏi.

¹²⁷ **Tạo tác mà không huân tập:** Nếu có chúng sanh, tạo các nghiệp ác, nên gọi là tạo tác, sau đó tỉnh ngộ, tâm sanh sợ hãi, sanh tâm hối hận. Sau đó sám hối, từ đây về sau, dứt tâm nối nhau không tái phạm. Nhờ sám hối lỗi, nghiệp liền tiêu trừ, nên nói là không huân tập.

¹²⁸ **Huân tập mà không tạo tác:** Có hạng người thông minh giả, sợ tiếng ác bay ra ngoài. Tự mình không dám làm các việc ác, nhưng khiến người khác làm, tạo các nghiệp ác, để xem tự mình không tội, kỳ thiệt không như thế, như vì ác tâm bảo người khác làm. Theo pháp luật còn có tội, hưởng chi trong Phật Pháp. Thế nên vẫn là có tội.

¹²⁹ **Cũng tạo tác mà cũng huân tập:** Có người thường làm việc ác, trở thành tập quán. Đã không tin họa phước, cũng không hối hận sám hối, tập quán trở thành thuần thực, tội, nghiệp chứa nhiều như núi, chắc chắn bị ác quả không nghi.

¹³⁰ **Không tạo tác mà cũng không huân tập:** Có người căn lành sâu dày, tin kính Phật pháp, biết có nghiệp báo non quá, gìn giữ giới luật, tự mình đã không làm ác, cũng không bảo người làm ác, nên nói không tạo tác. Cũng không nghiệp ác, nên nói không huân tập.

nghiệp, hay khiến chúng sanh bị quả báo đầu vui sau khổ¹³¹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh đầu khổ sau vui¹³².

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh đầu khổ sau cũng khổ¹³³. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được phước báo đầu vui sau cũng vui¹³⁴. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh nghèo mà ưa bố thí¹³⁵. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh giàu mà tâm bôn sển, tham lam¹³⁶. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh giàu mà hay bố thí làm

¹³¹ **Đầu vui sau khổ:** Vì bố thí, đặng lạc báo giàu sang. Vì xan tham, bị khổ khổ nghèo cùng. Do đó người ưa bố thí, không phải là ngu muội. Người ham cầu cũng không phải thông trí. Đạo lý u thâm minh luật ấy, không phải người nào cũng biết, phải là hạng tín giải thông sáng. Người trước vui sau khổ, chính là thuở đời quá khứ của họ, trước được người khuyên, xả thí tài vật, sau đó lại ăn năn, sanh tâm sèn tiếc. Đời nay mới bị quả báo trước vui sau khổ.

¹³² **Đầu khổ sau vui:** Có người lúc đầu nghèo khổ, sau đó dần dần giàu sang hưởng thụ khoái lạc. Ấy chính là đời trước của người đó, nghe người khuyên dẫn, bố thí ít tài vật, sau khi xả thí, trong lòng vô cùng hoan hỷ, thế nên đời nay đặng quả báo này.

¹³³ **Đầu khổ sau cũng khổ:** Có người một đời đều bị sinh hoạt khốn khổ gian nan, đó chính là họ ở đời trước đã không có người khuyên dẫn làm việc phước đức bố thí, tự mình cũng không biết đạo lý cầu phước, hơn vì đời trước không tu ruộng phước, nên đời nay cùng khổ suốt đời.

¹³⁴ **Đầu vui sau cũng vui:** Có người đời trước sớm tin kính ngôi Tam Bảo, gởi gắm các thiện trí thức, hiểu biết đạo lý rộng tu phước điền, hoan hỷ bố thí, do đó đời nay trước sau đều gặp sinh hoạt an vui tốt đẹp.

¹³⁵ **Nghèo mà ưa bố thí:** Có người ở đời quá khứ, ưa làm việc bố thí, trở thành tập quán, chuyển sanh đời này, tuy là nghèo cùng, ưa thích bố thí. Đời trước dù tu ruộng phước nhưng hơn duyên đời nay hãy còn chưa thuần thực, nên vẫn còn sinh hoạt nghèo cùng.

¹³⁶ **Giàu mà bôn sển tham lam:** Hơn đời quá khứ được người khuyên nhắc, ngẫu nhiên bố thí, đời nay khéo gặp hơn duyên được phước báo. Vì hơn quá khứ chưa nuôi thành tập quán bố thí, đời nay tuy giàu mà vẫn bôn sển tham lam.

phước¹³⁷. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh nghèo nàn mà lại bòn sẻn tham lam¹³⁸. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được thân vui mà tâm không vui¹³⁹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh được tâm vui mà thân chẳng vui¹⁴⁰.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh thân và tâm đều vui¹⁴¹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh thân tâm cả hai đều không vui¹⁴². Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh mạng sống lâu tuy hết nhưng nghiệp

¹³⁷ **Giàu mà hay bố thí:** Vì quá khứ ưa bố thí, đời nay được phước báo. Vì đời quá khứ thích bố thí thành tập quán, đời nay vẫn ưa bố thí.

¹³⁸ **Nghèo mà lại bòn sẻn tham lam:** Vì đời quá khứ chưa trồng ruộng phước, nay cảm khổ báo, như đời quá khứ chưa nuôi thành tập quán ưa bố thí, đời nay nghèo mà vẫn bòn sẻn tham lam.

¹³⁹ **Thân vui mà tâm không vui:** Người phàm phu có phước, giàu có của cải đầy đủ, nhu cầu không thiếu, thân hưởng thụ khoái lạc, nhưng còn là phàm phu, trong tâm vẫn có đủ tham, sân, si, phiền não. Do đó thường gặp khổ não trong tâm phát khởi. Cho nên nói tâm không vui.

¹⁴⁰ **Tâm vui mà thân không vui:** Đây là nói hàng La Hán không phước báo. La Hán dịch là Sát Tặc, như giết giặc phiền não, trong tâm yên tĩnh, nên nói tâm cảm an vui. Tuy chứng quả Thánh, còn có thân thể, cần sự ăn mặc, vì không phước báo, không có thí chủ, đời sống thiếu thốn, thường chịu khổ đói lạnh, nên thân không vui.

¹⁴¹ **Thân tâm đều vui:** Đây là nói hàng La Hán có phước báo, chứng quả Thánh, hưởng vui niết bàn. Vì có phước báo nên có đại thí chủ, ăn mặc không thiếu, nên nói thân tâm đều vui.

¹⁴² **Thân tâm đều không vui:** Đây là nói phàm phu thiếu phước, đã chịu khổ nghèo cùng, đói lạnh, thiếu thốn, thân chịu đau khổ, như sự cùng khổ, thường khởi phiền não. Tác động trong tâm, lo rầu khổ não, nên tâm cũng không vui.

không hết¹⁴³. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh nghiệp kia tuy hết nhưng mạng căn không hết¹⁴⁴.

Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh nghiệp và mạng đều hết¹⁴⁵. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh nghiệp cùng mạng cả hai đều không hết¹⁴⁶, nhưng hay đoạn trừ tất cả phiền não. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh, sanh nơi đường ác, hình dung kỳ diệu, mặt mày sáng sủa, da thể sáng đượm, người thấy vui vẻ¹⁴⁷. Hoặc có nghiệp,

¹⁴³ **Thọ mạng hết, nghiệp không hết:** Nếu có người tạo ác nghiệp rất nặng, chịu khổ báo nơi địa ngục. Tuy từ địa ngục ra nhưng còn dư báo, hoặc chuyển sanh các địa ngục nhỏ, hoặc sanh trong loài quý đỏi, trong loài súc sanh, nên nói thọ mạng hết mà nghiệp không hết.

¹⁴⁴ **Nghiệp hết, mạng không hết:** Ấy là nói nghiệp đen trắng, trắng đen. Trắng là nói nghiệp lành; đen là nói nghiệp dữ. Hoặc có chúng sanh ở trong nghiệp lành mà tạo tác nghiệp dữ, ở trong nghiệp dữ mà tạo tác việc lành. Suốt cả cuộc đời, chịu nhiều các thứ nghiệp báo, nên nói nghiệp hết mà mạng không hết.

¹⁴⁵ **Nghiệp và mạng đều hết:** Hoặc có chúng sanh, trong đời quá khứ, tạo các nghiệp lành và dữ, mà cảm đến đời nay. Hoặc mang thân trời hay người, hoặc ở trong ba đường ác, một đời chịu xong, nghiệp báo trả hết, mạng cũng kết thúc, nên nói là nghiệp và mạng đều hết.

¹⁴⁶ **Nghiệp và mạng đều không hết:** Đây là nói nghiệp Thánh, cũng như, nếu có chúng sanh đã đoạn kiến hoặc, chứng quả Tu Đà Hoàn, thường sanh trong cõi người, cõi trời, hằng lìa khổ ba đường ác, cho đến, nếu chứng quả A La Hán, hằng liễu thoát sanh tử, chứng vào Niết bàn, nên nói nghiệp cùng mạng đều không hết.

¹⁴⁷ **Sinh nơi đường ác, hình dung kỳ diệu:** Đây là nói chúng sanh, khi làm người, hành sự dâm dục nhiều, sau khi chết, chuyển sanh con đường ác, như loại cầm bay, lông cánh tuyệt đẹp, hình thể kỳ diệu, người thấy ưa thích.

hay khiến chúng sanh sinh nơi đường ác, hình dung xấu xí, thân thể thô kịch, người không ưa thấy¹⁴⁸. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh sinh trong đường ác, thân miệng thối nhơ, các giác quan tàn khuyết¹⁴⁹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh tập làm các việc thế gian, hành động mười nghiệp không lành, bị ngoài ác báo¹⁵⁰. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh tập làm mười nghiệp lành trong thế gian, đặng ngoài phước báo thù thắng¹⁵¹. Hoặc có nghiệp, hay khiến chúng sanh lễ Phật, cúng dường tháp

¹⁴⁸ **Sinh nơi đường ác, hình dung xấu xí:** Đây là nói chúng sanh nhiều giận tức, người khi nghe hơi thấy sắc, diện mạo dữ tợn, hơi thể hung ác, người khác thấy rồi, rất là sợ hãi. Do đó chuyển sanh vào con đường ác, hình dung xấu xí, da thể khô cứng, như rắn mãng xà, cạp, sói v.v...

¹⁴⁹ **Sanh trong đường ác, thân miệng hôi nhơ:** Đây là nói chúng sanh nhiều ngu si, lý trí không rõ biết, khó biện luận phải quấy, lành dữ, tà chánh v.v... Do nhân duyên ấy, phần nhiều tạo nghiệp phi pháp, khi chuyển sanh vào đường ác, thân miệng hôi thối, các giác quan tàn khuyết, như loài thú tộc v.v...

¹⁵⁰ **Mười nghiệp không lành, đặng ngoài ác báo:** Hư không mười phương, vô lượng thế giới, có cõi nước thanh tịnh, có cõi nước ô uế, tịnh uế, khổ vui. Tuy nhiên không đồng, cơ bản nguyên nhơn đều do tất cả hành vi của chúng sanh. Nên trong Kinh nói: “Tâm tịnh thì cõi nước tịnh.” Chúng ta đồng ở thế giới Ta Bà này (dịch là Kham Nhẫn) là cõi ác ô uế, đều do sự chiêu cảm mười nghiệp không lành, cộng nghiệp của chúng sanh.

¹⁵¹ **Mười nghiệp lành, đặng ngoài phước báo:** Chờ đợi khi Phật Di Lặc ra đời, vì tất cả chúng sanh thực hành mười nghiệp lành. Nhân dân thời đó, mạng sống lâu tám muôn bốn ngàn tuổi, cõi nước bình than, gió hòa mưa thuận, năm giống lúa được mùa, hòa hài dung thông, không có các tai biến. Từ ô uế biến thanh tịnh đều nhơn tâm chúng sanh từ mười điều ác chuyển thành mười điều thiện vậy.

miếu¹⁵², đặng mười thứ công đức phụng
cúng tràng phan¹⁵³, bảo cái¹⁵⁴, đặng mười
thứ công đức; phụng cúng chuông, cúng
linh¹⁵⁵, đặng mười thứ công đức; phụng
cúng y phục¹⁵⁶, đặng mười thứ công đức;
phụng cúng các đồ thờ phượng, đặng mười
thứ công đức; phụng cúng dụng cụ pháp
bảo, đặng mười thứ công đức; phụng thí đồ
ăn đồ uống¹⁵⁷, đặng mười thứ công đức;
phụng thí giày dép, đặng mười thứ công
đức; phụng cúng hương hoa, đặng mười thứ
công đức; phụng cúng đèn nến¹⁵⁸, đặng

¹⁵² **Lễ Phật tháp miếu:** Tháp là chỗ phụng cúng xá lợi của chư Phật, Bồ Tát. Chùa miếu là nơi cúng thờ kinh tượng Tam Bảo. Nếu ai hay cung kính lễ bái, dùng mười nghiệp lành này hay đặng mười thứ công đức.

¹⁵³ **Tràng phan:** Tràng là lá cờ may bằng vải hay lụa. Phan là thân phan treo ở trước Phật hay Bồ Tát. Tràng phan là đồ để trang nghiêm Phật sự, tiêu biểu oai đức, cúng dường ngôi Tam Bảo.

¹⁵⁴ **Bảo cái:** Dùng tảng lọng ngọc báu trang sức nơi Phật, Bồ Tát, hoặc nơi Pháp sư giảng kinh v.v... Chỗ treo trên tòa cao.

¹⁵⁵ **Chuông linh:** Chính là các nơi trong chùa tháp mỗi khi xướng niệm, sử dụng một thứ ở trong pháp khí cúng dường Tam Bảo cũng hay đặng mười thứ công đức.

¹⁵⁶ **Phụng cúng y phục:** Là Phật, Bồ Tát và Tăng chúng, đồ y phục đặng cúng dường cũng đặng mười thứ công đức.

¹⁵⁷ **Phụng cúng đồ ăn uống:** Dùng các đồ uống, đồ dùng và thực phẩm, cúng Phật và chúng tăng, cũng đặng mười thứ công đức.

¹⁵⁸ **Phụng cúng đèn nến:** Ở trước Phật, Bồ Tát suốt năm thắp đèn dầu sáng, cũng đặng mười thứ công đức.

mười thứ công đức; cung kính chấp tay¹⁵⁹,
đặng mười thứ công đức. Đây là lược nói
pháp môn các nghiệp sai biệt.

Phật bảo trưởng giả Thủ Ca: “Có mười thứ
nghiệp, hay khiến cho chúng sanh bị quả
báo đoan mạng. Những gì là mười?

Một là tự mình làm việc sát sanh.

Hai là khuyên người khác làm sự sát sanh.

Ba là khen ngợi phương pháp sát sanh.

Bốn là thấy người khác giết tùy hỷ.

Năm là đối với chỗ người oán ghét, muốn
khiến cho họ tan diệt.

Sáu là thấy họ, oán diệt rồi, tâm sanh hoan
hỷ.

Bảy là phá hoại thai tạng của người khác.

¹⁵⁹ **Cung kính chấp tay:** Thấy các chùa tháp và hình tượng Phật, Bồ Tát, rồi đem tâm chí thành cung kính, hai tay chấp lại bái xá
lễ lạy.

Tám là dạy người hủy hoại.

Chín là kiến lập chùa viện để giết hại chúng sanh.

Mười là tự làm việc chiến đấu, hoặc khiến người làm, lẫn nhau tàn hại.

Do mười nghiệp trên, bị quả báo đoản mạng.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh, đặng quả báo sống lâu. Những gì là mười?

Một là tự mình không việc sát sanh.

Hai là khuyên người khác không nên sát sanh.

Ba là khen ngợi sự không giết hại chúng sanh.

Bốn là thấy người khác không sát sanh, tâm sanh hoan hỷ.

Năm là thấy bị người giết, phương tiện cứu khỏi.

Sáu là thấy người sợ chết, bố thí pháp vô úy.

Bảy là thấy các hoạn khổ, khởi tâm từ bi cứu giúp.

Tám là thấy các nạn cấp bách, khởi tâm đại bi cứu độ.

Chín là đem các đồ ăn uống, bố thí cho chúng sanh.

Mười là tâm lúc nào cũng thương nghĩ đến chúng sanh.

Làm mười nghiệp đó, đặng phước báo sống lâu.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh, mắc nhiều quả báo bệnh hoạn. Những gì là mười?

Một là ưa thích đánh giết chúng sanh.

Hai là khuyên người khác đánh giết.

Ba là khen ngợi phương pháp đánh giết.

Bốn là thấy người đánh giết sanh tâm hoan hỷ.

Năm là não loạn¹⁶⁰ cha mẹ, khiến tâm cha mẹ lo buồn.

Sáu là não loạn Thánh hiền.

Bảy là thấy kẻ oán¹⁶¹ bệnh khổ, tâm rất hoan hỷ.

Tám là thấy người oán bệnh lành, tâm sanh không vui.

Chín là khi kẻ oán bệnh, không cho thuốc trị.

¹⁶⁰ **Não loạn cha mẹ:** Ở trước cha mẹ hay bậc hiền Thánh, cử chi thô tháo vọng động, lời thô tiếng ác, hoặc thiếu lễ độ, khiến cha mẹ, ... khởi tâm phiền não.

¹⁶¹ **Kẻ oán:** Người cùng chính mình có sự thù hận lẫn nhau.

Mười là đồ ăn trước chưa tiêu hóa, lại ăn tiếp nữa¹⁶².

Do mười nghiệp ấy, quả báo bị nhiều bệnh khổ.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh, quả báo ít bệnh. Những gì là mười?

Một là không thích đánh giết tất cả chúng sanh.

Hai là khuyên người khác không nên đánh giết.

Ba là khen ngợi phương pháp không đánh giết.

Bốn là thấy người không đánh giết sanh tâm hoan hỷ.

¹⁶² **Đồ ăn trước chưa tiêu hóa lại ăn tiếp nữa:** Chính là trong đêm hôm trước, những vật thực đã ăn, còn chưa tiêu hóa, sáng nay lại ăn tiếp, dễ dàng sanh bệnh. “Bệnh tùng khẩu nhập.”

Năm là cung cấp nuôi dưỡng cha mẹ mình và các bịnh nhơn.

Sáu là thấy các vị hiền Thánh có bịnh hoạn, phải thăm viếng, săn sóc, cung cấp, nuôi dưỡng các thứ.

Bảy là kẻ oán bịnh lành, tâm sanh hoan hỷ.

Tám là thấy các người bịnh khổ, giúp thuốc hay, cùng khuyên người khác giúp cho.

Chín là đối với chúng sanh bị bịnh khổ liền khởi tâm từ mẫn.

Mười là đối với các sự ăn uống, hay tự tiết lượng.

Do mười nghiệp tốt ấy, đặng quả báo ít bịnh.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh đặng quả báo xấu xí. Những gì là mười?

Một là ưa hành động giận tức¹⁶³.

Hai là ôm lòng hiềm hận¹⁶⁴.

Ba là cuồng hoặc người khác¹⁶⁵.

Bốn là não loạn chúng sanh.

Năm là đối với cha mẹ không có tâm kính ái.

Sáu là đối với bậc hiền Thánh không sanh tâm cung kính.

Bảy là xâm lấn tư sanh của hiền Thánh và các ruộng nghiệp¹⁶⁶.

Tám là đối với chỗ tháp miếu của Phật, dứt hẳn ánh sáng của đèn¹⁶⁷.

¹⁶³ **Hành động giận tức:** Người mà tâm giận tức quá nặng, gặp những việc tâm không thuận, ưa khởi lên lòng giận tức, cần phải tu phép quán từ bi thì lòng giận tức tiêu diệt.

¹⁶⁴ **Ôm lòng hiềm hận:** Những người lòng giận quá nặng, người khác gặp mặt không nhận thấy được, thường ôm lòng hiềm hận, trải qua thời gian lâu không quên, phải tu phép quán từ bi.

¹⁶⁵ **Cuồng hoặc:** Cuồng là đối trá, hoặc là mê loạn. Dùng phương pháp này não hại chúng sanh, đều là nghiệp xấu.

¹⁶⁶ **Xâm lấn tư sanh của Hiền Thánh:** Những người tu hành chứng quả, đều gọi là Hiền Thánh. Nếu xâm phạm hoặc cướp đoạn trên tư sanh của các ngài, chẳng hạn như phẩm vật và y thực.

Chín là thấy người xấu xí chê bai khinh
tiện¹⁶⁸.

Mười là làm các hạnh ác.

Do mười nghiệp ấy, phải mắc phải quả báo
xấu xí.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng
sinh đặng quả báo đoạn trang, nghiêm
chánh. Những gì là mười?

Một là không giận tức.

Hai là hay bố thí áo mặc.

Ba là ái kính cha mẹ và bậc tôn trưởng.

Bốn là tôn trọng đạo đức hiền Thánh.

Năm là hằng thường sơn thếp, quét dọn tịnh
xá, tháp Phật¹⁶⁹.

¹⁶⁷ **Đứt hấn yển sáng của đèn:** Ví như có người dâng hiến đèn dầu cúng Phật, nhưng không thành thật sử dụng đèn dầu kia. Tư dụng ăn xài...

¹⁶⁸ **Thấy người xấu xí, chê bai khinh tiện:** Thấy người xấu xí, khởi tâm nhòm gớm khinh tiện, cùng gia tâm dùng lời nói ác cười chê v.v....

Sáu là quét dọn sạch sẽ nơi điện vũ.

Bảy là sửa sang tu bổ thánh địa tăng già lam (chùa)¹⁷⁰.

Tám là dọn quét, sai tịnh tháp Phật.

Chín là thấy kẻ quê mùa, không sanh tâm khinh tiện, khởi lòng cung kính.

Mười là thấy ngoài đoan trang nghiêm chánh, hiểu ngộ hơn đời trước, biết cảm động có phước đức.

Do mười nghiệp ấy, nên được phước báo thân đoan trang nghiêm chánh.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh đặng quả báo oai thế nhỏ. Những gì là mười?

¹⁶⁹ **Hàng thường sơn thép, quét dọn tịnh xá tháp Phật:** Như chùa tháp Phật và tịnh xá, lâu năm không tu bổ. Ai mà phát tâm rộng lớn, ra tiền ra sức, sửa sang bồi đắp, làm lại như mới.

¹⁷⁰ **Sửa sang tu bổ tăng già lam:** Tăng gọi là hòa hợp, bốn người trở lên gọi là hòa hợp Tăng. Già lam dịch là viên lâm. Nói đủ là “**chúng Tăng viên lâm.**” Nếu phát tâm xuất tiền, ra sức, sửa sang vườn rừng, chỗ chúng Tăng ở, đất đai cao thấp không bằng, làm lại cho bằng phẳng.

Một là đối với chúng sanh khởi tâm ganh ghét¹⁷¹.

Hai là thấy kẻ khác được lợi, sanh tâm không ưa.

Ba là thấy kẻ khác mất lợi, tâm sanh hoan hỷ.

Bốn là thấy người khác đặng có danh dự, khởi tâm xấu ghét.

Năm là nếu thấy kẻ khác mất danh dự, tâm rất hân hoan¹⁷².

Sáu là thoái tâm bồ đề¹⁷³, chê bai hình tượng Phật.

Bảy là ở chỗ cha mẹ mình và hiền Thánh, không có tâm cung phụng.

¹⁷¹ **Khởi tâm ganh ghét:** Đối với những ai hơn mình, ôm lòng ganh ghét hoặc đố kỵ.

¹⁷² **Tâm rất hân hoan:** Lòng quá vui mừng. Ý nói mọi việc hằng ngày tâm lúc nào cũng hoan hỷ trong ánh đạo từ bi.

¹⁷³ **Thoái tâm bồ đề:** Bồ đề dịch là giác đạo. Chính là lui mất tâm tu giác ngộ đạo Đại Thừa.

Tám là chỉ khuyên người tu tập, tạo nghiệp oai thể nhỏ.

Chín là ngăn chặn tu hành của kẻ khác, tạo nghiệp có oai thể nhỏ.

Mười là thấy ai có oai đức kém, tâm sanh khinh tiện.

Do mười nghiệp ấy, đặng quả báo oai thể nhỏ.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh đặng quả báo oai thể lớn. Những gì là mười?

Một là đối với chúng sanh tâm không ganh ghét.

Hai là thấy người khác được lợi lạc, tâm sanh hoan hỷ.

Ba là thấy kẻ khác mất lợi, khởi tâm thương xót.

Bốn là thấy người khác đặng danh dự cao, tâm sanh vui vẻ.

Năm là thấy ai mất danh dự, ôm lòng lo buồn.

Sáu là phát tâm bồ đề, tạo hình tượng Phật, phụng cúng tràng phan, bảo cái.

Bảy là ở chỗ cha mẹ mình và hiền Thánh, cung kính phụng nghinh.

Tám là khuyên người xả bỏ nghiệp oai thế nhỏ.

Chín là khuyên người tu hành cái nghiệp oai đức lớn.

Mười là thấy kẻ không oai đức, không sanh tâm khinh tiệt.

Do mười nghiệp ấy, đặng quả báo oai thế vĩ đại.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào chủng tộc hạ tiện. Những gì là mười?

Một là không biết kính cha.

Hai là không biết kính mẹ.

Ba là không biết kính vị Sa Môn¹⁷⁴.

Bốn là không biết kính Bà La Môn¹⁷⁵.

Năm là đối với các thầy bạn, tôn trọng tâm không kính ngưỡng.

Sáu là đối với các bậc sư trưởng, không phụng nghinh cúng dường.

¹⁷⁴ **Sa Môn:** Dịch là Càn Tức. Chính là siêng tu giác đạo, ý nói dứt hết phiền não. Từ xưa bên Ấn Độ, không luận là ngoại đạo hay Phật giáo, phàm người xuất gia đều gọi là Sa Môn.

¹⁷⁵ **Bà La Môn:** dịch là Tịnh Hạnh, một trong bốn giai cấp của thời cổ Ấn Độ. Bà La Môn là dòng quý tộc.

Bảy là thấy các bậc tôn trưởng, không nghinh đón thỉnh ngồi.

Tám là đối với cha mẹ, không tuân theo lời dạy khuyên.

Chín là đối với bậc hiền thánh cũng không thọ lãnh lời dạy.

Mười là khinh khi miệt thị kẻ hạ tộc.

Do mười nghiệp ấy, nên bị quả báo sanh vào chủng tộc hạ tiện.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh được phước báo sanh vào hàng quý tộc thượng lưu. Những gì là mười?

Một là khéo biết kính cha.

Hai là khéo biết kính mẹ.

Ba là khéo biết kính Sa Môn.

Bốn là khéo biết kính Bà La Môn.

Năm là kính hộ bậc tôn trưởng.

Sáu là phụng nghinh sư trưởng.

Bảy là thấy các bậc tôn trưởng ,tiếp rước mời ngồi.

Tám là đối với cha mẹ, kính thọ lời dạy khuyên.

Chín là đối với bậc hiền Thánh, tôn kính thọ lãnh lời dạy.

Mười là không khinh khi kẻ hạ tộc.

Do mười nghiệp ấy, nên được phước báo sanh vào hàng quý tộc thượng lưu.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo đời sống hãm hiu. Những gì là mười?

Một là tự mình làm sự trộm cắp.

Hai là khuyên người khác trộm cắp.

Ba là khen ngợi sự trộm cắp.

Bốn là thấy người trộm cắp hoan hỷ.

Năm là ở chỗ cha mẹ giảm lần sanh nghiệp¹⁷⁶.

Sáu là ở chỗ hiền Thánh, xâm lấn tài sản.

Bảy là thấy người khác lợi ích tâm không hoan hỷ.

Tám là làm lưu nạn cho người khác, ngăn chặn lợi lộc đến cho người khác.

Chín là thấy người khác làm việc bố thí, tâm không tùy hỷ.

Mười là thấy người đời đói khát, tâm không thương xót, lại sanh tâm hoan hỷ.

¹⁷⁶ **Giảm lần sanh nghiệp:** Giảm là giảm thiểu; lần là dần dần; sanh là sinh hoạt trong các nhu cầu cần thiết; nghiệp là ba nghiệp: thân, miệng và ý của chính mỗi người. Thân luôn đôn trang nghiêm chánh. Miệng thường thính an mọi việc. Ý thường tưởng nhớ sự an vui khỏe mạnh của mẹ cha v.v...

Do mười nghiệp ấy, nên bị quả báo đời sống
hầm hiu.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng
sinh đặng quả báo đời sống dư dả. Những gì
là mười?

Một là tự họ xa lìa sự trộm cắp.

Hai là khuyên người không nên trộm cắp.

Ba là khen ngợi những ai không trộm cắp.

Bốn là thấy người không trộm cắp tâm sanh
hoan hỷ.

Năm là chỗ cha mẹ, sanh nghiệp cung
phụng.

Sáu là đối với các bậc hiền Thánh tôn
trưởng, cúng dường các đồ cần dùng.

Bảy là thấy người khác được lợi lộc, tâm
sanh vui mừng.

Tám là thấy người cầu lợi, dùng phương tiện trợ giúp.

Chín là thấy người ưa bố thí, tâm sanh hoan lạc.

Mười là nếu khi thấy người đời đói khát, tâm sanh thương xót.

Do mười nghiệp ấy, nên được quả báo đời sống dư dả.

Lại có mười nghiệp, hay khiến cho chúng sanh bị quả báo tâm trí tà kiến. Những gì là mười?

Một là không thể thừa hỏi¹⁷⁷ tâm lớn trí tuệ của Sa Môn và Ba La Môn.

Hai là nói rõ pháp ác¹⁷⁸.

¹⁷⁷ **Thừa hỏi:** Chính là ý tứ thương lượng, hỏi han, thưa thỉnh...

¹⁷⁸ **Nói rõ pháp ác:** Rõ là công khai, công khai các việc xã hội. Pháp ác là học thuyết tà ác, mê loạn xã hội, mê hoặc lòng người, đổi vào học thuyết tư tưởng tà mê.

Ba là không thể tu tập chánh pháp¹⁷⁹.

Bốn là khen ngợi pháp không đúng mà cho là pháp đúng.

Năm là bôn sên pháp không nói ra.

Sáu là gần gũi trí tà¹⁸⁰.

Bảy là xa lìa trí chánh¹⁸¹.

Tám là khen ngợi thực hành pháp tà kiến¹⁸².

Chín là xả bỏ chánh kiến¹⁸³.

Mười là nếu thấy người ác ngu si, khinh tiệt chê bai.

¹⁷⁹ **Chánh pháp:** Chính là đối với đạo lý các pháp; thật tướng, tương ưng, hòa hình chơn lý hướng thượng, và pháp tác hy vọng thành Hiền, thành Thánh.

¹⁸⁰ **Trí tà:** Chính là người có tư tưởng tà ác, như là dùng các văn tự chỉ cách trộm cắp, tà dâm, hoặc đem tư tưởng xấu và công cụ của tà giáo ngoại đạo v.v...

¹⁸¹ **Trí chánh:** Chính là những người có đạo đức chánh thông, có tư tưởng học vấn, như các hàng đệ tử chân chánh của Phật và thiện tri thức v.v...

¹⁸² **Tà kiến:** Đại khái chia ra năm thứ: 1. Tát ca gia kiến, dịch là thân kiến, chấp chắc thân năm ấm là ta, sanh ra nhiều mê lầm. 2. Biên kiến là chấp đoạn, chấp thường. 3. Tà kiến là tà ngộ lầm giải không nhơn quả. 4. Kiến thủ là chẳng phải quả, chấp là quả, như cho vô tướng là loại chứng niết bàn. 5. Giới cấm thủ là chẳng phải nhơn chấp là nhơn, như giữ giới trâu, giới chó v.v... Các hạng cầu sanh lên các cõi trời.

¹⁸³ **Chánh kiến:** Không có năm thứ tà kiến là chánh kiến.

Vì mùi nghiệp ấy, mắc quả báo tâm trí tà kiến.

Lại có mùi nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo trí tuệ chánh kiến. Những gì là mùi?

Một là hay thưa hỏi trí tuệ thông minh¹⁸⁴ của các Sa Môn và Bà La Môn.

Hai là nói rõ pháp lành.

Ba là nghe rồi nghe trì, hoảng hốt chánh pháp¹⁸⁵.

Bốn là nghe nói chánh pháp, khen lời lành thay.

Năm là ưa nói pháp yếu¹⁸⁶ chơn chánh.

Sáu là gần gũi người chánh trí huệ.

¹⁸⁴ **Trí huệ thông minh:** Trí sáng thông thái, ý nói có minh lợi, có trí, trí óc hoàn toàn sáng suốt.

¹⁸⁵ **Nghe trì, hoảng hốt chánh pháp:** Lắng nghe chánh pháp, ghi nhớ không quên, gọi là **nghe trì**, đồng thời lại phải cho người khác nghe, nên gọi là **hoảng**. Hoặc khi chánh pháp bị hủy báng và phá hoại... phải hết lòng bảo **hộ**.

¹⁸⁶ **Pháp yếu:** Chính là chỗ trọng yếu trong Phật pháp...

Bảy là gìn giữ nhiếp hóa hộ trì chánh pháp¹⁸⁷.

Tám là tinh tấn cần mẫn tu tập đa văn¹⁸⁸.

Chín là lìa người ác tà kiến.

Mười là thấy người si ác, không sanh tâm khinh tiện.

Do mười nghiệp ấy, đặng phước báo trí tuệ chánh kiến.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo địa ngục. Những gì là mười?

Một là thân nghiệp hành động ác nặng¹⁸⁹.

Hai là khẩu nghiệp nói lời ác nặng nề¹⁹⁰.

¹⁸⁷ **Gìn giữ nhiếp hóa, hộ trì chánh pháp:** Đối với ba tạng kinh điển, là đệ tử Phật, có tâm gìn giữ, dùng cho thất lạc, không cho hoại; phụng trì và phát dương. Trách nhiệm phải gìn giữ và hộ trì.

¹⁸⁸ **Đa văn:** Đối với ba tạng, mười hai bộ kinh là giáo pháp năm thừa, phải có lòng nghiên cứu, đọc, học cho sâu rộng.

¹⁸⁹ **Thân hành ác nghiệp nặng:** Thân tạo ba thứ ác nghiệp: sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Hành lạc không nhằm chán, không biết hổ thẹn, cũng không sám hối.

¹⁹⁰ **Khẩu hành ác nghiệp nặng:** Miệng tạo nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác, nói thêu dệt. Bốn thứ ác nghiệp về miệng, ưa nói không nhằm chán, không biết hổ thẹn, cũng không sám hối.

Ba là ý nghiệp suy nghĩ ác hại¹⁹¹.

Bốn là khởi tâm đoạn kiến¹⁹².

Năm là sanh tâm thường kiến¹⁹³.

Sáu là khởi chấp không nguyên nhân¹⁹⁴.

Bảy là khởi chấp không tạo tác¹⁹⁵.

Tám là khởi chấp không tri kiến¹⁹⁶.

Chín là khởi chấp biên kiến¹⁹⁷.

Mười là không biết trả ơn¹⁹⁸.

¹⁹¹ **Ý suy nghĩ ác hại:** Ý phát ba thứ ác nghiệp là tham lam, giận tức và si mê. Ưa phát ra không môi chán, không biết hổ thẹn, mà cũng không sám hối.

¹⁹² **Đoạn kiến:** Người chết như đèn tắt, đâu có sanh tử luân hồi, nhơn quả nghiệp báo chẳng qua khuyên người làm lành, dạy người học các điều tốt thôi. Có người quan niệm như thế, xưng là đoạn kiến.

¹⁹³ **Thường kiến:** Người chết rồi vẫn chuyển sanh làm người, súc sanh chết chuyển sanh làm súc sanh, đâu có nghiệp báo dữ lành, đạo lý luân hồi trong sáu đường. Người có tư tưởng như thế, xưng là thường kiến.

¹⁹⁴ **Chấp không nguyên nhân:** Đời này kết quả chịu khổ và hưởng phước, hoàn toàn do tự nhiên hoặc là do sự an bày của Thượng Đế, gặp gỡ của chính mình, đều không nguyên nhơn là từ quá khứ làm lành làm ác. Người có tư tưởng như thế, gọi là chấp không nguyên nhân.

¹⁹⁵ **Chấp không tạo tác:** Không tạo tác tức là phủ nhận luật nhân quả tự mình làm tự mình chịu. Do kiến giải nầy, đại để vọng vi, tạo các nghiệp ác. Kết quả lại từ mình lãnh đủ.

¹⁹⁶ **Chấp không tri kiến:** Phàm chỗ hiểu biết của chính mình, không thể hiểu biết, đều không cùng tin là có, như bốn quả của Tiểu Thừa, quả Phật Bích Chi. Tam Hiền, thập Thánh, quả Bồ Tát cho đến quả Phật vô thượng. Đó là cảnh vực của Thánh Hiền, chẳng phải chỗ đến của phàm phu, đều nhận là không có, nên nói chấp không tri kiến.

¹⁹⁷ **Chấp biên kiến:** Chấp chúng sanh là có đầu có cuối, chấp thế gian là thường, là vô thường, cũng phi thường, cũng phi vô thường, ngã và thế gian, bốn câu là có biên, không biên v.v... Kêu là biên kiến.

Do mười nghiệp trên, mắc quả báo địa ngục.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo súc sanh. Những gì là mười?

Một là thân nghiệp hành động ác vừa vừa¹⁹⁹.

Hai là khẩu nghiệp nói lời ác trung bình.

Ba là ý nghiệp suy nghĩ việc ác tâm thường.

Bốn là từ tham phiền não, khởi lên các nghiệp xấu²⁰⁰.

Năm là từ giận phiền não, khởi lên các việc ác²⁰¹.

Sáu là từ si phiền não, khởi lên các việc xấu²⁰².

¹⁹⁸ **Không biết trả ơn:** Như cha mẹ, sư trưởng, nước nhà và người khác đối với ta có chỗ ơn huệ, đều không biết báo đáp v.v... Đó là bốn ơn.

¹⁹⁹ **Thân nghiệp hành động ác vừa vừa:** Vừa vừa trong vừa vừa là trung phẩm. Cũng như giết súc sanh, không dám giết người, trộm cắp tài vật người khác, không dám làm quá mạnh. Người nữ đối với nam có ý ân ái, lén lút qua lại, không dám cưỡng gian phụ nữ người khác. Như thế đều là ác nghiệp trung phẩm. So với ác nghiệp trong miệng và ý, cũng giải như thế.

²⁰⁰ **Từ tham phiền não, khởi các nghiệp xấu:** So sánh cũng như sên, lẩn, tiếc v.v... đều do trong tham mà sanh ra, nhon đó mà tạo ra các nghiệp ác.

²⁰¹ **Từ giận phiền não, khởi các nghiệp xấu:** So sánh cũng như hờn, phẫn uất, giận, ganh ghét v.v... đều do trong giận tức sanh ra, nhon đó mà tạo ra các nghiệp xấu.

Bảy là chê bai mắng nhiếc chúng sanh²⁰³.

Tám là não hại chúng sanh²⁰⁴.

Chín là bỏ thí vật bất tịnh²⁰⁵.

Mười là làm hạnh tà dâm²⁰⁶.

Do mười nghiệp này, mắc phải quả báo làm loài súc sanh.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo làm loài quỷ đói. Những gì là mười?

Một là thân nghiệp hành động ác nhẹ²⁰⁷.

Hai là khẩu nghiệp nói lời ác nhẹ.

²⁰² **Từ si phiền não, khởi các nghiệp xấu:** So sánh cũng như ngu mê, vô minh, không rõ sự lý. Đối với lành dữ, phải quấy, tà chánh, phân biệt không rõ ràng, đều do trong si mê mà sanh ra, hơn đó mà tạo ra các nghiệp xấu.

²⁰³ **Chê bai mắng nhiếc chúng sanh:** Dùng lời ác, tiếng xấu, nhục mạ chửi rủa các chúng sanh.

²⁰⁴ **Não hại chúng sanh:** Ngược đãi chúng sanh, khiến các chúng sanh khởi nhiều khổ não.

²⁰⁵ **Thí vật bất tịnh:** Đem các vật không tinh khiết, không trong sạch, các thực phẩm thừa thãi, cúng phụng Tam Bảo, cha mẹ, thầy tổ, đều là không phước đức, trái lại còn bị lỗi lầm.

²⁰⁶ **Làm hạnh tà dâm:** Không phải là vợ cưới hỏi của mình, mà làm sự dâm dục, đều gọi là tà dâm cả.

²⁰⁷ **Thân hành động ác nghiệp nhẹ:** Nhẹ là nhẹ nhỏ, là hạ ác phẩm. Sánh như không loạn giết, như gặp thời kỳ cúng tế thần linh, đãi khách hay làm tiệc cho thân hữu, mà giết loài súc sanh, hoặc có ý hay không ý, làm sự giết hại, đều là ác hạ phẩm. Khẩu nghiệp và ý nghiệp cũng giải thích như thế.

Ba là ý nghiệp suy nghĩ việc ác nhẹ.

Bốn là khởi lòng tham lam nhiều²⁰⁸.

Năm là khởi ý ác tham lam²⁰⁹.

Sáu là khởi tâm ganh ghét.

Bảy là có tâm tà kiến.

Tám là có tâm bôn sên, ái trước trong cuộc sống, liền khiến mạng chung²¹⁰.

Chín là bệnh khốn, như đói mà chết²¹¹.

Mười là não bức khô khát mà chết²¹².

Do mười nghiệp này, mắc quả báo làm loài quý đói.

²⁰⁸ **Khởi lòng tham lam nhiều:** Những tham lam vô lý, những ham muốn quá phần, đều gọi là tham lam nhiều.

²⁰⁹ **Khởi ác ý tham lam:** Như bị tài vật, hoặc vô lý, hoặc quá phần, cùng người tranh chấp, như đó mà phát sanh khẩu thiệt đả phá, đấu tranh đều gọi là ý ác tham lam.

²¹⁰ **Bôn sên ái trước trong cuộc sống, liền bị mạng chung:** Bôn sên thành tánh, ái vật như mạng sống, như chấp trước này, tưởng niệm không quên, sau khi mạng chung để vào trong đường quý đói.

²¹¹ **Bệnh khốn như đói mà chết:** Bệnh khô ở thân, trong bệnh tuy cảm thấy đói khát, nhưng không thể ăn nuốt, như đây mà chết, cũng gieo như chánh quý đói mà chết, rồi vào con đường kia.

²¹² **Não bức khô khát mà chết:** Như mùa hạ nắng nóng khô cháy, tiết trời khô ráo, nóng não bức thân, cũng không nước uống, như đây mà chết, hoặc đốt cao quá độ mà chết.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo a tu la. Những gì là mười?

Một là thân nghiệp hành động ác nhỏ²¹³.

Hai là khẩu nghiệp nói lời ác vi tế.

Ba là ý nghiệp suy nghĩ tạo ác vi tế.

Bốn là giữ tâm kiêu mạn²¹⁴.

Năm là hành vi ngã mạn²¹⁵.

Sáu là luôn luôn tăng thượng mạn²¹⁶.

Bảy là đại ngã mạn²¹⁷.

Tám là hành động tà mạng²¹⁸.

²¹³ **Thân nghiệp hành động ác nhỏ:** Nhỏ là nhỏ nhít, khó cảm giác, khó xét thấy. Con đường a tu la có thiện hạ phẩm làm nhơn kia. Hai nghiệp khẩu và ý cũng lại như vậy.

²¹⁴ **Kiêu mạn:** Ý mình có việc hưng thịnh mà tâm cao ngạo gọi là kiêu. Ý mình mà lấn lướt kẻ khác gọi là mạn. Đều là chạy theo phiền não.

²¹⁵ **Ngã mạn:** Chấp trước có ngã và có ngã sở mà khiến tâm cao cử.

²¹⁶ **Tăng thượng mạn:** Như người tu hành chưa chứng được Thánh đạo, mà cứ nói là chính mình đã chứng được Thánh đạo.

²¹⁷ **Đại ngã mạn:** Do ngã mạn trong phiền não, đã khởi tâm tự tôn tự đại.

²¹⁸ **Tà mạng:** Là xong việc ác, nương ác cao cử, như chày vào người ác, dối ép lương thiện.

Chín là mạn quá mạn²¹⁹.

Mười là xa các căn lành, hướng về con đường a tu la.

Do mười nghiệp, nên bị quả báo thành a tu la.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo làm người. Những gì là mười?

Một là không sát sanh.

Hai là không trộm cắp.

Ba là không tà dâm.

Bốn là không nói dối²²⁰.

Năm là không nói lời thêu dệt²²¹.

Sáu là không nói lưỡi hai chiều²²².

²¹⁹ **Mạn quá mạn:** Người khác hơn mình rất xa, mà nói chính mình là hơn ai hết.

²²⁰ **Không nói dối:** Lời nói thật tại, đáng lẽ, nói lời không dối trá.

²²¹ **Không nói thêu dệt:** Không nói những lời không ý nghĩa. Không trau chuốt lời nói.

Bảy là không nói lời hung ác²²³.

Tám là không tham lam.

Chín là không giận tức.

Mười là không tà kiến, đối với mười nghiệp lành, khiếm khuyết không hoàn toàn.

Do mười nghiệp ấy, nên được quả báo sanh trong loài người.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo sanh lên cõi trời Lục Dục. Ấy là đầy đủ đức nhiệm mầu thù thắng, tu hành tăng tiến mười điều thiện.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh được quả báo sanh về cõi trời Sắc. Ấy là

²²² **Không nói lưỡi hai chiều:** Không đến bên này nói xấu bên kia; đến bên kia nói xấu bên này. Không nói kia đây lật lọng phải trái.

²²³ **Không nói lời hung ác:** Không ác ý hại người, không nói lời ác mắng người.

chuyên tâm tu hành mười nghiệp thiện hữu lậu²²⁴, cùng định tương ưng²²⁵.

Lại có bốn nghiệp, hay khiến chúng sanh được phước báo sanh về cõi trời Vô Sắc.

Một là vượt qua tất cả sắc tướng, dứt tướng hữu đối²²⁶ v.v... vào nơi định Không Xứ.

Hai là vượt qua tất cả định Không Xứ²²⁷, vào định Nhứt Thiết Thức Xứ.

Ba là vượt qua định Nhứt Thiết Xứ²²⁸, vào định Vô Sở Hữu Xứ.

²²⁴ **Mười nghiệp thiện hữu lậu:** Là mười điều thiện thượng phẩm, vì chưa diệt được phiền não kiết sử, nên vẫn là mười điều thiện hữu lậu.

²²⁵ **Cùng định tương ưng:** Là bốn thứ thiền định, trước đã giải, không trái nhau gọi là tương ưng.

²²⁶ **Vượt qua tất cả sắc tướng, dứt tướng hữu đối:** Diệt ba thứ sắc, có thể thấy sắc hữu đối, không thể thấy sắc hữu đối, không thể thấy sắc vô đối. Trong kinh nói: Qua tất cả sắc tướng, diệt sắc hữu đối, không nghĩ các thứ tướng, vào chỗ hư không vô biên. Trong Ma Ha Điền nói: Qua tất cả sắc tướng, phá có thể thấy sắc hữu đối, dứt tướng hữu đối, phá không thể sắc hữu đối, không nghĩ các thứ tướng, dứt không thể thấy sắc vô đối. Ấy là do cõi Sắc, phải đến cõi Vô Sắc, phải phá ba sắc, tức có thể thấy hữu đối, không thể thấy hữu đối, không thể thấy vô đối.

²²⁷ **Qua tất cả định không xứ:** Ấy là do không xứ đến thức Xứ. Có hai phương pháp: 1. Quả chê không xứ, khen ngợi thức xứ. 2. Quán phá không xứ, hệ duyên suy nghĩ thức xứ.

²²⁸ **Vượt qua định nhứt thiết thức xứ:** Đây là do thức xứ đến chỗ vô sở hữu xứ. Cũng có hai phương pháp: 1. Chê trách quá hoạn thức xứ. 2. Quán hạnh tu tập, bỏ lia thức xứ, ràng buộc tâm vào vô sở hữu xứ.

Bốn là vượt qua định Vô Sở Hữu Xứ²²⁹, vào định Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Nhờ bốn định nghiệp này, đặng phước báo sanh lên cõi trời Vô Sắc.

Lại có nghiệp, hay khiến cho chúng sanh đặng quả báo quyết định: Nếu có người nào đối với Phật, Pháp, Tăng và chỗ người trì giới²³⁰, dùng tâm tăng thượng²³¹, trang trọng bổ thí, đem thiện nghiệp này, phát nguyện hồi hướng²³², liền được vãng sanh. Ấy gọi là nghiệp báo quyết định.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh đặng quả báo bất định: Không phải là tâm tạo tác

²²⁹ **Vượt qua định vô sở hữu xứ:** Đây là do vô sở hữu xứ đến phi tướng phi phi tướng xứ. Cũng có hai cách. 1. Quờ trách, sâu biết lỗi lầm trong không tướng là vô sở hữu xứ định như si mê, như say rượu, như ngu, như tối, vô minh che lấp, không giác ngộ; không chỗ ưa vui. 2. Quán hạnh, về sau biết lỗi lầm, liền phải bỏ lia thì vào được định phi hữu tướng phi vô tướng xứ vậy.

²³⁰ **Chỗ người trì giới:** Chính là ở trước vị Tỷ kheo xuất gia giữ giới thanh tịnh.

²³¹ **Tâm tăng thượng:** Chính là tâm kiên thành cung kính phi thường.

²³² **Phát nguyện hồi hướng:** Đem công đức bổ thí để làm tư lương, đem tâm nguyện vọng sở phát, nguyện sanh về cõi Tịnh, nguyện sanh về cõi Trời, hồi hướng tư lương công đức này, hướng về cõi Tịnh, hoặc cõi trời kia để làm nơi quy hướng tối hậu.

tăng thượng đồng mãn²³³, lại không tu tập²³⁴, cũng không phát nguyện hồi hướng thọ sanh. Ấy gọi là nghiệp báo bất định.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh mắc quả báo sanh nơi biên địa: Nếu có chúng sanh đối với Phật, Pháp, Tăng, người thọ trì tịnh giới và chỗ đại chúng ở, tâm đồng mãn bồ thí, đem căn lành này, nguyện sanh về nơi biên địa. Do ý nguyện này, liền sanh nơi chốn biên địa, thọ quả báo tịnh và bất tịnh²³⁵.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh đặng quả báo sanh giữa nước: Nếu khi tác nghiệp, đối với Phật, Pháp, Tăng, ở bên người thanh tịnh trì giới phạm hạnh và chỗ đại chúng,

²³³ **Không phải là tâm tạo tác tăng thượng đồng mãn:** Nhơn vì có người lòng tin chưa mạnh, còn có lòng nghi, do đó chưa phát khởi đến tâm trân trọng, rồi nửa tin nửa nghi đi làm việc này việc nọ.

²³⁴ **Lại không tu tập:** Chính là không tu tập công đức bồ thí, miệng nói không, không phát nguyện, không chỗ biểu hiện, khó thu hiệu nghiệm chơn thật.

²³⁵ **Thọ quả báo tịnh và bất tịnh:** Chốn biên địa sinh hoạt khó khăn, văn hóa chưa triển khai, ăn mặc thiếu thốn nên gọi là bất tịnh. Vì phát nguyện muốn sanh đến chốn biên địa, hóa độ chúng sanh là tâm đại Bồ Tát, nên nói là tịnh.

vượt hơn trang trọng, tăng thượng bố thí, lại đem căn lành này, quyết định phát nguyện, cầu sanh giữa đất nước, lại được gặp Phật và nghe chánh pháp, thọ lãnh pháp thượng diệu, quả báo thanh tịnh.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh đọa nơi địa ngục, đến hết tuổi thọ: Nếu có chúng sanh, tạo nghiệp địa ngục rồi, không hổ thẹn²³⁶, không nhàm lìa, tâm không sợ hãi, lại sanh lòng hoan hỷ, không bao giờ sám hối²³⁷, mà lại tạo nghiệp mãi, chồng thêm ác nghiệp, như ông Đề Bà Đạt Đa²³⁸ v.v... do

²³⁶ **Không hổ không thẹn:** Hổ là hổ với trời, còn thẹn là thẹn với người, sợ hãi trời người hiểu biết tội lỗi, cho nên không dám làm ác. Không tâm hổ thẹn, chính là không có tâm lành này, làm ác không sợ. Hổ là mình không làm ác, thẹn là không dám dạy người khác làm, vì không hổ thẹn, nên tự mình làm và bảo người khác làm, hay khắp đến tất cả. Hổ là tự trong tâm mình hổ thẹn, thẹn là hay thối lộ với người, như thế là hay tự mình ngăn ác, cũng hay cảm động người khác. Trong tâm sanh lòng hổ thẹn gọi là hổ, đối ngoại sanh lòng hổ thẹn gọi là thẹn. y theo phương pháp tự mình, sùng trọng hiền thiện là hổ, y theo sức chê bai của thế gian, khinh khi bạo ác là thẹn, vì không tâm hổ thẹn, đã không sợ những người hiền thiện quở trách, lại không sợ sự chê trách thóa mạ của người. Như thế trên thân ác nghiệp, quyết chịu ác quả vị lai chắc chắn.

²³⁷ **Không sám hối:** Chữ **Sám** là trình bày các lỗi, phát ra các lầm lẫn, không dám che dấu giữ kín. Chữ **Hối** là dứt tâm nói tiếp, ăn năn bỏ lìa tâm hay tạo tội bị làm, hạp lại bỏ hết. Tội nghiệp quá lớn, nếu ở trước Tam Bảo thành tâm sám hối, tội nặng trở thành nhẹ, tội nhẹ được dứt hết, thoát khỏi được khổ báo. Vì không biết sám hối, nghiệp trước chưa giải tỏa, lại tạo nghiệp mới, thế nên trọn đời phải chịu khổ lớn.

²³⁸ **Đề Bà Đạt Đa:** Tên người. Dịch là Thiên Nhiệt, là con của Vua Hộc Phạn, bào huynh của A Nan, em con nhà chú của đức Phật, xuất gia học đạo. Thầy có ba mươi tướng tốt, hay tụng sáu muôn pháp tạng, vì lợi dưỡng, tạo ba nghịch tội, không biết sám hối, sanh đọa trong địa ngục, chịu khổ vô lượng.

nghiệp như thế, đọa đến hết tuổi thọ nơi địa ngục.

Lại có nghiệp, khiến chúng sanh đọa nơi địa ngục đến nửa tuổi thọ²³⁹, chưa hết mạng sống lâu. Nếu có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, chứa nhóm thành thực, sau sanh tâm sợ hãi²⁴⁰, hổ thẹn nhàm lìa, sám hối xả bỏ, không có tâm tăng thượng. Do tạo nghiệp ấy, đọa nơi địa ngục, sau biết ăn năn, chịu khổ nửa chừng, không hết tuổi thọ kia.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh đọa nơi địa ngục, tạm vào liền ra: Nếu có chúng sanh, tạo nghiệp địa ngục, tạo rồi lo sợ, khởi tâm tăng thượng²⁴¹, sanh lòng hổ thẹn, giải tỏa nghiệp xấu, hết lòng sám hối, không tạo

²³⁹ **Đến nửa tuổi thọ:** Đọa vào địa ngục, nên chịu một kiếp, hoặc khổ trong nhiều kiếp, đến nửa cuộc đời, khiến phải mạng chung.

²⁴⁰ **Sau sanh tâm sợ hãi:** Sợ là sợ sệt, **hãi** là hãi hùng lo âu. Trước tạo ác nghiệp, về sau khởi tưởng, trong lòng sanh khởi tâm lý sợ sệt lo âu, khởi tâm hổ thẹn, trước Phật sám hối, từ đây xa lìa các tội lỗi.

²⁴¹ **Khởi tâm tăng thượng:** Chính là hiểu biết tạo các ác nghiệp, tương lai quyết định chịu khổ lớn. Dem tâm chí thành, trước Phật sám hối, dứt tâm nối tiếp, lại không tạo nữa, hơn vì tâm chí thành trân trọng, hay tiêu ác nghiệp, gọi là tâm tăng thượng.

nghiệp đó nữa. Như Vua A Xà Thế²⁴², về tội giết cha, tạm vào địa ngục, liền được giải thoát. Lúc ấy đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*“Nếu người tạo tội nặng,
Làm rồi, sau tự trách,
Sám hối không tái phạm,
Hay nhờ nghiệp căn bản.”*

Lại có nghiệp, tạo tác mà không huân tập: Nếu có chúng sanh, thân, miệng, ý, v.v... tạo các nghiệp ác, tạo rồi sợ hãi, hổ thẹn xa lìa vứt bỏ, sau tự hối trách²⁴³ lại không tạo nữa. Ấy gọi là tạo tác mà không huân tập.

²⁴² **Vua A Xà Thế:** Dịch là Vị Sanh Oán. Khi Phật còn tại thế là Quốc vương nước Ma Kiệt Đà. Cha tên là Tần Bà Sa La, mẹ ngài tên là Vi Đề Hy. Khi bà mẹ mang thai, thầy tướng đoán rằng: Hải nhi nầy quyết định hại lại ông cha nên khởi danh Vị Sanh Oán. Chính là trước khi chưa sanh, đã có ý kết oán. Sau khi Thái tử A Xà Thế lên ngôi, liền kết với bạn ác là Đề Bà Đạt Đa, hạ ngục Vua cha, sau đó cầm cổ mẫu hậu. Vua cha bị đói mà chết. Ông làm vua, thôn tính các nước nhỏ, oán chán bốn lân bang. Nhơn tội hại cha, toàn thân sanh ghè dữ, tâm rất sợ hãi nã nẽ, sanh lòng hổ thẹn, đích thân đến chỗ Phật, cầu cầu sám hối, ghè ác bình phục. Sau khi Phật nhập niết bàn, năm trăm vì A La Hán, kết tập kinh Phật, vua A Xà Thế nhiệt tâm hộ pháp, chấn hưng hoàng hóa Phật Pháp, ra sức hộ trì rất là vĩ đại.

²⁴³ **Sau tự hối trách:** Tự mình sâu thêm tự trách tâm mình tối tăm, sanh lòng ăn năn hối cải.

Lại có nghiệp, huân tập mà không tạo tác:
Nếu có chúng sanh, tự mình không tạo tác
nghiệp, đem tâm ác, tâm xấu²⁴⁴, khuyên
người làm việc ác việc xấu.

Ấy gọi lại huân tập mà không tạo tác.

Lại có nghiệp, cũng tạo tác mà cũng huân
tập: Nếu có chúng sanh, tạo các nghiệp ác
rồi, tâm không cải hối, mà cứ tạo mãi, còn
khuyên người khác làm.

Ấy gọi là cũng tạo tác mà cũng huân tập.

Lại có nghiệp, không tạo tác, không huân
tập: Nếu có chúng sanh, tự mình không tạo
nghiệp, không khuyên người tạo nghiệp,
không ghi nhận nghiệp²⁴⁵, v.v...

²⁴⁴ **Tâm ác tâm xấu:** Một việc thiện ác, đều trước do một niệm của tâm, vì nguyên nhân đó, **căn thân** của nhà Nho, **thiền quán** của cửa Phật đều là công phu trị tâm. Nếu hay tu đến tâm không khởi niệm ác, hoặc nếu khởi lập tức điều phục, dứt sự vô hình. Ấy là người chơn dụng công. Nếu khởi tâm ác, không luận tự mình thân miệng làm ác, hoặc là dạy người khác làm ác, ác nghiệp mà đã thành hình, đều chịu quả khổ chắc chắn.

²⁴⁵ **Không ghi nhận nghiệp:** Không ghi nhận tức là vô ký. Chính là đối với công việc của người làm, đều là dùng thái độ công bình hợp lý. Tuy nhiên nói không đề cao việc tốt, chỉ một việc phê phán mà thôi, không dám nói hoại diệt. Tình hình như thế, tức là không phải thiện, không phải ác, cho nên gọi là vô ký nghiệp.

Ấy gọi là không tạo tác mà cũng không huân tập.

Lại có nghiệp, ban đầu vui, về sau khổ: Nếu có chúng sanh, được người khuyến khích, hoan hỷ làm việc bố thí, lòng bố thí không kiên trì²⁴⁶, sau lại ăn năn thoái chí.

Do nhơn duyên đó, sống ở cõi đời, trước tuy giàu vui, sau lại nghèo khổ. Ấy gọi là trước vui sau khổ.

Lại có nghiệp, ban đầu khổ, về sau vui: Nếu có chúng sanh, vì người khuyên dạy, miễn cưỡng làm chút ít bố thí, nhưng thí rồi rất hoan hỷ, tâm không hối tiếc. Do nhân duyên ấy, sống trong cõi đời, lúc ban đầu nghèo khổ, sau lại giàu vui. Thế nên gọi là ban đầu khổ, về sau vui.

²⁴⁶ **Bố thí không kiên trì, sau lại ăn năn:** Nhon người khuyên, gắng gượng xả thí của cải, vì lòng bố thí không kiên trì, tâm cứ nghĩ tài vật, do đó sau lại ăn năn.

Lại có nghiệp, lúc đầu khổ về sau cũng khổ:
Nếu có chúng sanh lìa khỏi thiện tri thức,
không người khuyên dạy, cho đến không
bao giờ làm chút huệ thí. Do nhân duyên ấy,
sống trong cõi đời, lúc đầu nghèo khổ, về
sau cũng bị nghèo khổ.

Lại có nghiệp, ban đầu vui, về sau cũng vui:
Nếu có chúng sanh, gần gũi thiện tri thức,
khuyên nhắc làm việc bố thí, liền sanh tâm
hoan hỷ, kiên trì thực hành bố thí²⁴⁷.

Vì nhơn duyên ấy, sanh ở nhơn gian, lúc đầu
giàu vui, về sau cũng vẫn giàu vui.

Lại cũng có nghiệp, nghèo mà ưa bố thí:
Nếu có chúng sanh, trước từng làm việc bố
thí²⁴⁸, không gặp ruộng phước, lưu chuyển
trong đường sanh tử, ở trong nhơn đạo, vì

²⁴⁷ **Kiên trì thực hành nghiệp bố thí:** Bố thí độ trong sáu độ muôn hạnh, nếu gặp nhơn duyên hoặc nhiều hoặc ít mà thí cho.

²⁴⁸ **Trước từng bố thí không gặp ruộng phước:** Trong thời quá khứ, hành nghiệp bố thí, nên nói trước từng làm việc bố thí, chỉ đời nầy nhơn duyên chưa thành thực, chưa gặp đến phước báo nên nói không gặp ruộng phước.

không gặp ruộng phước, quả báo kém khuyết, khi thì được, khi thì mất, do huân tập việc bố thí, mặc dù ở trong cảnh nghèo cùng, nhưng vẫn làm hạnh bố thí.

Lại có nghiệp, giàu mà vẫn xan tham: Nếu có chúng sanh, chưa từng bố thí, gặp thiện tri thức, tạm làm một lần bố thí, gặp được ruộng phước tốt, do ruộng phước tốt ấy, cuộc sống đầy đủ, trước không huân tập, tuy giàu mà vẫn xan tham²⁴⁹.

Lại có nghiệp, giàu mà hay bố thí: Nếu có chúng sanh, gặp thiện tri thức, nhiều năm tu nghiệp bố thí²⁵⁰, chiếm ruộng phước tốt.

Do nhơn duyên ấy, giàu sang nhiều cửa, mà làm hạnh bố thí mãi mãi.

²⁴⁹ **Trước không huân tập, tuy giàu mà vẫn xan tham:** Nhơn đời quá khứ, vì chưa từng tu tập bố thí, đời nay tuy giàu có, nhưng tâm vẫn xan tham, không chịu xả thí.

²⁵⁰ **Gặp thiện tri thức, nhiều năm tu nghiệp bố thí:** Ở đời quá khứ, rõ biết một vị là người có đạo đức từ thiện, biết rõ đạo lý, làm việc bố thí có phước báo, nhơn đây thường xả thí tài vật.

Lại có nghiệp, nghèo mà lại xan tham: Nếu có chúng sanh, xa lìa thiện tri thức, không người khuyên dạy, cũng không thể làm việc bố thí.

Do non duyên ấy, sanh ở chỗ nghèo cùng mà lại vẫn xan tham.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, đặng thân vui mà tâm không vui, như hàng phàm phu có phước.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, đặng tâm vui mà thân không vui, như bậc La Hôn không phước báo.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, đặng thân tâm đều vui, như các vị La Hôn có nhiều phước báo.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, bị thân tâm đều không vui, như hàng phàm phu không có phước báo.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, mạng hết mà nghiệp không hết: Nếu có chúng sanh từ địa ngục chết, lại sanh vào địa ngục, ngựa quỉ, súc sanh, cho đến trời, người, a tu la v.v... cũng lại như thế. Ấy gọi là mạng hết mà nghiệp không hết.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, nghiệp hết mà mạng không hết: Nếu có chúng sanh vui hết thọ khổ, khổ hết thọ vui v.v... Ấy gọi là nghiệp hết mà mạng không hết.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, nghiệp và mạng đều hết: Nếu có chúng sanh, từ địa ngục diệt, sanh trong loài súc sanh, và quỉ đỏi cho đến trời, người, a tu la v.v... Ấy gọi là nghiệp và mạng đều hết.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, nghiệp và mạng đều không hết: Nếu có chúng sanh, hết các phiền não. Ấy gọi là Tu Đà Hoàn²⁵¹, Tư Đà Hàm²⁵², A Na Hàm²⁵³, A La Hối²⁵⁴ v.v...ấy gọi là nghiệp và mạng đều không hết.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh, mặc dù sanh trong đường ác, hình dung thù

²⁵¹ **Tu Đà Hoàn:** Dịch là Dự Lưu, tức là dự vào dòng Thánh đạo, tức là sơ quả trong bốn quả của Thỉnh Văn thừa, đoạn kiến hoặc tám mươi tám sử, quả vị đã chứng. Tám mươi tám (88) sử là gì? Phiền não chia ra làm tham lam, giận ức, si mê, ngã mạn, nghi ngờ, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Mười thứ kiết sử này, chính là chỗ mê: Lý phân biệt của khổ, tập, diệt, đạo, bốn chơn lý. Thông nơi cõi Dục có 32, cõi Sắc có 28, và cõi Vô Sắc, có 28. Hợp chung là 88 kiến hoặc. Chữ sử là thế nào? Chính là tự mình không thể làm chủ, hoàn toàn chịu sự sai khiến của phiền não. Nếu nghe được chánh pháp ngộ hiểu lý không, chóng dứt kiến hoặc vào dòng Thánh đạo vậy.

²⁵² **Tư Đà Hàm:** Dịch là Nhứt Lai. Tư hoặc chia làm ba cõi chín địa, phải tu hành làm đạo mới đoạn. Tính cõi Dục là một địa. Cõi Sắc bốn địa. Mỗi địa chia có chín phẩm. Người chứng quả Tư Đà Hàm đã đoạn sáu phẩm trước trong chín phẩm cõi Dục, còn phải đến hơn gian một lần nữa, đoạn ba phẩm khác, nên gọi là Nhứt Lai.

²⁵³ **A Na Hàm:** Dịch là Bất Lai. Người này đã đoạn hết chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục, hằng lia cõi Dục, còn phải ở trong cõi Sắc, Vô Sắc thọ dự sanh từ...

²⁵⁴ **A La Hối:** Dịch là vô Sanh, đã đoạn hết tư hoặc ba cõi, hằng dứt sanh tử luân hồi trong ba cõi. Cũng gọi là Sát Tặc, giết hết giặc phiền não. Cũng nói là Ứng Cúng, La Hán là ruộng phước cõi người, cõi trời, kham thọ đồ cúng dường của trời, người vậy.

diệu²⁵⁵, mặt mày đoan nghiêm²⁵⁶, da thể sáng nhuận²⁵⁷, người thấy hoan hỷ.

Nếu có chúng sanh, như tham dục phiền não²⁵⁸, khởi nghiệp phá giới²⁵⁹.

Do như duyên ấy, tuy sanh trong đường ác, thân thể sạch sẽ, sắc mặt đoan trang, da thể sáng sủa, người thấy cảm mến.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh sanh trong đường ác, hình dung xấu xí, da thể thô kịch²⁶⁰, người thấy không vui: Nếu có chúng

²⁵⁵ **Hình dung thù diệu:** Hình là thân hình, dung là diện mạo. Thù là thù thắng, diệu là mỹ diệu phần nhiều thuộc về các loài chim rất đẹp đẽ.

²⁵⁶ **Đoan nghiêm:** Đoan là đoan chánh. Nghiêm là nghiêm lệ. Lý ý nói được đoan trang nghiêm chánh mỹ lệ vậy.

²⁵⁷ **Da thể sáng nhuận:** Da thể hình tướng phi thường sáng đẹp, trắng tươi, mịn màng, giống như lông lông cánh các loài chim, tươi sáng đáng yêu.

²⁵⁸ **Như tham dục phiền não:** Dục, chính là dâm dục, giống như lửa dục đốt tâm, dễ phạm tà dâm.

²⁵⁹ **Khởi nghiệp phá giới:** Làm cho người nên giữ đức tánh bốn phần bên trong, như là năm giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, trong cửa Phật. Nhà Nho thì nói là năm thường: Nhon, lễ, nghĩa, trí, tín. Nếu phạm tức là khởi nghiệp phá giới.

²⁶⁰ **Da thể thô kịch:** Thô là xấu, kịch là không sáng mịn. Ý nói không nhuần nhuyễn như các loài cọp, beo, hùm, sói, rắn, mãng xà...

sanh từ giận phiền não²⁶¹, khởi nghiệp phá giới.

Do nhơn duyên ấy, sanh trong đường ác, hình dung thô xấu²⁶², da thể đen đui, người không ưa thấy.

Lại có nghiệp, hay khiến chúng sanh sanh nơi đường ác, thân miệng hôi hám, các giác quan tàn khuyết: Nếu có chúng sanh, từ si mê phiền não²⁶³, khởi nghiệp phá giới.

Do nhơn duyên ấy, sanh trong đường ác, thân miệng hôi hám, các căn tàn khuyết²⁶⁴.

Lại có mười nghiệp, hay khiến chúng sanh, đặng ngoài ác báo. Những gì là mười? Nếu

²⁶¹ **Từ giận phiền não:** Giận là phiền não căn bản, là hung ác, ý nói là độc ác. Ai lòng giận quá mạnh, ưa giết hại chúng sanh, kết thành các việc oán thù đấu tranh, sau khi chết chuyển vào trong các loài cạp, beo, hùm, sói, rắn, rết...

²⁶² **Hình tướng thô xấu:** Khi lòng giận khởi lên, mặt mày đôi sắc, thái độ hung hăng, khác hẳn thường khó coi. Nghiệp nhơn như thể thì quả báo cũng như thế.

²⁶³ **Từ si mê phiền não:** Si là phiền não căn bản, ngu muội, vô tri, không rõ sự lý.

²⁶⁴ **Thân miệng hôi hám, các căn tàn khuyết:** Trong ba đường ác, đều có chúng sanh như thế, nhưt là loài thủy tộc, thân thể thô xấu tanh hôi. Các giác quan không hoàn toàn, đều có si nghiệp đầy đủ.

có chúng sanh đối với mười nghiệp bất thiện, nhiều thời gian tu tập, cảm các vật bên ngoài, đều không được đầy đủ²⁶⁵.

Một là vì nghiệp sát sanh, nên các quả báo bên ngoài, quả đất khô cằn, cỏ cây không còn sức sống.

Hai là vì nghiệp trộm cắp, nên cảm thông bên ngoài, sương gió bất thường, khiến các loài bò, bay, máy, cựa v.v... khiến đời đời khát.

Ba là vì nghiệp tà dâm, nên cảm gió mưa dữ dội, và các trần ai.

Bốn là vì nghiệp nói dối, nên cảm sanh vật bên ngoài, thấy đều hôi hám.

²⁶⁵ **Đối với mười nghiệp bất thiện, nhiều thời gian tu tập, cảm các vật bên ngoài, đều không được đầy đủ:** Chúng sanh là chánh báo, thể giới là y báo, y tùy chánh chuyên. Do đó, chúng sanh đều tạo ác nghiệp, như công nghiệp chiêu cảm, gây khiến thể giới tất cả vật dụng thiếu thốn không đủ. Đơn cử vì chúng sanh tạo nghiệp ác, gây cảm thể giới, mỗi chúng loại có hiện tượng bất lương, do đó chúng sanh đều ở trong gian nan khổ khổ, bốn ba lao ký, muôn pháp đều do tâm, tâm ở trong, pháp ở ngoài, lãnh dữ của tâm hay chuyên biến tịnh uế của ngoại cảnh.

Năm là vì nghiệp nói dối đôi chiều, nên cảm đất đai bên ngoài, cao thấp không bằng, núi cao, gò trũng, hầm hố chông gai.

Sáu là vì nghiệp ác khẩu, nên cảm sanh bên ngoài, nhiều ngói đá cát sạn, các vật thô nhọn, không thể tiếp xúc gần gũi.

Bảy là vì nghiệp nói lời thêu dệt, nên cảm sanh quả báo bên ngoài, khiến cảm sanh quả báo bên ngoài, khiến cỏ cây vườn rừng, nhánh héo lá rụng.

Tám là vì nghiệp quá tham lam, nên cảm sanh quả báo bên ngoài, khiến các ruộng lúa, lúa mạ hư hao.

Chín là vì nghiệp giận tức, nên cảm sanh nghiệp bên ngoài, khiến các cây cối khô cằn hư hại.

Mười là vì nghiệp tà kiến, nên cảm sanh quả báo bên ngoài, ngô, đậu không tốt, thu hoạch ít ỏi.

Do mười nghiệp như thế, nên bị ác báo bên ngoài.

Lại có mười nghiệp, được thắng báo bên ngoài: Nếu có chúng sanh, thật hành mười nghiệp lành, cùng trên trái nhau²⁶⁶, phải biết liền được mười thắng báo bên ngoài.

Nếu có chúng sanh, cung kính lễ lạy, các đức Phật và tháp miếu, được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là được sắc đẹp tiếng tốt²⁶⁷.

Hai là khi nói ra lời gì, mọi người tin phục²⁶⁸.

²⁶⁶ **Thật hành mười nghiệp lành, cùng trên trái nhau:** Nếu tất cả chúng sanh đều thật hành mười nghiệp lành, chiêu cảm thế giới, mười thứ thắng báo bên ngoài, cùng với mười nghiệp bất thiện ở trước, chiêu cảm mười thứ ác báo bên ngoài, phản ảnh trái nhau.

²⁶⁷ **Được sắc đẹp tiếng tốt:** Da thể hồng hào sáng đẹp, tiếng giọng hòa nhã ngọt ngào.

Ba là có đủ bản lãnh ở trong đại chúng không sợ²⁶⁹.

Bốn là trời người trong thế gian đều ái mộ.

Năm là đầy đủ oai thế.

Sáu là oai thế với chúng sanh đều đến gần gũi.

Bảy là thường được thân cận với chư Phật, Bồ tát.

Tám là đủ phước báo vĩ đại.

Chín là sau khi chết sanh về cõi trời²⁷⁰.

Mười là chóng chứng quả niết bàn²⁷¹.

Đó là lễ bái các đức Phật và tháp miếu, được mười thứ công đức.

²⁶⁸ **Nói ra lời gì mọi người tin phục:** Miệng nói ra tiếng nào, ai nấy đều tin phục vì đời trước nói lời thành thật.

²⁶⁹ **Ở trong chúng không sợ:** Trường hợp ở trước đại chúng, hoặc ở trên tòa cao diễn giảng, hoặc lãnh chúng nghị sự, tâm như Thái Sơn, không có khiếp sợ.

²⁷⁰ **Chết sanh về cõi trời:** Sau khi thọ mười thứ công đức thắng báo này, nhờ đó mạng chung, được sanh về cõi trời.

²⁷¹ **Chóng chứng niết bàn:** Ở nơi chùa tháp Phật, thành tâm lễ bái, hết lòng cung kính, chính đó là nhơn duyên thù thắng, cũng gọi là chánh nhơn xuất thế, nên có hy vọng chóng chứng bồ đề. Niết bàn dịch có nhiều nghĩa: Tịch tĩnh, an ổn, an lạc.

Nếu có chúng sanh, phụng cúng tràng phan bảo cái, được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là sống ở đời giống tàng lọng, che giúp chúng sanh.

Hai là thân tâm yên ổn, lìa các sự nóng bức.

Ba là tất cả được người thế gian kính trọng, không dám khinh mạn.

Bốn là có oai đức lớn.

Năm là thường được gần gũi các đức Phật, Bồ Tát, và làm bà con với những người có oai đức lớn.

Sáu là thường làm Chuyển Luân Thánh Vương²⁷².

²⁷² **Thường làm Chuyển Luân Thánh Vương:** Chuyển Luân Thánh Vương cai trị bốn châu thiên hạ, thân đủ 32 tướng tốt. Khi lên ngôi cầm trời giáng phi thuyền, cỡi phi thuyền kia, bay đi giữa hư không, oai phục bốn phương. Luận Câu Xá, quyển 12 nói: “Từ châu Nam Diêm Phù Đề này, người sống lâu vô lượng tuổi, cho đến tám muôn tuổi, có Chuyển Luân Vương ra đời. Khi giảm đến tám muôn tuổi, loài hữu tình giàu vui thọ lượng tổn giảm, các ác dần dần hưng thịnh, không phải khí cụ đại nhơn, nên không có Luân Vương. Vua này do luân triển cảm ứng hướng đạo, oai phục tất cả, gọi là Chuyển Luân Thánh Vương.”

Bảy là khuyển nhắc hằng làm thượng thủ, tu tập nghiệp lành.

Tám là đầy đủ đại phước báo.

Chín là sau khi chết sanh lên cõi trời.

Mười là mau chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng cúng tràng phan bảo cái, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng thí đồ pháp bảo, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là ở đời cũng như tràng phan bảo cái²⁷³, quốc vương đại thần, bạn lành tri thức, cung kính cúng dường.

Hai là giàu sang tự tại, đầy đủ của báu vĩ đại.

²⁷³ Ở đời cũng như tràng phan bảo cái: Đây là người sanh trong cõi đời: Đạo đức, tài học, giàu mạnh, siêu quần bạt chúng, cũng như tràng phan quý báu đứng giữa hư không, người đều hướng vọng, nên thọ ơn Quốc vương, đại thần, v.v... cung kính cúng dường vậy.

Ba là danh thơm lưu bố, khắp đến mười phương.

Bốn là hình mạo đoan trang nghiêm chánh, mạng sống lâu bền vững.

Năm là thường sanh ở chỗ nào, làm việc bố thí kiên cố.

Sáu là có tiếng đồn tốt khắp nơi.

Bảy là có uy đức vĩ đại.

Tám là sanh vào hàng thượng tộc.

Chín là thân hoại mệnh chung, sanh lên cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng thí đồ pháp bảo, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng cúng chuông, linh, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là đặng tiếng Phạm thiên²⁷⁴.

Hai là có tiếng tốt đồn xa.

Ba là tự biết mạng đời trước²⁷⁵.

Bốn là nói ra lời gì, người đều kính ái.

Năm là thường có bảo cái, để tự trang nghiêm cho mình.

Sáu là có chuỗi anh lạc tốt đẹp, để trang sức nơi mình.

Bảy là diện mạo đoan trang nghiêm chánh, người thấy ai cũng hoan hỷ.

Tám là đầy đủ phước báo rộng lớn.

²⁷⁴ **Đặng tiếng Phạm âm:** Dù có năm thứ thanh tịnh, gọi là tiếng Phạm âm: 1. Tiếng kia chánh trực. 2. Hòa nhã. 3. Thanh triệt. 4. Sâu dày. 5. Nghe xa giáp khắp.

²⁷⁵ **Tự biết mạng đời trước:** Chính mình hay biết nhiều đời quá khứ về trước, sanh đây chết kia, là nhơn gian, trên trời, là giàu sang, nghèo hèn, đều hay biết rõ ràng. Ấy gọi là biết mạng đời trước.

Chín là sau khi mệnh chung, sanh lên cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng cúng chuông, linh, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng thí y phục, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là mặt mày đoan trang nghiêm chánh.

Hai là da thân trắng mịn.

Ba là bụi nhơ không dính vào thân.

Bốn là đời sống tiện nghi đầy đủ, ăn mặc toàn đồ thượng diệu.

Năm là các đồ ngọa cụ tốt đẹp, che trùm thân thể.

Sáu là đầy đủ sự hồ thẹn.

Bảy là người thấy ai cũng ái kính.

Tám là đầy đủ của cải quý báu.

Chín là sau khi mệnh chung, thần thức sanh lên cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng thí y phục, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng thí các đồ đạc, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là ở đời như các đồ đạc hữu dụng²⁷⁶.

Hai là đặng pháp lành bền giác²⁷⁷.

Ba là lìa các khát ái²⁷⁸.

Bốn là nếu khát muốn có nước, suối trong vọt ra²⁷⁹.

²⁷⁶ **Ở đời như các đồ:** Như người đại tài ứng dụng, hay vì nhơn dân mưu cầu hạnh phúc, hay vì quốc gia cầu giàu mạnh.

²⁷⁷ **Đặng pháp lành bền giác:** Pháp lành căn nguyên kia, như một suối nước lớn, dùng đó không bao giờ hết, dùng pháp lành giáo hóa thế gian, ích lợi chúng hữu tình, cũng như bền nước, hay làm thấm nhuần lúa mạ, cây cối v.v...

²⁷⁸ **Lìa các khát ái:** Phạm là gặp đến sự tỉnh, tự mình hoan hỷ, đều hay như nguyện đã cầu, không nên như nước khát ái, nhưng khó đến đặng.

Năm là chết không bao giờ sanh vào loài quý đỏi²⁸⁰.

Sáu là đặng các đồ thượng diệu ở cõi đời.

Bảy là xa lìa bạn ác.

Tám là đầy đủ phước báo vĩ đại.

Chín là sau khi mệnh chung, sanh về cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng thí đồ đặc, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng thí đồ ăn uống, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là mạng căn vững bền²⁸¹.

²⁷⁹ **Như khát muốn có nước, suối trong vọt ra:** Nếu chạy đến đồng ruộng khô khan, chỗ không có nước, miệng khát, nghĩ đến nước, tự nhiên trong lòng đất vọt ra suối nước.

²⁸⁰ **Chết không sanh trong loài quý đỏi:** Do nhờ phụng thí các đồ tư sanh, được nhiều công đức. Từ đây hằng không chuyển sanh trong loài quý đỏi.

²⁸¹ **Đặng mạng:** Thọ mạng lâu dài, cuối cùng không chết yểu.

Hai là đặng thần sắc tươi nhuận²⁸².

Ba là đặng sức lực sung mãn²⁸³.

Bốn là được yên ổn và biện tài vô ngại²⁸⁴.

Năm là đặng chỗ không lo sợ²⁸⁵.

Sáu là có các sự biếng nhác, được đại chúng kính ngưỡng.

Bảy là vật thực thọ dụng không bao giờ thiếu thốn.

Tám là đầy đủ đại phước báo.

Chín là khi mệnh chung sanh về cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng thí đồ ăn uống, được mười thứ công đức.

²⁸² **Đặng sắc:** Khí sắc đầy đủ, hồng hào tươi nhuận..., sáng sạch thân tâm.

²⁸³ **Đặng sức:** Sức có thể mạnh mẽ, hăng lia sự yếu đuối...

²⁸⁴ **Được yên ổn, biện tài vô ngại:** Ở trong đại hội đến giảng, lời nói đủ biện tài, thao thao không dứt, làm cho mọi người thân tâm an lạc, không một chút lo sợ.

²⁸⁵ **Đặng chỗ không sợ sệt:** Trí nhọn mạnh mẽ, làm đại chúng kính trọng, nên nói là không sợ sệt.

Nếu có chúng sanh, phụng thí các giày dép, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?
Một là đầy đủ đồ thượng diệu²⁸⁶.

Hai là dưới chân luôn luôn được an bình²⁸⁷.

Ba là chân tay mềm mại²⁸⁸.

Bốn là bước xa nhẹ nhàng khỏe khoắn²⁸⁹.

Năm là thân không mệt mỏi²⁹⁰.

Sáu là chỗ đi đến không bị gai góc, sạn đá, không bị tổn hại đôi chân.

Bảy là đặng sức thần thông²⁹¹.

Tám là đủ các tiện nghi cung cấp, cần dùng²⁹².

²⁸⁶ **Đầy đủ đồ thượng diệu:** Chính là tự mình phải đủ có các con tuấn mã và chiếc xe rất lớn.

²⁸⁷ **Dưới chân an bình:** Mặt bàn chân bằng phẳng, không có lỗ hổng...

²⁸⁸ **Chân tay mềm mại:** Chính là chân và tay mềm mại như nhung lụa...

²⁸⁹ **Bước xa nhẹ nhàng, khỏe khoắn:** Đi theo đường xá, bước chân nhẹ nhàng, nhanh chóng, thân không mệt mỏi.

²⁹⁰ **Thân không mệt mỏi:** Thân thể khinh an, mạnh khỏe, theo tình hình không suy nhược, không uể oải, ốm đau.

²⁹¹ **Đặng sức thần thông:** Tương lai có khả năng chứng đặng thần túc thông.

Chín là khi mệnh chung, sanh về cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là phụng thí giày dép, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng cúng hương hoa, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là đời sống tươi đẹp như hoa²⁹³.

Hai là thân không hôi hám²⁹⁴.

Ba là phước thơm giới hương, bay khắp các phương sở²⁹⁵.

Bốn là tùy chỗ nào sanh ra, lỗ mũi không băng hoại²⁹⁶.

²⁹² **Đủ các tiện nghi cung cấp:** Trong nhà người giúp việc rất nhiều, dùng việc gì đều có người việc chu đáo, ân cần hầu hạ phục vụ.

²⁹³ **Đời sống tươi đẹp như hoa:** Làm người ở đời, thân tâm thanh tịnh, cũng như hoa sen, không nhiễm bùn nhơ.

²⁹⁴ **Thân không hôi hám:** Thân không có mùi hôi, ô uế khó chịu, từ thân lưu xuất ra.

²⁹⁵ **Phước thơm giới hương, khắp các phương sở:** Phước đức cùng giới đức, hơi thơm từ hai đức sanh ra, hay xông tỏa mười phương chúng sanh, thân tâm an ổn.

²⁹⁶ **Tùy chỗ sanh ra, lỗ mũi không băng hoại:** Đời đời kiếp kiếp lỗ mũi không thể tổn hại, có nghĩa là luôn luôn tỷ căn được thanh tịnh.

Năm là sống cuộc sống vượt hơn thế gian, được đại chúng quy ngưỡng²⁹⁷.

Sáu là thân thường thanh tịnh thơm tho²⁹⁸.

Bảy là thường ưa chánh pháp, thọ trì đọc tụng²⁹⁹.

Tám là đầy đủ phước báo rộng lớn.

Chín là khi mệnh chung, sanh lên cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là cúng hương hoa, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, phụng cúng đèn nến, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

²⁹⁷ **Vượt hơn thế gian, được đại chúng quy ngưỡng:** Phụng cúng hương hoa, thu hoạch nhiều công đức, từ ấy về sau, tài học và trí tuệ của họ và phẩm đức phước báo, đều hay vượt hơn người đời, được đại chúng quy ngưỡng kính trọng.

²⁹⁸ **Thân thường thanh tịnh thơm tho:** Thân sạch như ngọc, trần cấu không nhiễm, thân lưu xuất mùi thơm, phương phát đến mọi người, người đời rất ưa thân cận.

²⁹⁹ **Thường ưa chánh pháp, thọ trì đọc tụng:** Trong tâm tự nhiên sanh ra ưa vui Phật pháp, thường vui đọc tụng không bao giờ quên thọ trì thực hành.

Một là đời sống chiếu soi, như yển sáng của đèn³⁰⁰.

Hai là tùy theo chỗ nào sanh, nhục nhãn không hư hại³⁰¹.

Ba là khi ở trong loài người, chứng được thiên nhãn³⁰².

Bốn là đối với các pháp thiện ác, rõ biết thông suốt.

Năm là tùy theo chỗ diệt trừ các tối tăm³⁰³.

Sáu là đặng trí huệ sáng suốt.

Bảy là lưu chuyển trong thế gian thường không vào những chỗ hắc ám³⁰⁴.

³⁰⁰ **Đời sống chiếu soi như yển sáng đèn:** Nhờ công đức phụng cúng đèn sáng, trong tâm phát ra chánh trí, đối với các việc lành dữ, chánh tà, phải quấy v.v... của thế gian, đều hay rõ biết, cũng như đèn sáng, chiếu soi sự vật một cách rõ ràng.

³⁰¹ **Tùy chỗ sanh ra, nhục nhãn không hư hoại:** Do nhờ công đức mang đèn cúng Phật, đời đời kiếp kiếp, nhục nhãn không bị sanh mờ tối, cũng không bị ngoại vật làm tổn thương.

³⁰² **Loài người, chứng đặng thiên nhãn:** Một trong thứ mắt: Thiên nhãn có hai thứ: 1. Từ phước báo mà được. 2. Từ tu trì mà được. Đây là nhờ công đức cúng đèn, ở trong loài người hay được thiên nhãn. Đây là do phước báo mà được. Thiên nhãn thấy được chúng sanh trong ba cõi, sáu đường, hoặc xa, hoặc gần, hoặc thô, hoặc tế, các sắc tướng thấy đều soi thấy.

³⁰³ **Tùy theo chỗ diệt trừ các tối tăm:** Nhờ công đức cúng đèn, tùy theo chỗ sanh ra, không bị tối tăm nào hại, đều hay tiêu diệt các tối tăm. Tối tăm là trái lại với sáng suốt. Như chánh trị hắc ám, xã hội dân chúng phải lâm than.

Tám là đầy đủ phước báo to lớn.

Chín là khi mệnh chung, được sanh lên cõi trời.

Mười là mau chóng chứng quả niết bàn.

Ấy gọi là cúng đèn nến, được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh, cung kính chấp tay, đặng mười thứ công đức. Những gì là mười?

Một là đặng phước báo thù thắng³⁰⁵.

Hai là sanh vào bậc thượng tộc³⁰⁶.

Ba là đặng sắc tướng xinh đẹp thù thắng³⁰⁷.

Bốn là đặng tiếng giọng thù thắng³⁰⁸.

³⁰⁴ **Lưu chuyển trong thế gian không vào những chỗ hắc ám:** Nhờ công lao cúng đèn, trong cảnh sanh tử luân hồi, không đầu sanh trong gia đình hắc ám, hoặc không ở quốc độ tối, không có yên sáng mặt trời, hoặc không ở trong xã hội tối tăm...

³⁰⁵ **Đặng phước báo thù thắng:** Phước báo không phải phổ thông bình thường, ấy là thù thắng. Ở một nước có một không hai, người người hiểu biết.

³⁰⁶ **Sanh vào thượng tộc:** Sanh vào nhà hoàng tộc, quý tộc...

³⁰⁷ **Đặng sắc tướng xinh đẹp thù thắng:** Sắc tướng xinh đẹp thù thắng, mọi người hoan hỷ khen ngợi.

³⁰⁸ **Đặng tiếng giọng thù thắng:** Tiếng giọng hòa nhã, người nghe không nhầm chán.

Năm là đặng lợi ích thù thắng.

Sáu là đặng biện tài thù thắng³⁰⁹.

Bảy là đặng lòng chánh tín thù thắng³¹⁰.

Tám là đặng giới đức thù thắng tuyệt diệu³¹¹.

Chín là đặng đa văn thù thắng³¹².

Mười là đặng trí huệ nhiệm mầu thù thắng³¹³.

Ấy là cung kính chấp tay, được mười thứ công đức.

³⁰⁹ **Đặng biện tài thù thắng:** Biện là luận nghị, nhờ biện tài vô ngại, lời lẽ thanh cao ít có người làm được.

³¹⁰ **Lòng chánh tín thù thắng:** Tín là một trong 11 thứ thiện căn, tin diệu lý chánh pháp, không phải là tin cạn cợt mê tín.

³¹¹ **Đặng giới đức thù thắng tuyệt diệu:** Giới là trừ ác hành thiện, chẳng những thân miệng bảy chi tội, chẳng phạm nơi giới, chính là ý căn, cũng chẳng phải phi loạn tương, nên nói giới đức thù thắng tuyệt diệu.

³¹² **Đặng đa văn thù thắng:** Phạm nghe đọc tụng diệu lý các pháp, đều hay thọ trì không quên, học rộng ba tạng, mười hai bộ kinh đều thường trì niệm. Như tôn giả A Nan hay trì pháp tạng của chư Phật.

³¹³ **Đặng trí huệ nhiệm mầu thù thắng:** Không phải là trí thế tục, trí tuệ biện thông trong đời, mà là trí tuệ trong Phật pháp, tất cả trí đã đặng. Soi chơn là đạo chúng trí, soi tục là tất cả chúng trí. Soi cả chơn lẫn tục, xưng là trí tuệ nhiệm mầu.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn giảng nói pháp này rồi, trưởng giả Thủ Ca, đến chỗ đức Như Lai, đem tâm tịnh tín³¹⁴.

Lúc ấy Thủ Ca đầu mặt lay dưới chân đức Phật, bạch như thế này: “Con nay thành tâm thỉnh Phật, đến thành Xá Đề Bà³¹⁵, đến chỗ phụ thân con là trưởng giả Lục Đề, xin cho thân phụ con cùng tất cả chúng sanh, nghe pháp cho cuộc đời an vui giải nghiệp³¹⁶.” Khi ấy đức Thế Tôn vì lợi ích chung, nên nhận lời cầu thỉnh³¹⁷.

Lúc đó trưởng giả Thủ Ca, nghe Phật hứa khả, tâm rất hoan hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

Ý NGHĨA RỘNG LỚN

³¹⁴ **Đem tâm tịnh tín:** Tâm không nghi ngờ, gọi là tịnh tín. Nhơn Phật nói đạo lý nghiệp báo sai khác này, tin sâu không nghi, nên gọi là đặng tâm tịnh tín.

³¹⁵ **Thành Xá Đề Bà:** Tức là thành Xá Vệ, dịch là văn vật, hoặc gọi là bảo vật, phần nhiều sản xuất từ thành này.

³¹⁶ **Cuộc đời an vui:** Tội của vô minh chưa phá, nên gọi là cuộc đời. Nghe nói đạo lý nghiệp báo, không dám tạo các nghiệp ác, khỏi đọa ba đường ác chịu khổ, nên nói cuộc đời an lạc.

³¹⁷ **Nhận lời cầu thỉnh:** Yên lặng là ý nói nhận lời cầu thỉnh, tức mặc nhiên hứa khả...

CỦA
NGHIỆP
Ý NGHĨA RỘNG LỚN
CỦA
NGHIỆP

Nghiệp. Ý nghĩa về nghiệp quá tế nhị, quá sâu sắc, quá vi diệu. Nó chi phối tất cả vận mạng của chúng sanh, đồng thời cũng ảnh hưởng đến sự thanh tịnh và ô uế của thế giới. Tiếng bắc Phạn gọi là Karma; tiếng nam Phạn gọi là Kamma, tiếng Hoa dịch là nghiệp: Hành động tạo tác, rung chuyển. Được hạnh phúc, Phật giáo gọi là phước báo nghiệp của chúng sanh; bị cùng khổ gọi là khổ báo nghiệp của người đời; chuyển sanh người trời gọi là thiện báo nghiệp của chúng sanh; đầu sanh nơi địa ngục, quỷ đói, súc

sanh, a tu la gọi là ác báo nghiệp của chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều thật hành mười nghiệp lành khiến cảm đến nghiệp tốt thế giới bên ngoài. Chẳng hạn như đất đai màu mỡ, quả địa cầu bình thản, gió hòa mưa thuận, lúa mạ phong nhiêu, cây trái tươi tốt, lấy lễ nghĩa đối xử với nhau, như đức từ tâm, phước thọ song toàn, sinh hoạt phần chần, gian xảo trộm cướp dứt bật, đao binh giặc giã không còn, ban đêm nhà không cần khóa cửa, đi đường không muốn lượm của rơi, cảnh tượng thanh bình hòa vui khắp xứ. Đó chính là nhờ thiện nghiệp xây nên. Đó cũng là tịnh nghiệp ở trần gian. Trái lại nếu tất cả chúng sanh đều tạo mười nghiệp ác, chắc chắn cảm đến ác báo thế giới bên ngoài. Chẳng hạn như núi bị sụp đổ, gò nông không bằng phẳng, đất đai khô cằn, cát

sạn khắp đồng nội, năm giống lúa khó sinh trưởng, cỏ cây khô cằn, sâu bọ khắp nơi, hạn hán, không có mưa, mùa màng thất thu huê lợi, ăn mặc gian khổ, đói lạnh tuyết mạng, gian tham, trộm cắp dôi trá, lẫn nhau tàn hại, tai trời họa người, dân chúng thiếu liên kết, tranh giành tàn hại lẫn nhau. Như thế diễn trong đời ác thế thâm, gọi là cõi nước uế ác.

Nghiệp, tuy không hình tượng, không thể thấy, cũng không hiển sắc trông coi, nhưng nó chắc chắn ở trước mắt chúng ta, ở hai bên chúng ta, sâu xa hơn nữa, ở trong tâm khảm chúng ta. Đáng tiếc là mắt thịt phàm phu của người đời không thể nhìn thấy nghiệp, nhưng khó trốn tránh bàn tay vô minh của nó, khó mà thoát ly sự chi phối của nghiệp.

Nghiệp, mặc dù không phải là một vật hữu hình cho bạn thấy được; giả như bạn đọc

nhiều bộ kinh văn, suy xét rất kỹ lưỡng, phán xét rất tinh tường, đích xác, làm cho bạn nhận thức, thấu hiểu nghiệp lực rõ ràng. Đó chính là chỗ vĩ đại thần thánh của Pháp Pháp. Do đó, bạn so sánh với người khác có một tầm nhận thức đặc biệt hơn. Bạn biết được chơn lý của nghiệp. Từ đây về sau, bạn ở trong biển khổ tìm đến thuyền từ, ở trong chỗ tối tăm nhìn thấy một tia yển sáng, ở trong bến mê hy vọng nghiệp lành đưa về bờ giác.

Nghiệp, tuy không có hình tướng, nhưng nó hay chi phối tất cả muôn sự, muôn vật. Giả như bạn có thể tìm hiểu rõ chơn lý của nghiệp, bạn đích thực ở trên tất cả hình tướng, nhận chân toàn diện của nghiệp. Đương nhiên bạn là hiện thân của sức nghiệp.

Nghiệp có thể chia làm ba thứ: Thiện, ác và vô ký.

THIỆN NGHIỆP tức là nghiệp lành từ thân, miệng, ý (cũng gọi là ba nghiệp). Có mười thứ nghiệp lành:

Thân nghiệp có ba: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm (cùng với vợ hay chồng người khác.)

Miệng có bốn: Không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác và không nói lời thêu dệt.

Ý có ba: Không tham lam, không giận tức và không si mê.

ÁC NGHIỆP tức là nghiệp dữ. Đối với mười điều lành ở trên không thể thực hành là tạo mười nghiệp ác.

VÔ KÝ NGHIỆP là loại nghiệp trung dung, không phải thiện cũng không phải ác, quả báo không sa vào hai bên.

Quả báo của thiện, ác nghiệp chia làm ba phẩm: Thượng, trung và hạ.

Tạo **thiện nghiệp thượng phẩm** cảm quả báo sanh lên cõi trời; **trung phẩm** cảm quả báo ở cõi người; **hạ phẩm** thì cảm quả báo về cõi A Tu La.

Tạo **ác nghiệp thượng phẩm** cảm quả báo vào nơi địa ngục; **trung phẩm** cảm quả báo sanh vào loài quý đỏi; **hạ phẩm** sanh làm loài súc sanh.

Thiện, ác, vô ký. Ba thứ này cũng kêu là hữu lậu nghiệp (lậu có nghĩa là lọt, mất, hư), chẳng những nghiệp ác, ở trong ba đường ác chịu khổ, tội nghiệp thọ xong, chuyển đến

sanh trong đường thiện, giả như, nghiệp thượng phẩm của bạn tu, thật hành luôn cả tứ thiên, tứ định, sanh ở trên đỉnh của ba cõi, mạng sống lâu không quá tám muôn kiếp, nghiệp báo thiện, nếu hết vẫn bị luân hồi sanh tử, thậm chí từ trên đánh của ba cõi, thẳng vào ba đường ác. Do đó gọi là nghiệp hữu lậu.

Trái lại là vô lậu nghiệp. Nghiệp này bạn hay phát tâm xuất thế, thật hành theo con đường Thánh, đoạn hết hai phiền não (kiến hoặc và tư hoặc), chứng đặng chơn lý nhơn không, vào nơi niết bàn (chốn tịch tĩnh). Ấy chính là vô lậu nghiệp. Không bao giờ sa vào ba cõi, chịu khổ sanh tử. Do đó Phật pháp trước dạy bạn ngăn chặn nghiệp ác, đóng cửa khổ ba đường ác. Kế đến là dạy bạn làm nghiệp thiện để bảo trì thân tâm ở

cõi người, cõi trời. Sau cùng dạy bạn pháp môn xuất thế. Nếu bạn tỏ ngộ tất cả việc trong thế gian đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, nhưng hay phát tâm đồng mãnh, khám phá trần thế, chuyên tu đạo nghiệp. Đạo nghiệp ấy là ba vô lậu học: Giới, định, huệ. Hiệu dụng của nghiệp hay đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc phiền não, hoàn thành Thánh quả vô lậu. Do đó gọi là nghiệp vô lậu.

Nghiệp do yếu tố nào mà cấu thành? Nói chung trong Phật pháp, nghiệp xấu có ra, chính là do phiền não cấu tạo mà thành. Phiền não hay mê lầm là do hoặc, nghiệp, khổ; ba thứ này lẫn nhau thông suốt. Nghiệp xấu có ra, là do vọng tâm mê lầm tạo tác, có tạo tác là có khổ; ba yếu tố này không thể phân chia.

Khởi hoặc (mê lầm) chắc chắn tạo nghiệp, có nghiệp chắc chắn chịu khổ, khổ bức bách chắc chắn khởi mê lầm, mê lầm khởi ra chắc chắn tạo nghiệp. Như thế tuần hoàn liên hệ, lẫn nhau tiếp nối, kết thành vòng sanh tử luân hồi, rất khó mà phá trừ.

Nó cũng là do vô minh của phàm phu tự nhiên cấu kết với vọng tâm hoạt động chớ không có lực lượng nào bên ngoài xen vào cả. Duy nhất có giáo pháp của Phật, phá hoại vọng nghiệp trầm kha từ vô thỉ đến nay, trở thành tro bụi, gió thổi bốn hướng về nơi không có.

Sở dĩ quả khổ đưa đến là do nghiệp như đời trước; sự tồn tại của nghiệp do phiền não sanh, phiền não là bệnh thái trên tâm lý. Vì thế ai muốn thoát khổ, trước phải trị vọng tâm, tâm bệnh nếu đã trừ thì nghiệp khổ tiêu

tan. Như vậy trước phải biết rõ môn duyên sanh là căn bản sanh tử, sau thấu triệt môn hoàn diệt, được diệu pháp an vui. Trừ ngoài giáo pháp của Phật, ai thông suốt được lý này để mà thấu triệt dứt trừ quả khổ. Lý tuy như thế nhưng phải hành trì, khi **sự lý viên dung mới hoàn toàn giải thoát.**

Hoặc có người hỏi: “Người giàu sang, tài sản trăm muôn, y phục nhung lụa, ăn uống cao lương mỹ vị, chỗ ở phòng xá sang trọng, đi lại thì có sẵn xe cộ, thế thì khổ ở chỗ nào? Nghe nói cõi trời, năm dục lạc thù thắng hơn trăm lần cõi người, ai ở cõi đó quá sung sướng, có sao lại nói khổ ư?”

Đáp rằng: “Khổ có ba loại: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Người nhà giàu sang và người trời ở cõi Dục, mặc dù không có khổ

khổ, nhưng khó thoát ly **hoại khổ** và **hành khổ**.

Thế nào gọi là hoại khổ? Cảnh vui không thường còn, có khi hoại diệt.

Thế nào gọi là hành khổ? Sự việc thế gian là pháp hữu vi, sanh diệt vô thường, dời đổi biến chuyển luôn, theo công lệ của bốn tướng: Thành, trụ, hoại, không, thế nên nói là hành khổ. Chúng sanh trong ba cõi, sáu đường đều không thoát khỏi các khổ này, nên nói toàn là khổ vậy.

Đến sáu cõi trời ở Dục giới có năm dục lạc thù thắng. Mười tám cõi trời Sắc giới có tâm thiên lạc thanh tịnh. Bốn cảnh cõi trời Vô Sắc, tâm cảnh của họ rộng lớn bao la, không hệ thuộc với định lạc ở cõi Dục, cõi Sắc, nhưng đều là hữu lậu, phước báo, một khi hết vẫn đọa lạc hạ giới như thường.

Y theo lập trường của Phật pháp, sanh về các cõi trời vẫn không ổn, hơn vì kia vẫn còn nằm trong phạm lệ luân hồi, không bằng bốn quả Thánh của Tiểu thừa, không còn kiến, tư hoặc nghiệp, an vui tịch tĩnh. Tam Hiền, thập Thánh và Bồ Tát của Đại Thừa, không còn ngu si, phiền não, trí sáng, pháp lạc, cho đến vô thượng Phật Đà. Đại an lạc của thường, lạc, ngã, tịnh, bồ đề niết bàn.

Lánh khổ tìm vui là thiên tánh của tất cả chúng sanh. Cũng như các hạng đã nói ở trên, có khổ trong vui là của phàm phu, có vui vô thường là của chư Thiên, có vui tịch tĩnh là của Tiểu Thừa, có vui pháp trí sáng là của Bồ Tát, có vui vô thượng bồ đề, niết bàn là của chư Phật vậy. Trong các vui này, cái nào là thường còn? Cái nào là cứu kính? Để bạn có trí lực mãn nhuệ, gia tâm biện biệt,

lựa chọn. Đức Phật thường dạy bảo chúng sanh chớ liếm chút mật trên lưỡi dao bén, tuy có vị ngọt ở trong giây phút (dụ cho vui ngũ dục) đồng thời cũng có cái lo cắt lưỡi (dụ cho trong vui có khổ)”.

Hoặc có người hỏi: “Nghệp đã không có hình tướng, không thấy được cũng không hiện sắc để xem, đâu hay biết được là nghiệp có chăng?”

Đáp rằng: Đạo lý này rất sâu thẳm, tế nhị, khó biết, không dễ gì giải tỏa và lãnh hội. Ví như có người nghiên cứu một thứ học vấn, hoặc đọc tập văn nghĩa, sau trải năm tháng lâu xa, vẫn hay nhớ nghĩ không quên, sự thật như thế, bạn không thể nói kia là do sức ghi nhớ mà thôi hay cũng không thể nói việc qua cảnh đổi, hóa thành ảo ảnh. Giống cũng như có người, sống nhiều năm đã qua, trong

một thành phố hiện tại nhớ nghĩ ,ấn tượng gần như mới. Hoặc người trong quá khứ làm một việc thiện, tốt; mỗi khi nghĩ đến, trong lòng thấy vui vui, tâm thần sáng khoái. Hoặc có người sống trong quá khứ, trái lại làm những việc ác xấu, một khi nghĩ đến tâm còn đau buồn, hổ thẹn bên trong. Những bằng chứng này đủ nói lên rõ ràng nghiệp không bao giờ mất. Thế nên trong kinh Phật dạy:

*“Nghiệp trải qua trăm kiếp,
Cuối cùng không mất hoại;
Khi các duyên gặp lại,
Cần phải trả quả kia.”*

Hoặc có người hỏi: “Nghiệp non đã làm, quyết bị quả báo, dù trải qua nhiều kiếp

cũng không bao giờ hư mất, nếu nói nghiệp có rốt ráo nó chứa ở chỗ nào?”

Đáp: “Vâng, nghiệp chứa ở chỗ nào? Trong kinh Phật dạy: ‘Chứa nhóm gọi là tâm.’ Gom góp rất nhiều gọi là chứa. Hẹp lại một chỗ gọi là nhóm. Tiếng Phạn gọi là Alayavynāna (A lại da thức), dịch ra Hán văn gọi là Tàng thức. Tàng thức là cái gì? Chính là kho tàng chứa nhóm trong tâm thức. Thể tánh của nghiệp là hay chứa, còn bị chứa chính là hạt giống các nghiệp lành dữ nhiều vô lượng, mặc dù trải qua nhiều kiếp không bao giờ hư mất, cũng chính là nó gìn giữ không cho tan hoại, thẳng đến khi nhơn duyên thuận thục, trả quả báo hạt giống nghiệp mới tiêu hoại.

Thức A Lại Da cũng gọi là thức dị thục. Ví như hiện tại bạn đang làm một việc thiện,

việc tốt, không thể nói liền có kết quả tốt, phước báo.

Nói đến phước báo phải chia ra làm ba thời gian: **Hiện báo** (trả ngay bây giờ); **sanh báo** (một thời gian sau mới trả); **hậu báo** (sau nhiều đời, nhiều kiếp mới trả).

Phải đợi nhân duyên chính là thời gian khác, địa phương khác, cõi đời khác mới có thể trả quả báo. Do đó mới gọi là thức dị thực. Giống như trồng cây năm giống lúa, trước phải có hạt giống, ruộng đất, nước, phân, nhân công, thời tiết, nhen duyên đầy đủ, mới có thể sanh mầm, nhánh lá, nở bông, kết quả. Như thế từ khi trồng cây cho đến lúc kết quả, khoảng giữa cũng phải mất mấy tháng trường; nội nghiệp của mỗi người cũng lại như thế.

Hoặc có một số người hiểu biết nông cạn, thấy người làm lành, làm dữ hiện tại, kết quả trái ngược, đối với nghiệp báo như quả ôm lòng nghi ngờ. Chẳng hạn như thấy người nào đó, gian xảo dối trá, không việc ác gì chẳng làm, chẳng những không bị ác quả báo, mà lại còn gia cảnh người kia giàu có, sự nghiệp phát đạt, tài vật thanh hành; người ác kia lại được quả báo tốt, rồi lại khuyến khích người khác làm ác!

Ngược lại có hạng người khác, từ thuở nhỏ lương thiện, làm người trung hậu, ưa làm việc lành; thế mà vận mệnh người đó lại quá phũ phàng, gia cảnh nghèo thiếu, sự nghiệp không thuận lợi. Như vậy người làm lành không được nghiệp báo tốt, hai sự tình trên phải giải thích sao đây? Như trên đã thuật hai bằng chứng, làm việc ác lại đặng phước

báo, làm việc lành lại bị nghiệp khổ báo; nếu đem lý nhơn quả nghiệp báo ba đời mà phán xét thì không có gì khó hiểu, thấu suốt việc đã qua và việc chưa đến. Xét kỹ luật lệ nhơn quả ba đời, nghiên cứu phán đoán, đại khái không bao giờ ra ngoài phạm trù định luật, thế nên trong KINH NHƠN QUẢ đã ghi:

Muốn biết việc đời trước

Xem lân thọ đời này,

Muốn hỏi quả đời sau,

Nhìn tạo tác đời này.

Bốn câu trên ghi đậm, ghi trùm định luật nhơn quả ba đời. Ví như có người ngu si, thấy trong thùng không có gạo, ngày mai không có gạo nấu cơm, liền cấp tốc đem lúa ra gieo xuống ruộng, hy vọng ngày mai thu hoạch để nấu cơm, làm như thế ngu xuẩn

đến cỡ nào? Đâu không bị người đời chê cười. Nhơn quả nghiệp báo, phạm trù định luật của nó, tuyệt đối không thể nào nghi ngờ; chỉ theo thời gian tính của nó hạn chế nhơn duyên; thời gian chưa đến, nhơn duyên chưa hòa hợp thì nghiệp báo không thể nào thực hiện được.

Do đó, phải nhìn rất ráo của nhơn quả nghiệp báo, đem thần thông của bậc La Hán, còn khó thấy rõ. Chỉ có Phật nhãn của Phật Giác Ngộ mới thấy rõ ràng.

Có một lần Phật bảo ngài A Nan: “A Nan! Có chúng sanh một đời tu tập nghiệp lành, sau khi chết phải đọa trong đường ác.” A Nan nghi hỏi: “Tu tập nghiệp lành phải sanh vào đường lành, cứ sao đọa vào đường ác?” Đức Phật dạy: “Tuy tu nghiệp lành, nhưng nhơn duyên nghiệp lành chưa thuần thực;

nhơn duyên việc ác quá khứ, trước đã đến rồi, nên phải trả ác báo.”

Đức Phật lại bảo A Nan: “Có một chúng sanh, suốt đời làm ác, sau khi mạng chung, được sanh trong đường lành.” A Nan hỏi Phật: “Sao lại làm ác mà đặng quả báo lành?” Đức Phật dạy: “Mặc dù làm ác nhiều cách, sau khi mạng chung, ác nghiệp chưa thuần thực, nghiệp lành của thời gian trước đã thuần thực, nên được sanh vào đường lành vậy.”

Trên đã thuật đạo lý nghiệp báo nhơn quả thâm nhập thêm một tầng, nhưng khiến cho người khó hiểu. Ở đây chỉ rõ ràng thêm, trong ruộng tâm tàng thức, hạt giống nghiệp báo thiện ác chứa nhóm trong đó, nhiều không thể nào tính kể. Hơn nữa, đạo lý quả báo của nghiệp, rất là sâu sắc khó nghĩ bàn;

đúng với nghiệp là theo pháp lý không bao giờ theo tình lý.

Người tu nghiệp lành, hơn về nghiệp ác quá khứ hiện tiền, đều không vì nay tu nghiệp lành mà tránh khỏi ác nghiệp chưa trả trong đời quá khứ. Đồng thời người tạo nghiệp ác, cũng đều không hơn nghiệp ác đời nay, mà không hưởng nghiệp báo quả lành đời quá khứ.

Như thế nghiệp báo tuần hoàn, như bánh xe luân chuyển, không bao giờ thôi dứt, tất cả chúng sanh đều rơi vào trong biển nghiệp mờ mờ, ngóc đầu lên, chúi đầu vào, khó mà tìm chiếc thuyền cứu độ. Do đó đức Phật thường bảo các hàng đệ tử: **“...khéo gìn giữ thân căn, chớ chìm vào trong suối đục, khéo giữ giới lành, chớ tạo các nghiệp xấu...”**

Còn một điểm quan trọng, cũng cần thuyết minh thêm, như trên thuật những người trọn đời tu thiện, khi mạng chung đọa vào đường ác. Chắc là người kia, không được sự hộ trì của Tam Bảo, của Phật Pháp, người trì giới tu thiện đều là những người có tâm thiện phổ thông, do đó lúc gần chết, không thể ngăn chặn ác nghiệp thời quá khứ, bảo trụ thân người. Sau đây cử một bằng chứng:

Trên cung trời Đao Lợi, dịch là trời thứ ba mươi ba (33), có một vị Thiên tử, khi mạng gần chết, có năm tướng suy hiển lộ: **Một** là y phục có nhiều mồ hôi nhơ. **Hai** là hoa cài trên đầu bị héo. **Ba** là thân thể hôi hám. **Bốn** là dưới nách ra mồ hôi. **Năm** là không thích ngồi trên bốn tòa. Hiện tượng như thế, biết tánh mạng không bao lâu, tâm không hoan lạc, lo rầu buồn khổ đầy dẫy trong tâm. Ông

lại dùng thiên nhãn quán sát chính mình, sẽ đầu sanh về cõi nào? Không quán sát thì thôi, nhưng khi quán sát, phát hiện từ đây cho đến sau khi chết, chuyển sanh tại châu Nam Diêm Phù Đề, trong một thân lợn (heo), cuộc sống như nhóp, ăn toàn đồ bất tịnh, như thế tâm sanh thương sợ, kêu la khóc lóc, tiếng rất thảm thê, vọng tâm náo nê. Có một vị Thiên tử khác, hỏi qua tình hình và bảo cứ thật mà nói, việc gì xảy ra: “sau khi tôi chết, chuyển sanh thân lợn, ăn đồ bất tịnh, thân bị sát hại.”

Như thế triển chuyển, cáo tri cho vị Đế Thích (chúa trời), Đế Thích biết rồi, dùng thiên nhãn quán sát, biết chắc ông kia sẽ đầu sanh trong thân lợn, đích thân đến trước ông kia mà bảo rằng: “Ông gần mạng chung chuyển sanh đường ác, chỉ còn một cách,

ông nên phát tâm thành kính, quy y Tam Bảo, cầu xin hồng ân chư Phật từ bi cứu độ.”

Vị Thiên tử nghe rồi, chí thành cung kính, quy đầu ngôi Tam Bảo, một lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; không bao lâu Thiên tử mạng chung. Vị Đế Thích lại quán sát, không thấy đầu sanh trong thân lợn.

Quán sát khắp bốn châu, không thấy Thiên tử sanh vào chỗ nào, như sự kiện này quán sát đến như gian, đích thân đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, nói rõ sự việc trên. Đức Phật xem xét kỹ lưỡng, bảo vị Đế Thích: “Vị Thiên tử kia, sau khi mạng chung, nhờ sức từ Tam Bảo, được sanh lên cõi trời Đâu suất.” Tại vì thiên nhân của như thiên, chỉ hay quán sát hạ giới, không thể quán sát cõi

trên. Đức Phật hay quán sát tất cả mười phương pháp giới.

Hoặc có người nói: “Phật giáo, có người cũng xưng là **cửa Không**; bởi vì Phật giáo nói Không. Như nói : ‘**Các Pháp đều Không**, sao lại còn nói có nghiệp để làm gì?’ Yếu lý này, yêu cầu giải thích.”

Đáp: “Không sai lầm, Phật pháp nói **KHÔNG**, ý nghĩa sâu một tầng của nó, chính là để phá bịnh chấp trước của chúng sanh, hơn vì chúng sanh chấp trước hiện tượng giới là thật có, không có trí huệ, nhìn không thấu một phương diện của Không, do đó ở trên cảnh sáu trần, tham lam không bỏ, tạo các nghiệp xấu, chịu khổ sanh tử. Vì thế chư Phật muốn độ chúng sanh, trước dạy khám phá các vật trên cõi đời, tất cả đều Không. Không có vật gì tồn tại lâu dài, hy

vọng chúng sanh thấy lý Chơn Không, biết rõ thế gian như huyễn, như hóa, hư vọng không thật, tất cả đều không thật, khởi tâm nhàm lìa, mà phản bỏ cảnh trần, hợp với tánh giác, thật hành đạo xuất thế. Do đó trong kinh đức Phật nói: **“Các pháp tuy Không, nghiệp quả không mất.”**

Giả sử liễu ngộ được lý Không, tự nhiên không bị các pháp làm mê hoặc, nếu không mê pháp, đâu có gì tạo nghiệp, không có nghiệp, sanh tử tự rõ ràng. Nhơn chúng sanh chấp mê các pháp có thể đặng, mới tạo ra các nghiệp kết quả, cuối cùng đều không thể đặng gì hết, tội nghiệp trên thêm tăng, duyên hết mạng tiêu tan, một mảy may không chỗ đặng, duy bị nghiệp dắt dẫn, theo nghiệp mà lưu chuyển chịu khổ sanh tử luân hồi.

Có chỗ nói: “Thế gian muôn việc đều buông bỏ, tất cả có nghiệp là mang theo thân người.” Thân sắc ấy diệt Không, là phạm phu thấy Không; đợi đến thân hoại mạng chung, cảm đến lúc Không, nghiệp đã muộn rồi. Vì có sao? Vì tội nghiệp đã thành, theo nghiệp chịu quả báo, há không chậm sao? Lại nữa, phân tách Không, là thấy Không của Tiểu Thừa, hơn vì tất cả các sắc tướng đều do vi trần tổ hợp lại mà thành. Nếu đem sắc tướng phân tách thành lân hư trần thì sắc tướng đều Không, khởi tâm nhầm chán, hành theo con đường xuất thế.

Kế đó là thể pháp Không, đó là thấy Không của Đại Thừa Bồ Tát, không đợi sắc tướng hoại diệt thành Không, lại không cần phân tách vi trần thành Không, bởi vì tất cả sắc tướng đều là nhân duyên hòa hợp, bốn chất

được thành, đương thể tức Không. Nhơn vì chúng sanh ngu si, thấy là thật có, sanh tâm tham ái, tạo nghiệp chịu khổ. Bồ Tát lúc ấy khởi tâm thương xót, khởi lòng cứu độ chúng sanh giải thoát. Không chỉ là một, chỗ thấy mỗi bên khác nhau, đều do sự nhiều biết. Thế là trí huệ cạn sâu không đồng. Sắc sai biệt thấy Không, có thể nói là thấy quả Không, phân tách Không của thể Không là thấy nhân Không, khi thấy quả Không, các nghiệp đã diệt, theo nghiệp chịu khổ, là phàm phu vậy. Khi nhìn thấy nhơn Không sanh tâm nhàm lìa, mà thật hành đạo nghiệp, vượt qua ba cõi, ấy là bậc Thánh. Vì thế trong kinh Phật nói: **“Bồ Tát sợ nhơn, phàm phu sợ quả.”** Nếu tỏ ngộ sau khi hiểu đạo lý **“các pháp tuy Không, nghiệp quả không mất”**, tức thời giác ngộ, quy đầu cửa

Phật, thật hành các giới lành, cẩn thận chớ tạo nghiệp, đồng thời phải có tuệ nhãn quán sát các sự vật trong thế gian, vô thường, khổ, Không, thực hành con đường xuất ly.

Trước đã luận nói tánh thật có của nghiệp, tánh tồn tại, tánh nương tựa của nghiệp báo, tánh khổ não do sức nghiệp dắt dẫn, tánh sai khác của nghiệp, tánh đẳng cấp của nghiệp. Nghĩa lý này, hoàn toàn căn cứ trong các kinh Phật, quan hệ nơi nghiệp duyên thiện ác, đạo lý như quả báo ứng, dung hợp với phương pháp phân tích, bày thuật khái mạo của nghiệp, hy vọng được nhiều sự giúp đỡ cho đọc giả, tiến lên một tầng, hiểu rõ thâm nghĩa của bản Kinh (Nghiệp Báo Sai Khác).

Đã biết khái yếu của nghiệp, phải làm thế nào để cứu trị, làm thế nào để tránh khỏi khổ quả báo thọ nghiệp, làm thế nào để tránh

khỏi ba đường ác? Quan trọng là phải hiểu rõ sức nghiệp, chẳng như vậy, nói nghiệp chỉ thành vô dụng, khó làm cho độc giả tăng phần đảm trách trên tâm linh. Đồng thời cũng chỉ rõ không ra ngoài tinh thần độ thế của Phật pháp. Dưới đây sẽ nói phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng.

Đức Phật như một vị thầy thuốc, giáo pháp của Phật như thuốc, chúng sanh như người bệnh hoạn. Thầy thuốc xem mạch trị cho người bệnh, khai ra nhiều phương pháp, người bệnh phải y theo phương pháp mà uống thuốc thì bệnh khổ mới được an lành. Phật độ chúng sanh cũng giống như vậy. Không giống như nhiều tôn giáo khác, xưng là “Thần ngã vạn năng,” sáng tạo trời đất, sanh ra muôn vật, chúng sanh là con của Thần Ngã sanh ra, chỉ phải tin Thần Ngã,

mới cứu rồi được. Đơn giản như thế. Phật Pháp không như vậy, trên sự thật cũng không như vậy.

Tất cả chúng hữu tình đều có tâm. Phàm ai có tâm là có Phật tánh, (tức là lý tánh). Phàm có Phật tánh đều sẽ thành Phật. Do đó Phật đối với chúng sanh, đều xem như vị Phật sẽ thành (tương lai đều có khả năng thành Phật). Trong kinh Phật dạy: “Tâm, Phật cùng chúng sanh, cả ba không sai khác, bình đẳng nhất như.”

Chúng sanh thân mạng không đồng, tâm tánh (tập quán) không đồng, tư tưởng quan niệm không đồng, chỗ tạo nghiệp nhân không đồng; vì thế nên Phật nói trong kinh: “Chúng sanh hình tướng mỗi vị không đồng, hành nghiệp tiếng giọng cũng vô lượng.” Chơn như (Phật tánh) cũng như hư không,

chẳng có sai khác, bình đẳng nhưt như. Nhơn không giữ tự tánh, vọng động phan duyên, buông lung cảnh ngoài, theo duyên lưu chuyển mà trái bỏ giác tánh, hiệp vào vọng trần, quên gốc mà chạy theo ngọn, vọng tạo các nghiệp chướng, mỗi mỗi theo nghiệp mà vin níu, lần lớp cuốn theo trần lao. Vốn đồng nhưt như, đến ngọn thành khác, chia thành các đường, bốn loài sáu nẻo, hình loại muôn ngàn, đều là nghiệp duyên huân tập, hình thành mỗi loại khác nhau, đó là quan niệm cơ bản của Phật học, nương theo đây mà nhận thức, quyết định cơ sở Phật học. Như vậy trong tâm có nhận thức rõ ràng đích xác, khi tìm hiểu vấn đề, mới tránh khỏi tâm tình hoảng hốt bất định, lại cũng không có tình hình thoát tiến thoát thoái.

Bước đầu học Phật, phải trước tịnh ác nghiệp, thoát ly khổ não ba đường ác, đặng thân ở cõi người cõi trời, sau đó mới học tập chánh pháp, giải tỏa nghiệp mờ tối, tỉnh ngộ bến mê, nhẫn đến dứt các phiền não, chứng vào niết bàn, siêu thoát ba cõi, hăng ra con đường khổ não.

Muốn liên tưởng khởi đọa khổ trong ba đường ác, việc trước tiên phải tiêu trừ ác nghiệp đời trước, đó là chỗ độc đáo đặc biệt trong Phật Pháp, cao minh hơn các ý kiến. Phật là Thánh trong quả Thánh (vượt hơn Tiểu Thừa tứ Thánh, trên Tam Hiền, thập Thánh của Đại Thừa), trời trong các vị trời (chẳng phải là hai mươi tám cõi trời trong ba cõi, mà chính là trời đệ nhất thắng nghĩa), thường dùng Phật nhãn thấu triệt nguồn gốc của pháp giới, đem trí lực quyền xảo phương

tiện, đến chỉ dạy phương pháp cứu giúp chúng sanh thoát ly khổ ách. Tổ sư Huệ Năng nói: “Lúc mê nhờ thầy độ, khi ngộ tự chống chèo.” Rõ ràng hiểu biết đạo lý Phật Pháp, phải chính mình tự phát tâm tu hành.

Tiêu trừ ác nghiệp có hai phương pháp:

Một là phải phát tâm hổ thẹn.

Hai là phải đem tâm chí thành. Trước chư Phật tỏ bày sám hối.

Như trong kinh đã nói: “Tạo nghiệp địa ngục, tự mình sợ hãi, khởi tâm tăng thượng, sanh tâm hổ thẹn, nhằm ác bỏ lìa, trang trọng sám hối, lại không tạo nữa.” Do đó trong văn sám hối cũng nói:

Về trước đã tạo các nghiệp ác,

Đều bởi tham, sân, si vô trí,

Từ thân, miệng, ý mà sanh ra,

Tất cả con nay xin sám hối.

Hay ý nghĩa cao hơn còn có bài văn sau đây:

Tội từ tâm khởi đem tâm sám,

Tâm nếu khi diệt, tội cũng diệt;

Tội hết, tâm diệt thấy đều không,

Như thế gọi là chơn sám hối.

Hai bài kệ trên, bài trước là sám hối về **sự**, năm vóc gieo xuống đất, phát tâm chí thành, trang trọng trình bày, những tội lỗi của mình, phát xuất từ ba nghiệp, cầu xin ngôi Tam Bảo thương xót không chấp, xá miễn những lỗi làm trước, dần dần trong sáng như băng tuyết.

Còn bốn câu sau thuộc về **lý** sám hối, cần phải quán tâm, nếu thấy thật tướng, vọng

tâm chóng dứt, tội không chỗ đứng, như thế quán tâm lý sám hối, mặc dù nhỏ hết trọng tội căn bản, nhưng không dễ gì làm. Phổ thông đều dùng sự sám hối làm chủ yếu, mỗi người phải tự làm việc so sánh.

- 1. Tâm hổ thẹn:** Tâm này rất quý giá cải đổi tâm lý mới mẻ, trở thành trạng thái nhiệm màu. Phạm người phạm tội, phần nhiều là tư tưởng ấu trĩ, quan niệm đạo đức quá cạn cợt, đồng thời cũng không biết đến lợi hại, tội phước hậu quả, nhờ một thời xung động ý chí và đánh thức tâm lý phiền não, thường thường tội nghiệp sau khi tạo tác, hoặc nhận tự trách trên lương tri và xã hội cùng bạn bè phê bình và chê trách, lúc ấy tâm hổ thẹn tự nhiên phát sanh. Chữ **hổ** là hổ thẹn với mình (lương tâm), sợ bị

lòng mình cắn rứt. Chữ **thẹn** là hổ thẹn với người (ngoại nhơn), sự chê trách của xã hội bên ngoài, người ngoài chê bai phỉ nhổ; lúc ấy tâm lý sợ hãi, kích động phát ra tâm tình thay đổi việc lỗi lầm đã qua, mở phát tâm niệm tự giác, phản tỉnh lỗi lầm về trước, đau trách lương tâm, ăn năn hối hận đổi lỗi, dứt tâm tương tục, tôn trọng làm dân mới, tấm lòng phấn chấn, chí đồng thánh hiền. Nhờ đó tâm tình đổi mới, yển sáng giác ngộ tự hiện. Ấy là điều kiện đầu tiên, tiêu diệt được tội nghiệp. Cổ đức nói: “Người có tâm hổ thẹn không dám làm ác.”

2. Tội nghiệp đầy trời: Cấm không trụ một chữ hối, phương pháp sám hối, chẳng những dạy diệt nghiệp hiện tại, đồng thời cũng hay tiêu diệt tội đời

trước, mức độ tiêu diệt, chỉ ở nơi trang trọng và khinh xuất của tâm thành. Do đó, nên trong kinh nói: “Đem tâm tăng thượng, trang trọng sám hối.”

Chữ **sám** là tiêu trừ tội lỗi trước. Chữ **hối** là quý ở chỗ không làm lại lỗi trước. Như vậy tội trước đã diệt, không làm lại lỗi sau. Trước sau chỉ là trong sạch thanh tịnh tâm hồn. Như vậy mới hay đóng ngăn cửa ba đường ác. Quan trọng trong sự sám hối, đức Phật dạy, có nghi thức pháp sự, trước khi sám hối, phải phát tâm thành kính, không thể chỉ làm cho có lệ, phải đem tâm cung kính chí thành, kính dâng hương hoa quả phẩm, cúng dường ngôi Tam Bảo. Người sám trước hết phải tắm gội, mặc y phục sạch sẽ, hoặc y cũ thanh tịnh, ở trước điện Phật phát lồ các tội nghiệp, chí tâm

trình bày, đau lòng sám hối, cầu điển quang Phật xá miễn. Như thể thức long trọng, chắc chắn tiêu trừ tội nghiệp về trước.

Trên đã thuật hai biện pháp sám hối, như pháp mà làm, còn thuộc về cách thức để dùng, chỉ từ nay về sau, làm thế nào bảo trì không phạm tội nghiệp mới. Đây thuộc về việc khó. Đương sự cần phải hằng gìn giữ, trước sau như một. Ngạn ngữ có câu: “Biết mà cố ý phạm, tội gia tăng gấp hai.” Phật pháp cũng như thế. Không biết tạo tội còn cho Sám hối, biết mà lại phạm, rùng tội khó dung. Do đó ban đầu học Phật pháp, dùng lòng tin sâu vào, nếu trưởng thành ở trong Phật Pháp, dùng giới an trụ. Thế nên người học Phật, trước phải đem tâm sám hối, tôn trọng làm người mới, còn các lỗi

nho nhỏ, cũng cần phải sám hối, tiêu diệt cho hết nghiệp chướng. Liên sau đó là luôn trau dồi giới, định, huệ, ba vô lậu học. Trước ngăn ba đường ác, kể đến vượt lên cõi người cõi trời, chót sau hoàn thành con đường giải thoát, thông đến lãnh vực hiền thánh; như sinh được một vĩ nghiệp Hiền Thánh, từ đây thành tựu. Ấy là mục đích tu học Phật pháp. Ấy là Phật pháp cứu thế độ nhưn. Kinh Niết Bàn nói: “Tất cả chúng sanh gồm có hai hạng:

Một là hạng có trí huệ.

Hai là hạng ngu si.

Nếu hay tu tập thân giới tâm huệ, ấy gọi là người có trí.

Nếu không thể tu thân giới tâm huệ được, ấy gọi là ngu si.

Như thế nào gọi là không tu thân? Nếu không thu nhiếp năm tình cùng các căn, gọi là không tu thân vậy. Không thể thọ trì bảy thứ tịnh giới, (thân ba, miệng bốn) gọi là không tu giới, không điều phục tâm (không tu thiên định), gọi là không tu tâm. Không thật hành hạnh Phật, gọi là không tu huệ.

Tuy nhiên, siêng tu sám trừ nghiệp đời trước, nếu không tu thân giới tâm huệ, tội nghiệp mới không thể ngăn cản, đã hiểu biết mà cố ý phạm, vẫn khó khởi khỏi trong ba đường ác, nên gọi là ngu si. Hiện nay một số đệ tử Phật, phần đông phạm phải bệnh này, mặc dù đối với ngôi Tam Bảo thành kính, cũng tin tưởng có hiệu năng tiêu tai khởi nghiệp, mỗi thời gian thường tham gia pháp hội tiêu tai, nhưng đối với

tâm tu tập thân giới tâm huệ, luôn luôn phát triển đúng mức, trái lại đối với chính mình hiện tại và tương lai bị ám đạm không có yển sáng, chẳng phải chỗ làm của hàng trí giả.

PHẠM LỆ

Kinh Nghiệp Báo Sai Khác này, tuy là giáo lý cõi người cõi trời, nghĩa lý thiên cận, không khó hiểu biết, chỉ là Phật pháp quý trọng ở chỗ thực hành, có thực hành mới được thực lợi ích. Ấy là kiến giải và thật hành đều tôn trọng, mới hay thông suốt đến bờ giác ngộ. Có thể là một số Phật giáo đồ đều phạm lỗi này: Có sự tìm hiểu nhưng không trọng thật hành. Hiện tại khó khỏi cuồng vọng, tương lai quyết định bị khổ sanh trong đường ác. Có người tuy có thực hành, nhưng không tìm hiểu, mặc

dù khỏi đọa vào đường súc sanh, tương lai có thể sa vào vực khổ, cả hai đều không phải kẻ khéo học. Cầu tìm hiểu, không sợ sâu xa, thỏa thích, thực hành quý ở nơi thiên cận. Bởi vì, ngày thường sinh hoạt, lời nói hành động, cử chỉ đều là biểu hiện đạo lý, nếu bỏ hạnh thiên cận này thì mỗi đạo không ở đây, riêng có phép nhiệm màu, ai có thể tin chắc. Kinh này chính là chỉ bày, sinh hoạt hằng ngày, ngôn ngữ hạnh kiểm, cử chỉ, mỗi mỗi trong con đường tạo nghiệp, nó biểu hiệu hình tượng của đạo.

II

Nếu hay đọc hiểu **KINH NGHIỆP BÁO SAI KHÁC** này, phần chính yếu quan niệm nhân sinh hết sức chính xác, mỗi việc trong ngoài đều do sức nghiệp của chính

mình, tuyệt đối nên hư, thành, bại, đều do chính mỗi người, quyết định không có sự an bài nào của Phạm Thiên hay Thần Ngã, không ai chi phối ngoài chính mình. Do đó, hay khiến các tầng lớp người quyết chọn con đường chính xác, nhận thức tối hậu của quyết định tánh; đối với con đường trước của chính mình, không có tâm tình mơ hồ và tâm lý kiêu hãnh; đồng thời hay phát tâm phẫn chấn, tự cường dứt hết các duyên ác, gìn giữ chọn con đường lành, lập đại chí nguyện, tiến đến con đường Thánh Hiền, triệt để cải biến tư tưởng làm người. Trên con đường nhơn sanh thên thang tiến bước lên quả Thánh, dùng tín niệm hân hoan, tinh thần dũng mãnh, hướng lên bờ giác ngộ mà tiến.

III

Trên đến cõi trời, dưới đến ba đường khổ, đều là phàm loại, bốn quả Tiểu Thừa, ba Hiền, mười Thánh Đại Thừa, đều là Thánh Hiền, đều dùng người làm bản vị hoàn thành. Người là căn bản của mười pháp giới; chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh cũng dùng như đạo chúng sanh làm cơ bản đối tượng. Như vì trời người, đắm say nơi ngũ dục và trong thiên duyệt, không có tâm lãnh thọ đạo. Chúng sanh trong ba đường, khổ lớn đến thân, tự xem không rảnh, khó lãnh thọ sự giáo hóa. Hơn nữa, chúng sanh trong ba đường ngu si, không biết lý thâm sâu, pháp nhiệm mầu, khó mà lãnh hội, nên khó giáo hóa. Chỉ có như đạo, khổ vui lẫn lộn, thọ lãnh lời dạy duyên sâu, sức trí cũng mạnh, hay ngộ pháp sâu xa, do đó người sống có duyên

tốt, nên ta phải quý tiếc, không thể cho mất cơ duyên.

IV

Tập kinh này, trước nêu đề mục, sau đó giải nghĩa, văn lý rõ ràng, làm cho độc giả, dễ hiểu từ trước đến sau, xem qua là hiểu liền. Mỗi một đề mục đều nêu 1,2,3, v.v... chữ số, thêm phần chặt chẽ.

V

Chú giải tập kinh này, xét chỗ văn nghĩa khó thông, hoặc là chỗ trong kinh có chữ Phạn, đem ra giải thích. Phàm có chỗ chú giải, đều đánh dấu con số để ghi. Phàm thấy có con số 1,2,3, v.v... đều có giải thích, hy vọng độc giả tham khảo tường tận.

PHỤ TRƯỞNG

Kinh Hoa Nghiêm, trong phẩm **Ly Cầu Địa** thứ hai, ngài **Kim Cang Tạng Bồ Tát** nói: “Có mười con đường bất thiện, mỗi mỗi nghiệp bất thiện, đều hay đọa vào ba đường ác. Nếu sanh trong loài người, còn có hai nghiệp báo dư tàn.” Nay liệt kê đầy đủ như dưới đây: Mười con đường bất thiện, về bậc thượng là nhưn địa ngục, bậc trung là nhưn súc sanh, bậc hạ là nhưn quỷ đói.

1. Những tội sát sanh, hay khiến chúng sanh, đọa nơi địa ngục, súc sanh, quỷ đói. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

- ❖ Chết yếu.
- ❖ Nhiều đau ốm.

2. Những tội trộm cắp, cũng khiến chúng sanh đọa trong ba đường xấu. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

❖ Nghèo cùng.

❖ Của chung, không được tự tại.

3. Những tội tà dâm, cũng khiến chúng sanh, đọa trong ba đường dữ. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

❖ Vợ không trinh lương.

❖ Không được tùy ý quyền thuộc.

4. Những tội vọng ngữ, cũng khiến chúng sanh, đọa ba đường ác. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

❖ Bị nhiều phỉ báng.

❖ Bị mê hoặc bởi kẻ khác.

5. Những tội lương thiệt, cũng khiến chúng sanh, đọa trong ba đường ác. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

❖ Quyến thuộc trái lìa.

❖ Thân tộc ác tệ.

6. Những tội ác khẩu, cũng khiến chúng sanh, đọa trong ba đường dữ. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

❖ Thường nghe tiếng ác.

❖ Nói nhiều sự kiện tụng.

7. Những tội thù dết lời nói, cũng khiến chúng sanh, đọa ba đường ác. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

❖ Nói không ai nghe theo.

❖ Nói không rõ ràng.

8. Những tội tham dục, cũng khiến chúng sanh, đọa trong ba đường dữ. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

- ❖ Tâm không biết đủ.
- ❖ Nhiều ham muốn không nhằm chán.

9. Những tội tức giận, cũng khiến chúng sanh đọa trong ba đường ác. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

- ❖ Thường bị người khác tìm hay dờ.
- ❖ Hằng bị sự não hại của kẻ khác.

10. Những tội tà kiến, cũng khiến chúng sanh, đọa trong ba đường ác. Nếu sanh trong loài người, bị hai thứ quả báo:

- ❖ Sanh trong nhà tà kiến.
- ❖ Tâm họ dua nịnh.

Phật tử! Mười con đường nghiệp bất thiện,
hay sanh cõi này, vô lượng vô biên, chúng
sanh chịu khổ!

HẾT

Cùng một tác giả

1. Lược Sử Tổ Bồ Đề Đạt Ma – 1961 - Việt Nam
2. Đường về Xứ Phật – 1964 - Việt Nam
3. Tu Sĩ và Họa Sĩ trên đất Phật – 1966 – Việt Nam
4. The Life and Works of Sariputa Thera
 - Xuất bản – 1972 – Việt Nam
 - Tái bản lần đầu – 1989 – France
5. Phật Lý Căn Bản
 - Xuất bản – 1974 – Việt Nam
 - Tái bản lần đầu – 1984 – France
6. Gương Sáng Người Xưa – 1975 – Việt Nam
7. Chủ Yếu Kinh Lăng Nghiêm – 1981 – France
8. The Four Abhidharmic Reals – 1982 – France

9. Diêu Lý Pháp Hoa – 1983 – France
10. Buddhist Doctrine – 1983 – France
11. Phật giáo Thánh Điển – 1985 – France
12. Yếu Nghĩa Phật Pháp – 1985 – (Pháp & Việt Ngữ) – France
13. Kỳ Yếu về Tùng Lâm – 1988 – France
14. Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật – 1988 – (Anh, Pháp, Hoa & Việt ngữ v.v...) France
15. Chú Giải Kinh Kim Cang và Chánh Pháp Chư Tùng Có – 1990 – France
16. Hiện Đời Thành Phật – 1993 – France
17. Thiền Tứ Oai Nghi – 1994 – (Anh, Pháp, & Việt ngữ) France
18. Hồng Danh Lễ Sám (15000 Hồng Danh) – 1995 – France
19. Phật Nói Kinh Chánh Pháp Đại Bửu Tích Hỏi Ngài Ca Diếp – 1995 – Linh Sơn
20. Giới Luật Cho Người Xuất Gia – 1995 – France
21. Kinh Đại Định Thủ Lăng Nghiêm & các Kinh khác

22. Comprendre Le Bouddhisme en une heure – 1996
– France
23. Kinh Vô Lượng Thọ & Pháp Môn Niệm Phật –
1996 – France
24. Giảng Giải Kinh Viên Giác – 1997 – France
25. Giảng Giải Bốn Kinh Của Phật Tổ (Bát Đại
Nhân Giác/Bốn Mươi Hai Chương/Di Giáo &
Nghịệp Báo Sai Khác) – 1998 – France
26. Thơ, Con Đường Thành Phật – 1988

Kinh Sách sẽ xuất bản

- Kinh Tăng Nhất A Hàm
- Đức Phật Nói Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập
- Kinh Sám Tụng Niệm (hoàn toàn bằng Việt ngữ)

*Hoa thơm hoa đến ở nơi nào,
Mùi thơm bay tỏa vẫn ngạt ngào,
Nếu làm thiện ác, hai đường nghiệp,
Theo dõi cùng nhau tránh được sao?
Các loài chim nương ở cây rìng,*

*Sáng đi chiều lại nổi tung bùng,
Tình cảnh chúng sanh cũng như thế,
Vương vấn thời sau lụy không ngừng!*

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Trở về mục lục

<http://www.quangduc.com/tacgia/thichhuyenvi.html>

<http://www.quangduc.com/ipad/index.html>

<http://www.quangduc.com/kinhdien-2/index.html>

Đánh máy: Nhuận Giai. Proofread: Giác Viên

Trình bày: Tịnh Tuê

Cập nhật: 1-1-2012